

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose

Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 10

Ấn bản 8.8 1983-2018

Họ và tên học sinh _____

Lớp _____ Khóa _____

Thầy/Cô phụ trách _____

Số phòng học _____

*Tiên học lễ,
hậu học văn.*



Sách Cấp 10, ấn bản 8.8 1983-2018.
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.
Tháng Chín, 2018.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gửi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose
P.O. Box 32563
San Jose, CA. 95152

Điện thoại: (408) 647-5147
E-mail: admin@vanlangsj.org
Website: <http://www.vanlangsj.com>
<http://www.vanlangsj.org>

Mục Lục

- Nội Quy.			iv
- Lời Mở Đầu.			v
- Định Nghĩa.			vi
- Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả.			vii
- Chữ Cái và Cách Phát Âm.			xi
- Tiêu chuẩn cho học sinh cấp 10			1
- Bài ôn cấp 9			2
- Bài 1:	☐ Những Lời Tâm Huyết.	☐ Công Cha Nghĩa Mẹ.	11, 16
- Bài 2:	☐ Một Lần Về Quê Nội.	☐ Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Nam.	17, 22
- Bài 3:	☐ Một Cuộc Thi Tuyển.	☐ Giờ Quốc Sử.	25, 31
- Bài 4:	☐ Lời Mẹ Dặn.	☐ Gương Kiên Nhẫn.	32, 36
- Bài 5:	☐ Lòng Bác Ái.	☐ Anh Thư Nước Việt.	37, 42
- Bài 6:	☐ Chùa Hương	☐ Tình Yêu và Gia Đình.	43, 48
- Bài 7:	☐ Rừng Mắm.	☐ Lầy Cái Chết Đền Nợ Nước.	49, 54
	☐ Bài Thi Mẫu Giữa Khóa.		55
- Bài 8:	☐ Vẽ Bản Đồ Việt Nam.	☐ Hòa Diệm Sơn	56, 60
- Bài 9:	☐ Ý Nghĩa Cuộc Đời.	☐ Tình Tương Trợ.	61, 66
- Bài 10:	☐ Trăng Sáng Vườn Chè.	☐ Niềm Mơ Ước Của Tuổi Trẻ	67, 72
- Bài 11:	☐ Những Hội Thiện Nguyện Giúp Việt Nam.	☐ Biết Quý Cái Thân.	73, 78
- Bài 12:	☐ Cám Ơn Những Tấm Lòng.	☐ Sứ Mạng Thiêng Liêng.	79, 83
- Bài 13:	☐ Món Quà Cho Quê Hương.	☐ Một Đêm Mưa.	84, 89
- Bài 14:	☐ Việt Nam, Quê Hương Tôi.	☐ Có Chí Thì Nên.	90, 95
	☐ Bài Thi Mẫu Cuối Khóa.		96
- Ngữ vựng đã học			97
- Bản Đồ Việt Nam			109
- Bài Đọc Thêm			110
- Tài Liệu Tham Khảo & Trích Dẫn			118
- Quốc Ca.			119
- Văn Lang Hành Khúc			120
- Ngôi Trường Văn Lang			121
- Việt Nam Việt Nam.			122
- Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ			123

Nội qui dành cho Học sinh và Phụ huynh thuộc TRUNG TÂM VIỆT NGŨ VĂN LANG SAN JOSE

- 1- **Học sinh phải mặc đồng phục** khi đến lớp học (áo trắng có cổ và phù hiệu Văn Lang). **Học sinh phải tuân giữ kỉ luật trong lớp**, lễ phép với Thầy, Cô, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy, Cô và hòa nhã với bè bạn. Học sinh vi phạm kỉ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học tại Trung Tâm.
- 2- **Học sinh phải giữ vệ sinh chung của trường và lớp học**, tuyệt đối không được ăn uống trong lớp học, di chuyển, lấy cắp đồ đạc, sách vở cũng như trợ huấn cụ của lớp học. Mọi sự thất thoát có bằng chứng phụ huynh phải chịu trách nhiệm hoàn trả theo trị giá của từng vật bị mất và học sinh sẽ không được tiếp tục theo học.
- 3- **Học sinh phải tham dự đầy đủ các kì thi của khóa học**, nếu không đương nhiên sẽ ở lại lớp. (Các trường hợp xin thi trước hoặc sau đều không được chấp nhận). Học sinh phải hoàn tất những bài tập do Thầy, Cô đã cho và nộp lại đúng kì hạn. Học sinh vắng mặt 5 lần dù có xin phép cũng không được lên lớp trong khóa tới.
- 4- **Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục**; học sinh đến lớp trễ quá 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp Ban trật tự để nhận giấy phép trước khi vào lớp. Học sinh không được về sớm quá 5 lần trong một khóa học. Ban trật tự sẽ không giải quyết cho học sinh xin về sớm nếu người xin phép không phải là người đứng tên trong đơn xin nhập học và sau 11 giờ trưa (trừ trường hợp khẩn cấp).
- 5- **Học sinh nghỉ học**, phụ huynh phải xin phép trực tiếp trước với thầy cô, Ban trật tự hoặc qua điện thoại của TTVN-Văn Lang để trình bày lí do nghỉ học. Học sinh nghỉ học, về sớm hoặc đi trễ liên tiếp 3 lần mà không xin phép cũng như không có phụ huynh đích thân dẫn tới gặp Ban trật tự thì coi như tự ý thôi học.
- 6- **Học sinh ở lại lớp liên tục trong 3 khóa học** sẽ không được tiếp tục theo học tại TTVN-Văn Lang SJ
- 7- **Học sinh không được mang giày có bánh xe**, banh, ván trượt (skate board) và các loại đồ chơi không do nhà trường cung cấp vào trong khuôn viên nhà trường. Nếu bị bắt gặp chơi trong giờ học lần đầu sẽ bị cảnh cáo và thông báo đến cha mẹ. Nếu tiếp tục tái phạm, học sinh sẽ được cho thôi học. Những trường hợp mất mát nhà trường không chịu trách nhiệm.
- 8- **Cấm Mang Vũ khí**, học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên nhà trường gây gộc, các vật dụng bén nhọn, chất nổ, ma túy cũng như vũ khí. Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo với sở cảnh sát mà không cần thông báo cho phụ huynh.
- 9- **Đưa Đón Học sinh**, để an toàn tuyệt đối cho chính con em mình, phụ huynh phải đón con em đúng giờ và chỉ đưa đón con em mình trong khuôn viên nhà trường. Tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Ban trật tự về vấn đề giao thông lúc đưa cũng như lúc đón, xin hoà nhã với người hướng dẫn. Mọi ý kiến, xin liên lạc cùng Ban điều hành để được giải quyết.
- 10- **Phụ huynh không được theo con em vào lớp học** nếu không có sự đồng ý của Ban trật tự. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose dành mọi thẩm quyền sử dụng hình ảnh và video được thu trong tất cả các sinh hoạt của Trung Tâm.
- 11- **Học phí** của học sinh sẽ không được hoàn trả sau 2 tuần nhập học (với bất cứ lí do gì)

Lưu ý: *Nếu vi phạm các điều trên, Trung tâm sẽ áp dụng các biện pháp kỉ luật cho học sinh bao gồm: chép phạt, không cho ra chơi, mời phụ huynh đến trường hoặc bị đuổi học vĩnh viễn.*

Phụ Huynh kí tên:

Lời Mở Đầu

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Vì vậy, Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 10 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 10. Mỗi tập gồm có bài học trong lớp và bài làm ở nhà. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose,
California, U . S . A.

CHÚ THÍCH

(Dành riêng cho quý Thầy Cô và Phụ huynh)

- Nên cho các em đọc các bài văn ngắn trong báo Việt Ngữ hay các truyện ngắn để luyện giọng cho trôi chảy..
- Nếu trong các bài có thể có một số hình ảnh (hình màu càng tốt) minh họa thì sẽ giúp cho các em hiểu và nhớ bài hơn.
- Theo đề nghị, chia lớp thành nhóm, ít nhất là 3 em. Chọn đề tài, các em viết xong, các em phải đứng trước lớp, thuyết trình về đề tài của mình. Các bạn khác có thể đặt câu hỏi. Tập cho các em thói quen nói chuyện trước đám đông. Rất hữu ích nếu sau này các em đứng lớp dạy.
- Phân bình giảng, tập trung vào việc lý luận và thí dụ chứng minh. Việc này sẽ làm cho các em phải kiếm thêm nhiều từ vựng và biết cách biện luận cho những ý kiến của mình.
- Nếu có thể được, cho các em chọn nghe một số nhạc Việt Nam, giải thích cho các em rõ. Các em sở dĩ không thích nghe nhạc Việt, vì không rõ nghĩa. Các em khi ra trường, phải hội đủ một số điều kiện như sau:
 - 1) Phải làm một bài luận án ra trường với đề tài tự chọn (Viết ra khung bài, thầy cô góp ý, viết được phần nào, nhờ thầy cô góp ý kiến).
 - 2) Phải đọc một bài văn, hoặc một truyện ngắn vô bằng, phải cố gắng diễn tả mạch lạc, rõ ràng. Giọng đọc phải đi theo tình cảm của từng nhân vật.
 - 3) Hiểu rõ và nắm được rõ ràng những gì mình đã học. Khuyến khích các em nếu có gì còn lẩn cẩn, không rõ, phải hỏi ngay.
 - 4) Từ ngày đầu tiên làm bài tập, thuyết trình, hay luận án. Khuyến các em nên tự làm lấy. Bố mẹ chỉ giúp ý kiến hoặc tài liệu, không nên để bố mẹ các em làm hết cho các em.

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose



ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.
Tiếng Việt có 23 chữ cái:
a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).
Đề ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:
- 12 nguyên âm: ***a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.***
- 17 phụ âm đơn: ***b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.***
- 11 phụ âm ghép: ***ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.***
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.
Thí dụ: ***a, o, ui, iê, ong, iêng, ươm*** v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.
Thí dụ: ***A! bông hồng đẹp quá.***
Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.
Thí dụ:
- ***A, ba, nhà*** là ba từ đơn.
- ***Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng*** là bốn từ ghép.



Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả

(Thầy cô tùy nghi áp dụng các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn **quả** nhớ kẻ trồng cây.
- **Gần** mực thì đen, gần đèn thì **rạng**.

2a) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị **Thùy** bỏ **kẹo** vào **túi** áo.
- **Cái** răng **cái** tóc là vóc con người.

Trường hợp phụ âm ghép “qu” thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Chị đóii **quá** nên ăn hết đồ ăn của em.
- Ăn **quả** xanh dễ bị đau bụng.
- **Quý** vị làm ơn cúi đầu khi làm lễ.

2b) Nếu từ có hai nguyên âm, một mang dấu mũ và một không có dấu mũ, thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm có dấu mũ như :

- Anh đừng có **quở** cháu **tội** nghiệp.
- Bảy **giờ** đã quá sáu **giờ** chiều.
- Cúng **giỗ** ở bên này phải **lựa** ngày **bảy** trẻ không đi làm.
- **Quê** đóng **thuế** trễ nên bị phạt

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đằng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cự **Toàn** thích ăn **oản**.
- **Nước** **Việt** Nam có ba **miền** : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương **người** đồng **loại**.
- Ông bà **ngoại** em có lòng **đoái** thương **người** **thiếu** ăn, **thiếu** mặc.

5) Nếu từ có ba nguyên âm ở giữa phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm cuối như :

- Em nghĩ **chuyện** **huyền** thoại là **truyền** **thuyết** không có thật.
- **Quyển** sách đó nói về các vua nhà **Nguyễn**.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (`) hoặc có dấu nặng (•) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

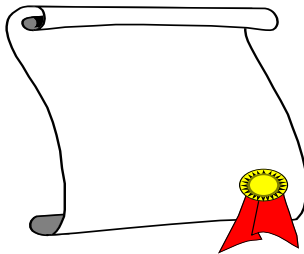
- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

***“Em Huyền (`) mang Nặng (•) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (´) thuốc Hỏi (?) đau chỗ nào.”***

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hòa hoãn, Thỏ thần



C- Viết chính tả với chữ I và Y.

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách, viết báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này.

Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

"Việt Nam Tự Điển của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyến cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng".

Nay biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học", chúng tôi dựa theo những nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ i và chữ y.

Xin nêu ra đây một số nguyên tắc căn bản :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ **i** khi **i** ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

lý do
địa lý
đi tỵ nạn
một tỷ đồng
v. v. . .

Nay sẽ viết:

lí do
địa lí
đi tị nạn
một tỉ đồng

II. Về chữ y.

Chỉ viết chữ **y** dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ **y**) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú y	ngôi y
y kiến	y phục
y lại	v. v. . .

2. Tuy **y** và **i** đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm **y** dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm **i** ngắn được như :

● Từ có vần:

nước **chấy** (ay)

ngà**y** **nay** (ay)

say **túy** **lúy** (uy)

cô Th**úy** (uy)

v. v. . .

không thể viết

không thể viết

không thể viết

không thể viết

● Từ có vần:

nước **chải** (ai)

ngà**i** **nai** (ai)

say **túi** **lúi** (ui)

cô Th**úi** (ui)

3. Với **y** dài hay **i** ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu **Í**

Lý Thường Kiệt

Mỹ Tho

Mỹ Quốc

v. v. . .

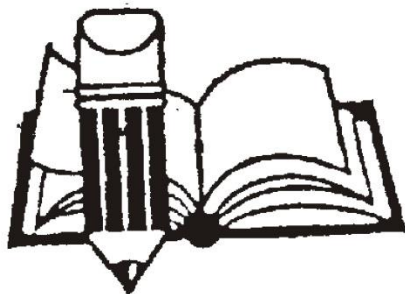
(tên nhà văn)

(tên một danh tướng)

(tên một tỉnh)

(tên một nước)

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết **i** ngắn và khi nào viết **y** dài.



23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A a	B b	C c	D d	Đ đ	E e	G G	H h
I i	K k	L l	M m	N n	O o	P P	Q q
R r	S s	T t	U u	V v	X X	Y y	

THÊM DẤU

* Dấu mũ:  * Dấu á:  * Dấu móc: 

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A a	Ă á	Â ớ	B bờ	C cờ	D dờ	Đ đờ	E e
Ê ê	G gờ	H hờ	I i	K ca	L lờ	M Mờ	N nờ
O o	Ô ô	Ơ ơ	P pờ	Q quờ	R rờ	S sờ	T tờ
U u	Ư ư		V vờ	X xờ	Y i-cờ-rét		

Chú ý: - Chữ k chỉ ghép với ba nguyên âm: i, e, ê (ki, ke, kê)

- Chữ c ghép với các nguyên âm còn lại: a, o, ô, ơ, u, ư (ca, co, cô, cơ, cu, cừ)

12 nguyên âm đơn

A <i>a</i>	Ă <i>á</i>	Â <i>ớ</i>	E <i>e</i>	Ê <i>Ê</i>	I <i>i</i>
O <i>o</i>	Ô <i>ô</i>	Ơ <i>ơ</i>	U <i>u</i>	Ư <i>Ư</i>	Y <i>i-cờ-rét</i>

11 phụ âm ghép

CH <i>chờ</i>	GH <i>gờ-hát</i>	GI <i>giờ</i>	KH <i>khờ</i>
-------------------------	----------------------------	-------------------------	-------------------------

NG <i>ngờ</i>	NGH <i>ngờ-hát</i>
-------------------------	------------------------------

NH <i>nhờ</i>	PH <i>phờ</i>	QU <i>quờ</i>	TH <i>thờ</i>	TR <i>trờ</i>
-------------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------

Chú ý: - Phụ âm ghép **gh** chỉ ráp được với các nguyên âm **e, ê, i**.
- Phụ âm đơn **g** ráp được với các nguyên âm **a, i, o, ô, ơ, u, u**.

Tiêu Chuẩn cho Học Sinh Cấp 10

- Tập đọc, Chính tả, giải nghĩa từ khó, tìm đại ý
- Tập làm văn
- Học thuộc lòng
- Ca dao, tục ngữ Việt Nam, danh ngôn, sự phong phú tuyệt vời của ngôn ngữ Việt Nam
- Chuyện cổ tích, sự tích Việt Nam, chuyện vui.
- Văn phạm (dấu phẩy, dấu chấm câu, dấu chấm hỏi, dấu than, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép)
- Việt sử và (các vua nhà Nguyễn trước thời Pháp thuộc, Việt Nam 80 năm lệ thuộc thực dân Pháp, vận mệnh đất nước buổi giao thời, Một nước hai chính thể)
- Địa lý Việt Nam (vị trí nước Việt Nam, núi biển và suối thiên nhiên Việt Nam, sông ngòi Việt Nam)
- Làm bài và nộp bài đầy đủ và đúng kì hạn do thầy cô yêu cầu
- Hoàn tất 2 kì thi : học kì 1 và học kì 2



BÀI ÔN CẤP 9

• Tập Đọc - Chính Tả.

Quyền Tự Do

Thế nào là tự do ? Tự do có nghĩa là không bị ai **ràng buộc**, **kềm hãm** về tư tưởng, có thể hành động theo ý muốn của mình miễn là không làm hại tới kẻ khác.

Ai ai cũng muốn được hưởng quyền tự do đi lại, tự do làm việc, tự do phát biểu ý kiến, tự do **tín ngưỡng** v. v. . . Tự do quý giá và cần thiết như hơi thở. Cho nên nếu bị giới hạn hay bị tước đoạt tự do, con người sẽ là tù nhân hay **nô lệ**. Họ sống đầy mà tinh thần chết dần chết mòn chẳng khác nào như cây xanh thiếu dưỡng khí vậy.

Trong lịch sử **nhân loại**, con người đã phải trả giá rất đắt vì tự do. Dân tộc Hoa Kỳ đã trải qua một cuộc nội chiến đau thương và một thế kỉ đấu tranh mới dành được quyền tự do cho người nô lệ. Tổ tiên ta đã phải kiên trì chiến đấu mới giữ vững được quê hương thoát ách nô lệ của ngoại bang. Sau biến cố 1975, hàng triệu người Việt chúng ta đã bất chấp hiểm nguy từ bỏ chế độ cộng sản để đi tìm tự do. Cái giá của sự tự do phải trả là hàng ngàn người Việt Nam đã bỏ mình trên đường vượt thoát.

Trên thực tế, tự do đi đôi với **trách nhiệm**. Có tự do thì phải biết chấp nhận hậu quả do việc làm của chúng ta. Như tự do đi lại, tự do lái xe, nhưng phải có bằng lái xe và phải tuân theo luật lệ giao thông. Hoặc là chúng ta có tự do ngôn luận, phát biểu ý kiến riêng của mình, nhưng không thể dùng sự tự do đó để nói xấu, làm hại một cá nhân hay đoàn thể nào khác.

Trong một quốc gia dân chủ, tiến bộ, các quyền tự do **căn bản** của người dân luôn luôn được tôn trọng và bảo vệ.

Giải nghĩa:

- **Ràng buộc**: Bắt phải theo một khuôn khổ nào đó. - **Kềm hãm**: Hạn chế. - **Tín ngưỡng**: Lòng tin và sự tôn thờ một tôn giáo. - **Nô lệ**: Người bị bắt làm tôi tớ mà không có trả lương. - **Nhân loại**: Loài người. - **Trách nhiệm**: Nhận làm một công việc và hậu quả của việc đó. - **Căn bản**: Gốc rễ, điều cần có.

• Bài tập.

Đại ý:

Tìm Đại ý bài trên

Câu hỏi:

1. Tự do là gì ?
2. Em hãy kể ra vài quyền tự do của con người ?
3. Nước Mỹ đã xảy ra điều gì khi tranh đấu cho người nô lệ ?
4. Lí do gì hàng triệu người Việt phải bỏ nước ra đi ?

• Phân biệt tiếng:

ngọt	→ mật ngọt	ngột	→ ngột ngạt	ngọc	→ ngọc quý		
năn	→ ăn năn	năng	→ khả năng	nanh	→ nanh vuốt		
sức	→ sức lực	sút	→ sút mẻ	tác	→ tuổi tác	tát	→ tát nước
sung	→ bổ sung	xung	→ xung sức	sinh	→ học sinh	xinh	→ xinh đẹp
nghiên	→ nghiên mực	nghiêng	→ nghiêng ngửa	buồn	→ buồn cười	buông	→ buông cau
địu	→ địu dàng	diệu	→ diệu vợi	bền	→ bền bỉ	bệnh	→ bệnh bông
rộn	→ rộn rã	rộng	→ rộng rãi	hoan	→ hân hoan	hoang	→ hoang dã
đức	→ đức tính	đút	→ đút dây	sắc	→ màu sắc	sắt	→ thanh sắt
hắc	→ dầu hắc	hắt	→ hắt hơi	đắc	→ đắc chí	đắt	→ đắt tiền
lên	→ lên giá	lênh	→ lênh đênh	gắn	→ gắn bó	gắng	→ cố gắng
dục	→ giáo dục	giục	→ thúc giục	tủi	→ tủi hổ	tuổi	→ tuổi trẻ
dội	→ vang dội	giội	→ giội nước	biếc	→ xanh biếc	biết	→ biết ơn
lần	→ lần lượt	lành	→ làm lành	bắt	→ bắt cá	bắc	→ bắc cầu
dang	→ dờ dang	giang	→ giang sơn	ước	→ giao ước	ướn	→ ướn áo
dày	→ dày vò	giày	→ đôi giày				

* Thầy cô có thể thêm vào những từ khác liên kết với những vần trên để các em tập đọc

Đặt câu với những từ dưới đây:

giục : _____

biếc: _____

hắc: _____

bền: _____

tủi: _____

• Cách dùng tiếng:

- “vì”** :
- Dùng để chỉ nguyên nhân, duyên cớ.
 - Dùng để chỉ mục đích.
 - Dùng trong các câu hỏi.

- “bị”** :
- Dùng để chỉ sự việc gì xảy đến không may, không tốt cho ta
 - Dùng để chỉ sự thụ động, chịu ảnh hưởng của người hay vật khác.

- - “bởi” : - Để chỉ nguyên nhân, tương tự như tiếng Vì.
 - Có nghĩa là bằng.
- “được”:
 - Trái với "Bị" thường chỉ một sự có lợi, tốt đẹp.
 - Chỉ sự thắng, sự đoạt lấy.
 - Chỉ sự đã làm.
- “thì”:
 - một tiếng đệm, đôi khi không cần thiết; nó làm cho câu nói được xuôi hơn. Nó còn nhấn mạnh vào sự liên hệ giữa hai ý trong một câu.
 - dùng khi muốn nhấn mạnh rằng những người và vật làm công việc khác nhau, hay ở trong tình trạng khác nhau.
- “mà”:
 - chỉ sự trái ngược giữa hai ý trong một câu.
 - dẫn một phần câu dùng làm rõ danh từ đứng trước
 - nối hai phần câu chỉ hai công việc. Công việc trước sửa soạn cho công việc sau.

Đặt câu với những từ đã học trên đây:

vì : _____

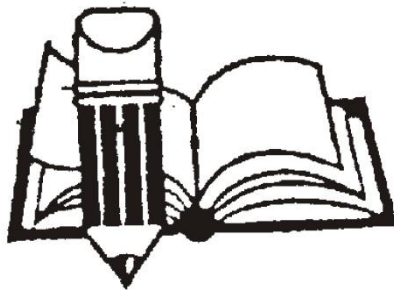
bị: _____

bởi: _____

được: _____

thì: _____

mà: _____



• Văn Phạm

- **Loại Từ:** Loại từ là tiếng đứng trước danh từ để chỉ danh từ ấy thuộc về thể loại nào và được phân làm hai loại: loại từ chung và loại từ riêng.
 a) **Loại từ chung** có hai tiếng là: **CON** và **CÁI**.
 b) **Loại từ riêng** có rất nhiều vì có nhiều giống, nhiều loại khác nhau: *cục đá, chiếc lá, cây thông*
- **Chủ Từ:** từ đứng làm chủ hay là thành phần chính trong một câu.
 Chủ từ trong một câu có thể là: Danh từ - Đại danh từ - Động từ - Tính từ . . .

- <i>Mặt trời</i> mọc ở phương Đông.	Chủ từ: mặt trời (danh từ).
- <i>Tôi</i> học tiếng Việt.	Chủ từ: Tôi (đại danh từ).
- <i>Thở</i> ngắn, <i>thở</i> dài.	Chủ từ: Thở (động từ).
- <i>Khôn</i> thì nhờ, <i>dại</i> thì chịu.	Chủ từ: Khôn, Dại (tính từ hoặc tỉnh từ).

- **Thành phần của một câu:** Muốn viết một câu văn, chúng ta kết hợp nhiều từ mới diễn đạt trọn ý. Có câu ngắn, có câu dài.

Câu độc lập: - Thành phần câu độc lập thường gồm có: Chủ từ / động từ / túc từ

Bé / ăn / cơm

- Ngoài ra, câu độc lập có thể viết không cần chủ từ hoặc túc từ mà ý vẫn đầy đủ. *Hãy hát / lên* (không có chủ từ)

Thành phần của một câu chính và câu phụ: Câu chính phải cần đến câu phụ mới hội đủ ý vì câu phụ bổ túc cho rõ ý muốn diễn tả của câu chính chưa trọn ý.

- Để kết hợp hai hay nhiều ý tưởng trong một câu văn, cần phải dùng dấu nối hoặc những tiếng "nối" sau đây:
- dấu phẩy, vì, thì, nhưng, mà, hay, hoặc, nếu ...thì, tuy ... nhưng v.v...

Thầy cô giảng bài, học sinh chăm chú nghe (dấu nối là dấu phẩy)

Bài tập: Hãy viết 1 câu độc lập với mỗi trường hợp khác nhau sau đây:

- Loại từ chung, Chủ từ, động từ, túc từ.
- Loại từ riêng, Chủ từ, động từ, túc từ.
- Chủ từ, động từ.
- Động từ, túc từ.

Các thể thơ Việt Nam.

▪ Thơ Lục Bát

Thơ lục bát là một thể thơ Việt Nam có câu đầu gồm sáu tiếng và câu tiếp theo tám tiếng, số câu không giới hạn.

Tiếng cuối của câu 6 vần với tiếng thứ sáu của câu 8,
Tiếng cuối của câu 8 vần với tiếng cuối của câu 6 tiếp theo

Thí dụ: Bầu oi thương lấy bí cùng,
 B B T T T B
 Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
 B B T T B B T B

*B → Bằng T → Trắc

▪ Thơ Lục Bát biến thể

Trong thơ lục bát, nếu cách gieo vần và luật bằng trắc khác đi hoặc không đúng với luật thường, chúng ta có thể thơ Lục Bát Biến Thể.

Thí dụ như trong đoạn thơ sau đây:

Câu 1- Khoan khoan chân bước lên đường,
Câu 2- Thấy chàng họ Lý ngồi đương ăn mày.
Câu 3- Đầu thời đội nón cỏ may,
Câu 4- Mặt võ mình gầy, cầm sách giờ lâu.
Câu 5- Dưới đất có bốn rông châu,

- Câu số 4: Tiếng thứ nhì là thanh trắc thay vì thanh bằng.
 Tiếng **sách** (thứ sáu) không vần với tiếng **mày** ở câu trên.
- Câu số 5: Tiếng thứ nhì là thanh trắc, thay vì thanh bằng.

Bài Tập: Sắp xếp lại những câu dưới đây thành một bài thơ lục bát:

Cái Bút Chì Màu

Em mua cái bút chì màu,
Em ngồi vẽ vẽ, tô tô,
Một đầu đỏ thắm, một đầu xanh lơ.
Con chim, quả bóng, bản đồ Việt Nam.

Văn Thơ truyền khẩu.

- **Tục Ngữ**

Tục ngữ là những câu nói về thói quen trong đời sống đã có từ lâu đời và được truyền miệng từ thế hệ này qua thế hệ khác trong dân gian

Thí Dụ: - Đạo làm người:
- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- Uống nước nhớ nguồn.

- **Thành Ngữ**

Thành ngữ là những lời nói do nhiều tiếng đã quen dùng ghép lại mà thành. Thành ngữ dùng diễn tả một trạng thái, hay một ý nhưng không có ý khuyên răn và không có vần điệu.

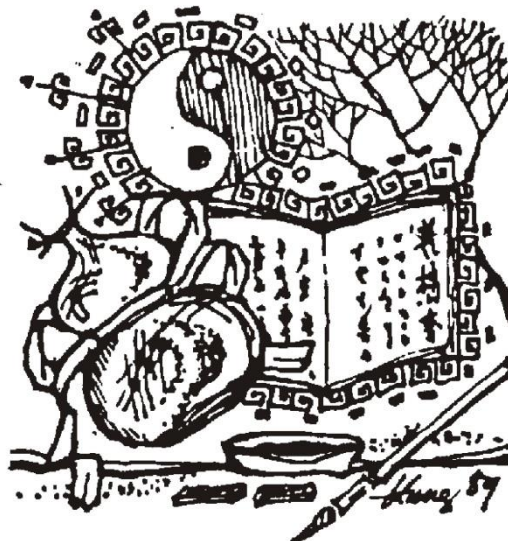
Thí dụ:

- *Thùng rỗng kêu to.*
- *Tiền rìng, bạc bể.*

- **Ca Dao**

Ca dao là những bài hát không có chương, khúc được lưu hành trong dân gian. Ca dao thường diễn tả tính tình, phong tục của người bình dân

Thí dụ: *Cơm cha áo mẹ công thầy,
Lo sao cho đáng những ngày ước mong.*



• Việt sử

Vua Quang Trung (1752-1792) Và Chiến Thắng Đống Đa (Kỉ Dậu 1789)

Mượn tiếng giúp vua Lê Chiêu Thống, vua Càn Long nhà Thanh (Trung Hoa) sai Tôn Sĩ Nghị đem 200.000 quân sang chiếm nước ta vào mùa thu năm 1788.

Được tin cấp báo, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ bình tĩnh ra lệnh chuẩn bị chống giặc. Các tướng sĩ yêu cầu ngài hãy lên ngôi vua để thuận lòng dân và **huy trương thanh thế**. Ngài cho đắp đàn ở Bàn Sơn và lên ngôi vua lấy hiệu là Quang Trung Hoàng Đế. Rồi từ Phú Xuân, vua Quang Trung tiến quân ra Bắc, dẹp giặc. Ông có tài **hành quân** chớp nhoáng. Nhà vua cho hợp ba người thành một tổ, rồi lần lượt thay phiên để vòng nhau. Nhờ sự chuyển vận này mà quân lính đi rất nhanh và đỡ cả sự nhọc mệt.

Ngày 20 tháng 12 năm 1788, đại quân đến núi Tam Điệp, vua Quang Trung cho quân sĩ ăn Tết trước và dời đến hôm 30 tháng Chạp thì tiến quân. Trong 5 ngày, ngài phá tan quân nhà Thanh. Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả **án tín** chạy trốn về Tàu. Gò Đống Đa là mồ chôn hàng **vạn** quân giặc. Hai đạo quân Thanh từ Quý Châu và Vân Nam kéo sang, nghe tin cũng bỏ chạy nốt. Đến trưa mừng 5 Tết Kỉ Dậu (1789), vua Quang Trung thúc voi vào thành Thăng Long và mở tiệc ăn mừng chiến thắng.

Thế là chỉ trong vòng 5 ngày chiến đấu ào ạt, Vua Quang Trung đã **tiêu diệt** 200.000 quân Thanh. Đây là một chiến công oanh liệt đã được xếp vào bậc nhất trong các **vũ công** lớn lao của các danh tướng **cổ kim** trên thế giới.

Năm 1792, vua Quang Trung bị bệnh nặng và qua đời.

Hàng năm vào ngày mùng 5 Tết, dân chúng làm lễ kỉ niệm chiến thắng Đống Đa để ghi nhớ chiến công **hiển hách** của vua Quang Trung.

Giải nghĩa:

- **Huy trương**: Nói cho rộng ra, lớn lên. - **Thanh thế**: tiếng tăm, uy danh. - **Hành quân**: Di chuyển quân đội từ nơi này đến nơi khác. - **Án tín**: Con dấu của vua, quan để làm tin. - **Tiêu diệt**: Trừ khử một cách hoàn toàn. - **Vạn**: Mười ngàn. - **Vũ công**: Công việc về chiến đấu, đánh trận. - **Cổ kim**: Cũ và mới, từ trước đến bây giờ. - **Hiển hách**: Rực rỡ, lừng lẫy, tiếng tăm.

**Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến Vua Quang Trung và Trận Đống Đa cho các học sinh nhớ lại bài học*



• Địa lí.

Hải Đảo Việt Nam

Nước Việt Nam có rất nhiều hải đảo. Sau đây là vài hải đảo mà nhiều người thường nghe nói đến:

- **Cát Bà:** Là một quần đảo có tới 366 đảo lớn, nhỏ. Đảo chính là Cát Bà rộng 100 km² cách cảng Hải Phòng 30 **hải lí**, tiếp nối với vịnh Hạ Long tạo thành một quần đảo và các hang động làm du khách say mê. Diện tích được bảo vệ là 15.200 ha. Trên quần đảo có **voọc đầu trắng**, khỉ vàng, **son dương** và nhiều loại chim đẹp. Rừng trên các đảo có các loài cây thuốc và cây quý.

- **Côn Đảo (hay Côn Sơn):** Cách Vũng Tàu 179 hải lí, quần đảo có hình dạng như một con gấu đang vươn mình giữa biển bao gồm 16 hòn đảo với diện tích là 72 km². Côn Đảo là khu nghỉ mát lí tưởng với các bãi biển đẹp cho khách du lịch và những người thích bơi lội từ tháng 3 đến tháng 6.

- **Phú Quốc:** Là đảo lớn nhất Việt Nam nằm trong vịnh Thái Lan và cách Hà Tiên 45 km với diện tích 573 km². Dân cư sống trên đảo khoảng 45.000 người. Tại đây ngoài đồi núi, còn có đồng bằng, rừng thiên nhiên với nhiều loại gỗ quý và chim muông. Viền quanh đảo là các bãi biển đẹp, du khách có thể tắm biển, tắm suối, leo núi, vào hang, lên rừng để **thưởng ngoạn** cảnh thiên nhiên **hoang dã**. Dân cư sống trên đảo đa số sống về nghề đánh cá và nghề làm nước mắm. Nước mắm Phú Quốc nổi tiếng với hương vị ngọt thơm được chế biến từ loại cá cơm đặc biệt.

Giải nghĩa:

- **Hải lí:** Đơn vị đo lường trên biển, bằng 1.852 m. - **Voọc đầu trắng:** Một loại thú quý hiếm trên thế giới, giống khỉ lông đen, đầu và vai có lông trắng. - **Son dương:** Một loại thú quý hiếm còn gọi là dê rừng. - **Thưởng ngoạn:** Ngắm cảnh để thưởng thức. - **Hoang dã:** Nơi đất đai để hoang, ít người đi lại.

**Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến bài “Hải Đảo Việt Nam” cho các học sinh nhớ lại bài học*



Luận Văn.

▪ Tả Người

Thầy cô ôn sơ qua cho các em cách thức tả một người.
Phác họa một dàn bài mẫu:

1- Mở bài: Giới thiệu nhân vật sẽ tả.

2- Thân bài: Nói về:
a- Hình dáng.
b- Tính nết.
c- Tình cảm.

3- Kết luận: Cảm tình của chúng ta đối với người ấy. Gương sáng, nếu có, mà chúng ta có thể noi theo.

Bài tập: Em hãy tả về cô hoặc thầy giáo của em

▪ Viết Thư

Thầy cô ôn sơ qua cho các em cách thức viết một lá thư.
Phác họa một dàn bài mẫu:

1- Đầu thư: Ngày, tháng, năm và câu xưng hô mở đầu (như: Kính thưa, thưa ông, thưa bà, thưa bố mẹ ...)

2- Giữa thư: Viết những điều muốn nói:
a- Hỏi thăm.
b- Kể chuyện.
c- Bàn về một vấn đề gì.

3- Cuối thư: Lời cầu chúc và chữ kí.

Bài tập: Nhân dịp Giáng Sinh, em hãy viết thư thăm hỏi bạn em hay người thân đã đi xa.



BÀI MỘT

• Chính tả - Tập đọc.

Những Lời Tâm Huyết

Tôi **thành khẩn** viết những lời này với ý nguyện chính là gửi đến các bạn trẻ Việt Nam của chúng ta hiện sống ở nước người. Trong các bạn, có người tới xứ lạ lúc tuổi còn ấu thơ. Các bạn nhỏ tuổi hơn đã được sinh đẻ và lớn lên ở xứ người. Nếu có cuộc sống gia đình với cha mẹ, ông bà là người Việt Nam thì phần lớn các bạn đều nói được tiếng Việt. Nhưng cũng nhiều bạn không viết và đọc được chữ nước nhà. Thật là điều đáng buồn vì tiếng nước ta nào đâu phải khó đọc, khó viết. Nhưng không vì thế mà những người cầm bút viết văn như tôi lại nản lòng. Gần hai ngàn năm sống lưu vong, người dân Do Thái vẫn giữ được tiếng nói, chữ viết của họ. Sống rải rác ở khắp nơi trên địa cầu, người Trung Hoa hải ngoại vẫn tiếp tục học để nói và viết **ngôn ngữ truyền đời** của Hán tộc. Người Việt Nam mình cũng phải được như thế. Tiếng Việt mình sẽ được lưu truyền ngàn đời trên xứ người đất lạ.

Các bạn trẻ Việt Nam thân yêu của tôi, rồi đây các bạn sẽ đi vào đủ mọi ngành, có những người trong các bạn sẽ đạt được những thành công đặc sắc, người Việt mình chưa ai đạt được. Nay các bạn đã làm được một điều lợi ích cho đời nhưng phải nhờ có một truyền thống lịch sử, **văn hóa** tươi đẹp của đất nước mới tạo được một **thế hệ** người Việt như lớp tuổi của các bạn. Tôi mong được nghe một lời của bạn cảm ơn quê hương.

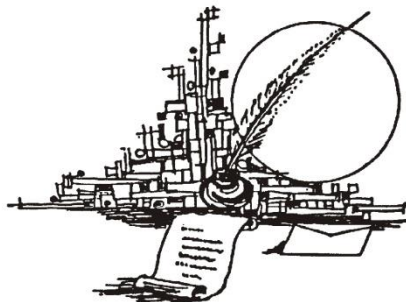
Tôi muốn các bạn biết được rằng, dù khó khăn trở ngại, với kiên trì, ước nguyện của mình cũng có thể đạt thành. Sự thành công của cá nhân mình là điều đáng quý, nhưng giữ được cội nguồn để văn hóa dân tộc được truyền đời mới là điều đáng làm ta hãnh diện. Vòng giây giữa các thế hệ phải được nối tiếp. Khối người Việt li hương phải là một tập thể quốc gia. Ý nguyện làm đẹp cho đất nước, **quang phục** quê hương phải luôn luôn sôi động trong tâm hồn mọi người. Với đôi lời hi vọng, tôi xin ghi lại mấy câu thơ:

Đêm nay theo ánh **tinh cầu** ,
Ước sao đất nước tươi màu **quang vinh** .
Quyết tâm hiến trọn thân mình,
Để cho tiếng sáo thanh bình quê hương.

Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh
(Theo Ánh Tinh Cầu)

Giải nghĩa.

- **Lời tâm huyết**: Lời nói xuất phát từ nguyện vọng thiết tha, chân thật đối với một việc gì cao cả. - **Thành khẩn**: Thành thực, mong muốn. - **Ngôn ngữ truyền đời**: Tiếng nói được truyền qua nhiều đời. - **Văn hóa**: Mọi cần dùng về đời sống có tổ chức của một dân tộc như kinh tế, luật pháp, văn chương . . . - **Thế hệ**: Lớp người cùng sống chung một thời. - **Quang phục**: Lấy lại cơ nghiệp cũ, thành lập lại cái đã mất. - **Tinh cầu**: Ngôi sao tròn như quả cầu. - **Quang vinh**: Vẻ vang, rạng rỡ.



• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

- 1- Người Việt Nam ở hải ngoại hôm nay luôn luôn có ước nguyện _____ quê hương.
- 2- Người học sinh muốn làm vui lòng cha mẹ một cách _____ thì luôn cố gắng học giỏi để thành người hữu dụng.
- 3- Nước Việt Nam từ xưa là một nước _____ với bao nhiêu anh hùng tài đức vẹn toàn.
- 4- Người Việt ở hải ngoại luôn tâm nguyện rằng tiếng Việt phải là một ngôn ngữ _____.
- 5- Người tuổi trẻ Việt ở hải ngoại phải cố gắng học hỏi cả 2 nền _____ Đông phương và Tây phương để có cuộc sống hạnh phúc.
- 6- Đêm nay theo ánh _____, Ước sao đất nước tươi màu quang vinh.
- 7- Thế hệ đi trước ước mong có thể trao truyền những tinh hoa văn hóa Việt cho _____ trẻ lớn lên ở xứ người.

II- Phân đoạn - Đại ý.

(cho học sinh làm bài trên giấy riêng như tất cả các bài khác).

- 1- Phân đoạn:

Bài này chia ra làm mấy đoạn ?

Đoạn 1: Từ "... đến ...". Đại ý.

Đoạn 2: Từ "... đến ...". Đại ý.

Đoạn 3: Từ "... đến ...". Đại ý.

- 2- Tìm đại ý bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Tác giả viết bài này muốn nhắn gởi đến ai ?
Các bạn có biết nói, đọc và viết thành thạo tiếng Việt chưa?
- 2- Theo tác giả, các bạn trẻ Việt ở xứ người nên làm gì để gìn giữ tiếng nói và chữ viết của mình như các dân tộc Do Thái và Trung Hoa đã làm ?
- 3- Tác giả nghĩ rằng tuổi trẻ Việt ở nước người được thành công là do đâu? Khi thành công các bạn nên làm gì ?
- 4- Điều gì đáng quý và điều gì đáng làm chúng ta hãnh diện ?
- 5- Tác giả hi vọng những gì nơi các bạn trẻ ở xứ người?
- 6- Hãy cho biết cảm tưởng của bạn khi đọc xong bài này.

• **Phân biệt: NGÀN, NGÂN, NGÀNH**

Ngàn: một ngàn đồng, muôn ngàn dặm, ngàn (rừng núi).

Ngân: trắng ngần, ngân ngại (e ngại, chần chừ), ngân ngừ (không nhất quyết).

Ngành: ngọn ngành (đầu đuôi gốc ngọn), ngành báo chí, ngành ăn lột.

• **Điền vào chỗ trống.**

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

1- Em muốn trả lời câu hỏi của cô giáo nhưng còn _____ .

2- Chém tre đâm gỗ trên _____ ,
Hữu thân, hữu khổ phàn nàn cùng ai.

3- _____ báo chí, _____ ăn lột đều thuộc Nha Thông Tin.

4- Anh mong gỏi cá cho chim,
Chim bay _____ dặm, cá chìm biển Đông.

5- Tiếc thay chiếc áo trắng _____ ,
Mà cho bùn lại mấy lần vấy lên.

6- Sau khi nghe em bé mồ côi kể hết _____ _____ cuộc đời của em, ai ai cũng đem lòng thương mến.

• **Học thuộc lòng.**

Phải Đoàn Kết

Đừng như đàn quạ giữa trời,
Gặp cơn mưa gió lại rời xa nhau.
Có đàn thì mới có ta,
Đàn là rất trọng, ta là rất khinh.
Dù khi **sóng gió bất bình** ,
Lợi dân thì dầu thiệt mình **cũng cam** .
Làm cho cố kết nghìn năm,
Mới hay rằng bọn **người Nam** anh hùng.
Làm cho nổi tiếng Lạc Hồng,
Về vang dòng dõi con Rồng cháu Tiên.

Phan Bội Châu

Giải nghĩa.

- **Có đàn**: Ý nói có đoàn thể. - **Sóng gió bất bình**: Ý nói gặp lúc nguy biến, gian nan. - **Cũng cam**: Cũng đành chịu. - **Người Nam**: Người Việt Nam.



- **Việt sử.**

Các Vua Nhà Nguyễn Trước Thời Pháp Thuộc (1802-1873)

Sau nhiều lần bị đánh bại bởi anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh phải chạy sang nước Xiêm La (Thái Lan) nhờ vua Xiêm và các **cố đạo** người Pháp giúp đỡ về quân sự. Lần trở về sau cùng khi Nguyễn Huệ đã mất, ông đã thắng được anh em nhà Tây Sơn và thống nhất đất nước.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy hiệu là Gia Long và đóng đô ở Huế. Vua Gia Long lo **chỉnh đốn** lại đất nước sau hơn 275 năm nội chiến Nam Bắc phân tranh (1528-1802). Các triều đại nhà Nguyễn từ vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị đến Tự Đức vẫn lấy triều đình Mãn Thanh bên Tàu làm mẫu mực kể từ việc xây cất cung điện, **lăng tẩm** cho đến văn chương và luật pháp nên dần dần xa cách với quần chúng. Về ngoại giao, thì ngoài việc **triều cống** nước Tàu, triều đình nhà Nguyễn không cho người nước ngoài vào buôn bán nên nền thương mại trong nước đã không phát triển như các nước Thái Lan, Nhật Bản. Những kĩ thuật về quân sự, tàu bè, xe lửa nước ta không theo kịp đà tiến hóa của các nước Tây phương.

Dưới thời các vua Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, lệnh cấm đạo được ban hành. Thêm nữa, dân chúng đói khổ và nhiều cuộc nổi dậy chống lại triều đình do **sưu cao thuế nặng** để xây cất lăng tẩm, cung điện. Triều đình Huế chỉ biết đi dẹp loạn mà không tìm hiểu vì sao dân chúng làm loạn. Trong các cuộc nổi loạn, nhà vua nghi ngờ có sự tiếp tay của các nhà truyền giáo ngoại quốc và giáo dân trong nước. Các **nhà truyền giáo** ngoại quốc như Pháp, Tây ban Nha được người dân theo đạo Thiên Chúa vì họ thấy một luồng tư tưởng mới, tự do hơn so với chế độ phong kiến. Vì luật lệ khắt khe ban ra, vua quan triều Nguyễn bắt giam và có khi xử chém những người theo đạo và truyền đạo nên đã đưa đến việc người Pháp lấy cớ xâm chiếm nước ta sau này.

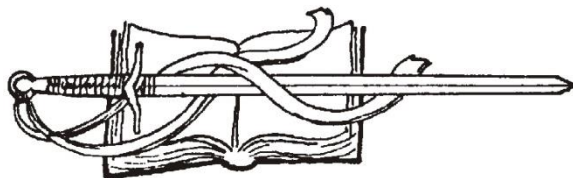
Giải nghĩa.

- **Cố đạo:** Linh mục đạo Thiên Chúa người nước ngoài. - **Chỉnh đốn:** Sửa đổi, sắp xếp lại cho đúng theo phép tắc. - **Lăng tẩm:** Chỗ chôn vua. - **Triều cống:** Nước chư hầu đem phẩm vật nộp cho nước mà mình thần phục. - **Sưu cao thuế nặng:** Bị bắt buộc đóng góp tiền hơn số lợi tức mình có. - **Nhà truyền giáo:** Người đi truyền bá tôn giáo.

- **Câu hỏi để đối thoại.**

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Sau khi lên ngôi, các vua triều Nguyễn làm gì ?
- 2- Hãy kể về việc ngoại giao trong thời điểm này ?
- 3- Vì sao dân chúng lại nổi loạn trong thời điểm này ?
- 4- Tại sao triều đình Nguyễn ngăn cấm dân chúng theo đạo Thiên Chúa?



Bài làm ở nhà 1

- **Chép lại và thêm đủ dấu .** (dấu mũ . . . dấu giọng)

Nhà Mẹ Lê

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con.

...Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, một cái nhà cùng lụp xụp như những căn nhà khác. Chung họ người chen chúc trong một khoảng rộng đo bằng hai chiếc chiếu, có một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa lạnh thì trải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó trong như một ổ chó, cho mẹ và cho con lúc nhúc. Đói với những người nghèo như bác, một chỗ như thế cùng tuốt tất làm rồi.

Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chặt vát, kho khan suốt ngày cùng không đủ nuôi chung họ đưa con. Từ buổi sáng tinh sương, mua nước cùng như mua lạnh, bác ta đã phải trở dậy đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Nhưng ngày có người muốn họ, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được may bát gạo và may đóng xu về nuôi lũ con đói ở nhà.

Thạch Lam
(*Gió Đầu Mùa*)

Giải nghĩa.

- **Rơm:** Phần trên của thân cây lúa đã gặt, đập hết hạt thóc và được phơi khô. - **Ổ rơm:** Chỗ trải rơm dùng làm nơi ngủ thay cho giường nằm. - **Kiểm ăn:** Tìm việc làm để sinh sống. - **Mùa nực:** Ý nói mùa hè nóng bức.

- **Đại ý.**

Tìm đại ý của bài trên.

- **Câu hỏi.**

Viết trả lời tất cả "Câu hỏi để đối thoại" đã ra tại lớp học theo bài "**Những Lời Tâm Huyết**":

- 1- Tác giả viết bài này muốn nhắn gửi đến ai ?
Các bạn có biết nói, đọc và viết thành thạo tiếng Việt chưa?
- 2- Kể về việc giữ gìn tiếng nói và chữ viết của dân tộc Do Thái và Trung Hoa thì tiếng Việt của chúng ta nên như thế nào ?
- 3- Tác giả nghĩ rằng tuổi trẻ Việt ở nước người được thành công là do đâu ? Khi thành công các bạn đã nhờ ai ? Và nên nói gì với những người đã giúp mình ?
- 4- Điều gì đáng quý và điều gì đáng làm chúng ta hãnh diện ?
- 5- Tác giả hi vọng những gì nơi các bạn trẻ ở xứ người?
- 6- Hãy cho biết cảm tưởng của bạn khi đọc xong bài này.



- **Tập đọc.**

Công Cha Nghĩa Mẹ

Tại sao từ ngàn xưa cho đến ngày nay, ai ai cũng cho rằng ơn cha mẹ là cao quý, thiêng liêng hơn tất cả ?

Không cần tìm kiếm xa vời. Một người cha lành bao giờ cũng dành cho con tất cả cái gì quý báu nhất của mình. Hi sinh tất cả cho con và tìm hạnh phúc an vui của chính mình trong sự an vui hạnh phúc của con. Dù nghèo hay giàu có, cha luôn luôn nghĩ đến vấn đề giáo dục con cái, nếu phải tiêu dùng bao nhiêu tiền của cũng không tiếc. Niềm vui sướng nhất của cha là thấy con được nên người và sống đầy đủ trong sự an lành vui vẻ.

Về phần mẹ, từ lúc chưa thấy mặt con, mẹ đã đặt trong lòng một tình thương vô hạn. Nuôi con bằng sữa, mà sữa là gì nếu không phải là máu? Vậy mẹ nuôi con bằng máu của chính mình.

Lắm khi mẹ thức suốt đêm dài, không nhắm mắt, không nghỉ ngơi để canh chừng ru hát cho con ngủ thẳng giấc. Công ơn của mẹ không sao tả cho hết được. Con là nức ruột, là hồn máu, là một phần thân thể của mẹ. Con còn là kho tàng quý báu, nguồn hạnh phúc vô biên của mẹ. Con đau là mẹ xót. Con mạnh thì mẹ vui. Thiếu con mẹ sẽ thấy lẻ loi hiu quạnh, buồn tẻ và vô phước.

Hạnh phúc thay! Trẻ thơ Việt Nam không những lớn khôn bằng dòng sữa ngọt ngào của mẹ hiền mà còn được nuôi dưỡng những lời vàng ngọc qua ca dao tục ngữ :

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

*Theo NÀRADA
(Hạnh Phúc Gia Đình)
Phạm Kim Khánh dịch*

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

cao quý - thiêng liêng - hạnh phúc - con có hiếu.

- **Đại ý.**

Tìm đại ý của bài trên.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: “**Những Lời Tâm Huyết**” và “**Công Cha Nghĩa Mẹ**”.

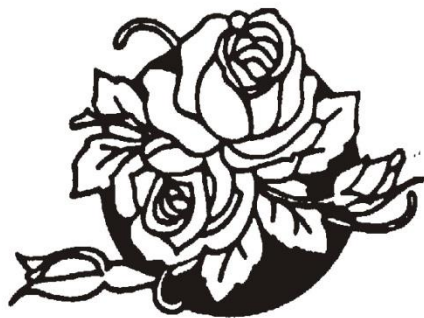
BÀI HAI

- **Chính tả - Học thuộc lòng.**

Một Lần Về Quê Nội

Mùa thu tháng chín đẹp trời ,
Tôi về quê nội là nơi quê nhà .
Phải đây đất tổ quê cha ?
Lòng tôi cảm thấy xót xa ngậm ngùi .
Về quê sao chẳng được vui,
Chung quanh toàn thấy những người lâm than .
Toàn lời than khóc kêu van ,
Quê tôi sao lại điêu tàn xác xơ ?
Khi xưa tôi vẫn hằng mơ,
Quê tôi như một bài thơ hào hùng .
Nay về thấy cảnh nào nùng .
Nhìn người đói rách vô cùng thương tâm .
Muốn về giúp nước giúp dân,
Mong đem tài sức góp phần dựng xây .
Hỡi ơi! thực tế về đây,
Thấy dân tôi khổ bởi tay bạo quyền .
Khắp nơi sống cảnh ưu phiền,
Những người lãnh đạo ưu tiên mọi bề .
Lần đầu tôi trở về quê,
Mới nhìn rõ cảnh ê chề đau thương .
Vì tôi còn bé tha phương,
Làm sao hiểu được quê hương thế nào ?
Giờ tôi muốn thét, muốn gào,
Muốn cùng toàn thể đồng bào quê tôi .
Vùng lên diệt lũ tanh hôi,
Cho quê tôi được sống đời ấm no .

Nguyễn Thị An Nhàn



Giải nghĩa.

- **Quê nội:** Quê nhà phía bên ba/bố của mình. - **Đất tổ quê cha::** Đất nước của tổ tiên và quê hương của ông cha của mình. - **Xót xa:** Đau đớn, khó chịu. - **Hào hùng:** Có tài trí, anh hùng hơn người. - **Não nùng:** Buồn rầu, đau đớn. - **Bạo quyền:** Cai trị dân bằng quyền lực tàn bạo, không có nhân nghĩa. - **Tha phương:** Ở nơi khác, phương khác. Ý chỉ một phương trời khác.

• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Kể từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 người dân miền Nam Việt Nam không còn tự do và phải chịu sống cơ cực dưới sự đàn áp bởi _____ của chính phủ Cộng Sản Việt Nam.
- 2- _____ cầu thực.
- 3- Dạy con nước Việt mến yêu,
Quê cha _____, bao nhiêu thâm tình .!!!!
- 4- Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác, gà trưa gáy _____.
- 5- Gần 40 năm sau, chính phủ Cộng Sản Việt Nam đã thừa nhận cuộc chiến đấu _____ của quân lực Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà trong việc bảo vệ Hoàng Sa vào năm 1974.
- 6- Một chiều ngoài trời u ám,
Mưa rơi hiu hắt lắng mơ hình bóng,
_____ ngân trong cung đàn,
Ngày vui năm xưa đâu còn?
(Chờ Một Kiếp Mai - Ngọc Bích)
- 7- Ba nói rằng : "Nước Mỹ là quê hương các con sinh ra nhưng Việt Nam lại là _____ của chúng con."

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Tác giả về thăm quê hương khi nào ? Cảm tưởng đầu tiên ra sao ?
- 2- Tác giả nhận thấy cảnh đồng bào như thế nào ?
- 3- Tác giả về quê hương với mục đích gì ?
- 4- So với người dân, các người lãnh đạo như thế nào ?
- 5- Ý của tác giả kêu gào thế nào ?
- 6- Cùng hoàn cảnh sống tha phương, em nghĩ phải làm gì để giúp dân tộc Việt Nam ?

• **Phân biệt: CAI, CAY, CÂY**

Cai: Cai rượu, cai thuốc lá, cai trị, cai quản.

Cay: Ớt cay, gừng cay, cay cú, cay nghiệt.

Cây: Cây cối, cây cỏ, trái cây.

• **Điền vào chỗ trống.**

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

1- Ớt nào là ớt chẳng _____,

Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.

2- Bác sĩ khuyên anh Năm phải _____ thuốc lá, nếu không sẽ bị ung thư phổi.

3- Tay bưng đĩa muối bát gừng,

Gừng _____ muối mặn xin đừng bỏ nhau.

4- Trong chính thể dân chủ, người dân trực tiếp bầu lên người _____ _____ quốc gia.

5- Một _____ làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

6- Ăn _____ nào, rào cây này,

_____ có cội, nước có nguồn.

• **Ca dao.**

Những câu ca dao nói lên tinh thần trọng sự học của người Việt.

1- Không tham ruộng cả ao liền,
Tham vì cái bút cái nghiên ông đồ.

2- Hai bên bác mẹ cùng già,
Lấy anh hay chữ để mà cậy trông.

3- Trai thời đọc sách ngâm thơ,
Dùi mài kinh sử để chờ kịp khoa.
Mai sau nổi đặng nghiệp nhà,
Trước là đẹp mặt sau là ấm thân.

Giải nghĩa.

- **Ruộng cả ao liền:** Ý nói giàu có, nhiều ruộng đất. - **Cái bút cái nghiên:** Ý nói sự học. -

Dùi mài: Chăm chỉ học hành. - **Kịp khoa:** Ở đây là kịp khoa thi. - **Đẹp mặt:** Đẹp lòng, vừa lòng cha mẹ. -

Ấm thân: Cuộc sống sung túc, nhàn nhã.



- **Văn phạm.**

Dấu Phẩy, Dấu Chấm Câu, Dấu Chấm Hỏi.

Những dấu câu rất quan trọng trong khi viết văn, làm bài. Muốn cho thầy cô hiểu bài văn, bài làm một cách rõ ràng thì học sinh phải biết dùng tường tận các dấu phẩy (,), dấu chấm câu (.), dấu chấm hỏi (?).

I- Dấu phẩy (,) :

Dấu phẩy được sử dụng trong những trường hợp dưới đây:

- 1- Để ngắt đoạn giữa câu chính với câu phụ hoặc những câu ghép.
Thí dụ: - Thầy giảng bài, học trò chăm chú nghe. (câu chính, câu phụ)
- Mùa nắng, chúng tôi đi cắm trại. (câu ghép)
- 2- Để tách phần phụ ở đầu câu với phần chính của câu.
Thí dụ : - Hôm nay, trời nắng đẹp.
- Theo lời cha mẹ, chúng em chăm chỉ học hành.
- 3- Để phân cách những từ (danh từ, động từ, tính từ...) đi liền nhau.
Thí dụ : - Ông, bà, chú, bác tôi đều ở Việt Nam.
- Học sinh chạy, nhảy, reo hò thật vui vẻ.
- Cái áo da này mịn màng, mềm mại, bóng láng như gương.

II- Dấu chấm câu (.) :

Dấu chấm câu luôn luôn đặt ở cuối câu, coi như câu đã đủ ý. Chữ đầu câu phải được viết hoa.

Thí dụ : Gia đình em gồm có ông bà ngoại, ba má, và ba chị em. Năm nay ông bà em đã già. Mọi người sống chung hòa thuận, hạnh phúc.

III- Dấu chấm hỏi (?) :

Dấu chấm hỏi luôn luôn đặt ở cuối câu dùng để hỏi. Sau dấu chấm hỏi, chữ đầu câu phải viết hoa.

Thí dụ: - Tên em là gì ?
- Em học tiếng Việt ở trường nào vậy ?
- Khóa này, em học cấp mấy ?

- **Bài tập.**

Sau đây là một đoạn văn không có dấu phẩy, dấu chấm câu, dấu chấm hỏi. Em viết lại và thêm dấu câu cho thành đoạn văn rõ ràng, dễ hiểu.

Giờ Tan Học

một hồi chuông reng học sinh vui vẻ xếp hàng ra về Tâm và Oanh nắm tay nhau cùng rảo bước đi ra khỏi lớp mẹ Oanh đứng chờ ở trước sân trường Oanh chạy lại ôm chầm lấy mẹ khoe tíu tít: "Mẹ ơi hôm nay con viết chính tả được điểm A" mẹ xoa đầu con khen ngợi: "Con mẹ ngoan lắm mẹ sẽ thưởng các con li kem thật ngon hai con bằng lòng không "

Bài làm ở nhà 2

- **Chép lại và thêm dấu câu.** (dấu phẩy, dấu chấm câu, dấu chấm hỏi)

Thầy Giáo Mới

chuông reng một hồi dài các học sinh xếp hàng đi vào lớp học thầy giáo yên lặng nhìn chúng tôi một lúc rồi **ôn tồn** nói: "Các con ơi! Chúng ta cùng nhau sẽ trải qua một khóa học chúng ta nên hết sức làm việc để qua thời gian ấy cho được tốt đẹp phải chăm chỉ phải cố gắng thầy không có gia đình các con là gia đình của ta năm ngoái mẹ ta còn bây giờ người đã **khuất núi** thầy chỉ còn có một mình ngoài các con ra ở trên đời này ta không còn có ai nữa ngoài sự thương yêu các con ta không còn thương yêu ai nữa các con ví như con ta thầy không muốn phạt một người nào cả các con phải tỏ ra là những **thanh thiếu niên** có **tâm hồn** cao quý lớp học này sẽ là một gia đình các con sẽ là nguồn an ủi và niềm **tự hào** của thầy"

Theo Hà Mai Anh
(*Tâm Hồn Cao Thượng*)

Giải nghĩa.

- **Ôn tồn:** Dịu dàng và ân cần. - **Khuất núi hay qua đời:** Đã chết. - **Thanh thiếu niên (thanh niên và thiếu niên):** Người còn trẻ đang ở độ tuổi trưởng thành. - **Tâm hồn:** Tình cảm và ý nghĩ tốt. - **Tự hào:** Lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có.

- **Đại ý.**

Tìm đại ý của bài trên.

- **Đặt câu.**

Đặt hai câu với mỗi tiếng: **cai** - **cay** - **cây**

- **Câu hỏi để đối thoại.**

- Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:
- 1- Tác giả về thăm quê hương khi nào ? Cảm tưởng đầu tiên ra sao ?
- 2- Tác giả nhận thấy cảnh đồng bào như thế nào ?
- 3- Tác giả về quê hương với mục đích gì ?
- 4- So với người dân, các người lãnh đạo như thế nào ?
- 5- Ý của tác giả kêu gào thế nào ?
- 6- Cùng hoàn cảnh sống tha phương, em nghĩ phải làm gì để giúp dân tộc Việt Nam ?

- **Tập đọc.**

Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Nam

Họ Hồng Bàng ra đời trước Thiên Chúa Giáng Sinh gần 30 **thế kỉ**. Với họ Hồng Bàng xuất hiện một dân tộc tại vùng hạ lưu sông Dương Tử, **phiêu bạt** dần xuống miền đông nam Trung Hoa và ngày nay dừng chân bên bờ biển Thái Bình. Dân tộc đó là dân tộc Việt Nam.

Qua nhiều thế kỉ, dân tộc Việt thường xuyên phải lo chống ngoại xâm ở phía Bắc là Trung Hoa, một quốc gia đông dân nhất trên thế giới. Về phía Nam, nước Chiêm Thành hay đem quân sang quấy phá và cũng muốn xâm chiếm nước ta. Bị kẹp ở giữa hai nước này, tổ tiên ta đã phải tranh đấu không ngừng. Dầu trải qua bao nhiêu giai đoạn **thăng trầm**, con cháu Hồng Lạc vẫn sinh tồn, vẫn phát triển cùng mở rộng bờ cõi và giữ vững được độc lập, tự do.

Khoảng giữa thế kỉ 19, lỡ làng một nước cờ **quốc sự**, Việt Nam đã mất **chủ quyền** trong 80 năm vào tay người Pháp. Kể từ năm 1975 đến ngày nay, toàn dân Việt lại một lần nữa bị tước đoạt quyền tự do, dân chủ do chính người Việt nắm quyền cai trị theo chính sách cộng sản **độc tài**.

Theo Phạm Văn Sơn

Giải nghĩa.

- **Thế kỉ**: 100 năm. - **Phiêu bạt**: Trôi giạt. - **Thăng trầm**: Lúc vinh, lúc nhục. - **Quốc sự**: Những việc có liên quan đến đất nước. - **Chủ quyền**: Quyền tự do định đoạt việc của nước mình. - **Độc tài**: Giành tất cả quyền hành, quyền lợi cho mình hay cho một đảng.

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: “**Một Lần Về Quê Nội**” và “**Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Nam**”.



HƯỚNG DẪN LÀM BÀI BÌNH GIẢNG

Bình giảng là giải nghĩa và bàn những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, cách ngôn hay những lời nói của các bậc thánh hiền, các bậc danh nhân truyền lại. Văn bình giảng là loại văn luận thuyết, lời lẽ cần phải sáng suốt, gãy gọn, lý luận phải xác đáng, danh thép và vững chắc.

Phần Mở Bài:

Giới thiệu câu sắp bình giảng bằng cách nói trường hợp nào nó được đề cập tới, hoặc đưa ra một nhận xét dẫn đến câu ấycâu chuyển ý qua phần hai]

Phần Thân Bài:

1. Giải nghĩa: Trước hết ta phải giải nghĩa một vài tiếng khó {nếu có} rồi đến nghĩa đen và nghĩa bóng. Nghĩa đen là nghĩa mới đọc lên ta hiểu được ngay, còn nghĩa bóng là nghĩa sâu xa, phải suy rộng ra mới hiểu. Sau đó, ta chứng minh bằng những thí dụ rút trong đời sống hàng ngày, trong xã hội, trong lịch sử, ta đã biết qua. Sau cùng, ta phải nêu lên một phương châm xử thế cho hợp với đầu đề.
2. Phê bình: Trong các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, cách ngôn, nếu có những câu thật vô cùng chí lý thì cũng có những câu mà ý nghĩa của nó đã sai lầm hoặc lỗi thời hay chỉ đúng một phần nào nếu đem áp dụng vào đời sống hiện tại. Bàn luận về những điểm đúng hay sai này gọi là phê bình. Trong một bài văn về phê bình, sau khi đã giải nghĩa xong ta phải phân tích từng điểm đúng hay sai mà phê phán.
3. Thí dụ: Đưa ra những thí dụ cụ thể để chứng minh [câu chuyển ý qua phần cuối]

Phần Kết Luận:

Qua những bình luận và thí dụ cụ thể chứng minh ở phần trên, ta rút ra được bài học gì cho bản thân ta và phương châm xử thế.



Bài Luận Mẫu

Bình giải: Bình giải câu “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”.

Trong xã hội, người tốt, người xấu rất nhiều nên việc chọn bạn mà chơi cần được thận trọng. Câu phương ngôn: “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” đã nhấn nhở và khuyên nhủ ta trong việc chọn bạn.

Để tìm hiểu vấn đề ta cần tìm hiểu rõ rệt nghĩa của câu phương ngôn trên. Thật vậy, mực luôn luôn có màu đen nên gần với mực dễ bị vấy bẩn quần áo, tay chân. Đèn có màu sáng tự nhiên của nó. Vật càng để gần đèn càng thấy rõ. Người càng đến gần đèn càng sáng tỏ.

Mực ví như bạn xấu: tối tăm, hắc ám. Chơi và gần gũi người bạn xấu, tâm tính ta dễ bị tiêm nhiễm các thói hư, tật xấu như gần với mực ta dễ bị vấy bẩn. Đèn ví như bạn lành: quang đặng, tỏ rạng. Chơi với người có đức tính tốt, ta dễ bắt chước những cái hay cái giỏi của người, ví như gần đèn ta thấy sáng sủa, tốt đẹp.

Trong xã hội đầy rẫy những trường hợp điển hình đã cho ta thấy, nếu ai chơi với người tốt thì tính tình cũng được tốt đẹp, hòa nhã. Còn những ai chơi với kẻ xấu, không ít thì nhiều cũng bị tiêm nhiễm các thói hư tật xấu. Một ngôn ngữ Tây Phương cũng cho ta biết sự quan trọng của việc chọn bạn mà chơi: “Hãy cho tôi biết người mà bạn đang chơi với, tôi sẽ nói tính tình của bạn.”

Trong sử sách, bà Mạnh Mẫn phải dời nhà ba lần vì bà sợ con bà là thầy Mạnh Tử phải chịu ảnh hưởng xấu của các bạn bè xấu. Lần thứ ba, bà mới được an tâm khi thấy con bà chơi với các trẻ có giáo dục cùng lứa tuổi tại khu trường học. Nhờ đó, thầy Mạnh Tử đã trở nên người thánh thiện.

Câu chuyện Lưu Bình và Dương Lễ cũng cho ta biết ảnh hưởng của bạn bè rất lớn. Nhờ Dương Lễ tận tâm giúp đỡ, Lưu Bình thoát khỏi sự sa đọa và trở nên người hữu ích cho xã hội sau này.

Thông thường, khi gần bạn tốt nên tốt và gần kẻ xấu nên xấu. Tuy nhiên, cũng có trường hợp đặc biệt như hoa sen kia vẫn giữ được tính cách trong sạch, cao quý mặc dù sống nơi bùn lầy nước đọng như câu “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.”

Câu ngôn ngữ “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” đã khuyên ta nên chọn bạn mà chơi. Trường hợp như hoa sen xảy ra trong xã hội rất hiếm thấy. Ta nên tâm nguyện với lòng cố gắng gần những người tốt để học hỏi cái hay, cái giỏi của họ.

Đỗ Thị Mỹ Nga
(Hướng dẫn luận văn)

BÀI BA

• Chính tả - Tập đọc.

Một Cuộc Thi Tuyển

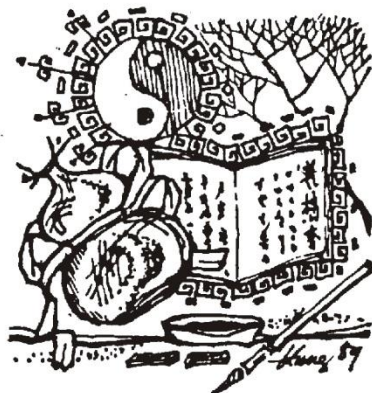
Một Hoàng Đế xứ Ấn mở cuộc thi tuyển **hiền tài** để giúp nước. Kỳ thi như sau: Ai mang được một thùng nước đầy từ sông Hằng về đến trước cửa thành mà không ngừng lại vì bất cứ chuyện gì thì sẽ thắng cuộc. Một ngàn thí sinh tham dự cuộc thi, khi họ vừa múc nước dưới sông lên thì thấy tiền vàng ở đâu rải đầy mặt đất, hai trăm người bỏ cuộc chạy đi lượm tiền. Đi được một lúc, các thí sinh thấy một dãy kiệu hoa lộng lẫy để hai bên đường, những người khênh kiệu hô lớn: "Ai ngồi kiệu sẽ được đưa vào thành để dân chúng hoan hô." Hơn hai trăm thí sinh bỏ cuộc nhào lên những chiếc kiệu hoa. Số còn lại tiếp tục đi, một quãng sau họ thấy một đoàn thiếu nữ rất đẹp với **xiêm y** hờ hang hấp dẫn đưa tay vẫy gọi, mời chào. Hơn hai trăm người nữa bỏ cuộc chạy theo đoàn thiếu nữ kia. Trên đường về thành, các thí sinh thấy một **đạo sư oai nghiêm** ngồi trên một tấm thảm nói: "Kẻ nào theo ta sẽ được học các **quyền năng huyền bí** như **tàng hình**, **hiện hình**, bay lượn trên không trung, **hô phong hoán vũ**, chỉ đá hóa vàng v.v..." Một số vội bỏ cuộc chạy theo học với vị đạo sư. Cuối cùng chỉ còn một người mang nước về đến cổng thành. Vua hỏi: "Tại sao anh không bị những sự kiện trên đường làm **xao lãng**?" Người kia đáp: "Lúc đi mắt con chỉ nhắm vào một mục đích là cổng thành, tại con chỉ nghe thấy lời tuyên bố của ngài rằng kẻ nào mang nước từ sông Hằng về đây mà không dừng lại sẽ được **trọng thưởng** nên con đi thẳng một hơi về đây." Nhà vua mừng rỡ nói: "Người quả là người mà ta mong đợi."

Này anh bạn, đường thẳng là con đường ngắn nhất nối liền hai điểm, tại sao người ta không chọn con đường đó mà lại chọn con đường quanh co làm chi ?

Darshani Deanne
(Minh Triết Trong Đời Sống)
Nguyễn Phong dịch

• Giải nghĩa.

- **Hiền tài**: Người có tài có đức. - **Xiêm y**: Nói chung xiêm và áo. - **Xiêm**: Bộ y phục ngày xưa che phần dưới của thân người. - **Đạo sư**: Thầy học, dẫn dắt trên đường đạo. - **Oai nghiêm**: Oai hùng và nghiêm trang. - **Quyền năng**: Quyền hạn và năng lực. - **Huyền bí**: Mầu nhiệm, bí ẩn; ngoài sự hiểu biết thường tình. - **Tàng hình**: Biến thân hình để không ai trông thấy. - **Hiện hình**: Để lộ hình ra. - **Hô phong hoán vũ**: Gọi gió, làm mưa (ý nói làm phép màu). - **Xao lãng**: Không chú ý tới nhiều. - **Trọng thưởng**: Ban thưởng xứng đáng.



• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

- 1- Các _____ Ấn Độ nói rằng họ có thể làm được những điều lạ lùng như biến đá thành vàng, tăng hình, bay lượn trên không trung. . .
- 2- Khoa học thực nghiệm ngày nay chưa giải thích được những điều _____ như ma quỷ hiện hình, linh hồn người chết. . .
- 3- Kho tàng này được canh giữ rất cẩn mật, chỉ trừ khi kẻ cướp có phép _____ mới vào đây được.
- 4- Ai chiến thắng sẽ được nhà vua _____ .
- 5- Chớ nên _____ học hành, Gắng công đèn sách, trời dành công cho.
- 6- Những nàng cung nữ thời xưa, _____ rục rở bây giờ còn đâu ?
- 7- Mẹ cha tích đức tu nhân, Sanh con nên kẻ quý nhân, _____ .
- 8- Ông chánh án mặc áo đen ngồi xử phiên tòa trông rất _____ .

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Mục đích cuộc thi tuyển này là gì ?
- 2- Điều kiện để được trúng tuyển như thế nào ? Dễ hay khó ?
- 3- Kể những cảm dỗ đã xảy ra trong cuộc thi.
- 4- Theo em, cảm dỗ nào khó vượt qua nhất.
- 5- Người trúng tuyển duy nhất đã làm thế nào để vượt qua những cảm dỗ trên ?
- 6- Em hãy nêu lên những cảm dỗ ngày nay làm ta xao lãng việc học.
- 7- Làm thế nào để vượt qua những cảm dỗ ấy ? Khó hay dễ ?
- 8- Bài này khuyên nhủ chúng ta điều gì ?

• Phân biệt: LỌN, LỌNG, LỘNG

Lọn: Lọn (vật có thể nắm gọn trong bàn tay) --> lọn tóc, lọn nhang, lọn chỉ.
lọn (gọn, trợn vện) --> nuốt lọn quả chuối vào miệng.

Lọng: Lọng (như cái dù lớn để che cho vua, quan thời xưa) --> lọng anh đi trước
võng nàng theo sau.

Lộng cọng (lúng túng, không biết làm thế nào).

Lộng: Lộng gió, lộng hành, lộng quyền, lộng lẫy, lộng lộng.

• **Điền vào chỗ trống.**

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Công cha như trời cao lồng _____ ,
Nghĩa mẹ như biển rộng thênh thang.
- 2- Con trần nuốt _____ con chuột.
- 3- Cái _____ che sương, dầu sừng cũng _____ ,
Cái ô bịt vàng đầu trọng cũng ô.
- 4- Thân em như _____ nhang trầm,
Không cha không mẹ muôn phần cậy anh.
- 5- Hội trường trang trí _____ _____ cờ hoa.
- 6- Anh Ba mới tập lái xe, tay chân còn _____ _____ lắm! Chưa có thể ra xa lộ được.

• **Học thuộc lòng.**

Chí Làm Trai

Làm trai quyết chí **tu thân**,
Công danh chớ vội **nợ nân** chớ lo.
Khi nên trời giúp công cho,
Làm trai **năm liều bảy lo** mới **hào**.
Trời sinh trời chẳng phụ nào,
Phong vân gặp hội anh hào ra tay.
Trí khôn sắp để dạ này,
Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Ca dao

Giải nghĩa.

- **Tu thân**: Sửa tâm tính mình cho đúng theo đạo đức. - **Công danh**: Công là sự nghiệp mình làm ra, danh là tiếng tốt. - **Nợ nân**: món tiền phải trả, bốn phận phải đền. - **Năm liều bảy lo**: Lo lắng mọi điều. - **Hào**: Giỏi. - **Phong vân gặp hội**: Nghĩa đen là gặp lúc gió mây, người tài giỏi ví như con rồng hễ có gió có mây thì bay bổng lên trời; nghĩa bóng là được lúc thi đỗ làm quan. - **Anh hào**: Anh hùng.

• **Danh ngôn.**

Tiền bạc có thể mua được sách vở mà không mua được trí tuệ ...
Tiền bạc có thể mua được thuốc men mà không mua được sức khỏe.

Khuyết danh

(Theo Selection Reader's Digest số 6 năm 1984)

- **Địa lí.**

Vị Trí Nước Việt Nam

Nước Việt Nam ở về phía Đông Nam châu Á và có hình cong như chữ S. Việt Nam ở giữa **vĩ tuyến** 8 °33 (mũi Cà Mau) và vĩ tuyến 23 °24 (tỉnh Đồng Văn); giữa **kinh tuyến** 102 ° và kinh tuyến 109°. Phía Bắc giáp Trung Hoa, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông giáp **biển Đông** và phía Tây giáp Lào và Cambodia.

Diện tích Việt Nam khoảng chừng 329.560 km² (127,243 sq. miles, lớn hơn tiểu bang New Mexico của nước Mỹ một ít); không kể đến các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đang có tranh chấp giữa các nước trong vùng Đông Nam Á như: Việt Nam, Trung Cộng, Đài Loan, Phi Luật Tân, Mã Lai, Indonesia, Brunei.

Chỗ rộng nhất của Việt Nam từ A Pa Chai đến Móng Cái đo được 600km và chỗ hẹp nhất là Đồng Hới, từ dãy Trường Sơn đến biển Đông đo được 50km.

Giải nghĩa.

- **Vĩ tuyến:** Đường tròn tưởng tượng chạy vòng quanh trái đất và song song với xích đạo. - **Kinh tuyến:** Đường tròn tưởng tượng đi qua 2 cực trái đất. - **Biển Đông:** Vùng biển nằm về phía Đông Việt Nam, thuộc biển Thái Bình.

- **Câu hỏi để đối thoại.**

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Tả sơ qua địa thế và hình thế nước Việt Nam ?
- 2- Chỗ rộng nhất của Việt Nam ở đâu và đo được bao nhiêu ?
- 3- Chỗ hẹp nhất của Việt Nam ở đâu và đo được bao nhiêu ?
- 4- Diện tích của Việt Nam là bao nhiêu ?

- **Mẫu chuyện vui.**

Trể Chuyến Bay

Một bà trọng tuổi ăn mặc sang trọng, tất tả chen lấn đám đông để được đến trước quầy quan thuế tại phi trường Paris và nói luôn miệng :

- Xin lỗi! Xin lỗi! Tôi sắp trể chuyến bay về nước. Tôi cần trình giấy trước.

Một ông Tây mặc đồng phục màu xanh đậm đứng gần đó giơ tay ra dấu:

- Xin lỗi bà, mọi người đang đứng xếp hàng chờ xét giấy và hành lí như bà.

Bà ta giả vờ như không nghe thấy, vẫn cố tiến lên phía trước mọi người ...

Ông Tây nói lớn hơn cho bà ấy có thể nghe được:

- Tôi bảo đảm với bà là chiếc máy bay sẽ còn đậu nguyên ở đấy khi bà tới đó.

Bà nhìn thẳng về phía ông Tây tỏ vẻ tức tối:

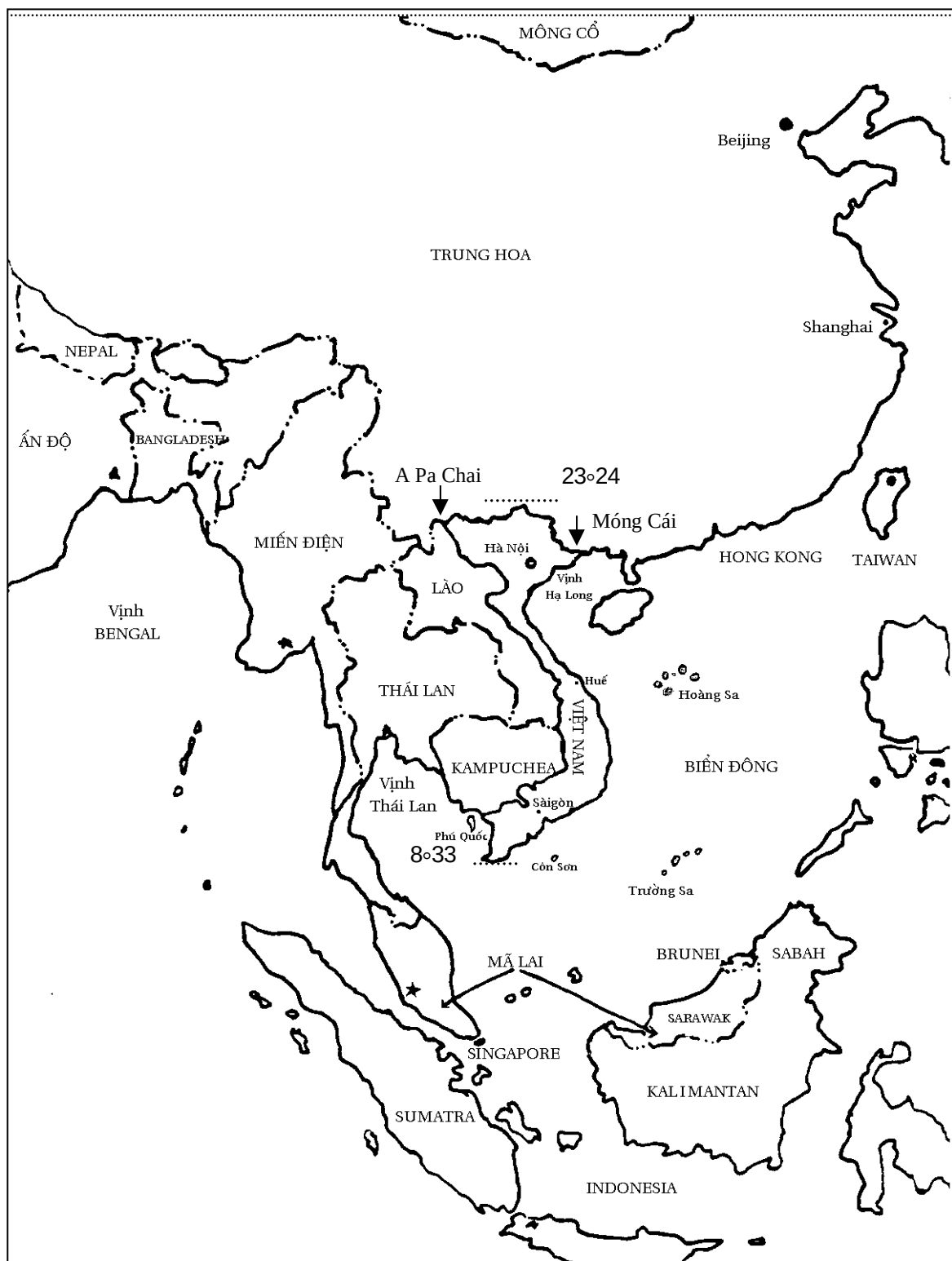
- Căn cứ vào đâu mà ông dám nói chắc như thế ?

Ông Tây lịch sự trả lời:

- Thưa bà, tôi là phi công của chuyến bay đó !

*Theo Tuần báo Thăng Mõ
(số 987 tháng 3 năm 2001)*

Bản Đồ Vị Trí Việt Nam



Bài làm ở nhà 3

- **Chép lại và thêm dấu .** (dấu mũ . . . dấu giọng)

Cảnh Biển Sầm Sơn Buổi Sáng

Hôm sau, khi Hiền ra biển thì mặt trời vừa mọc và an sau đám mây tìm giải ngang trên làn nước đu mau, tư mau lam sam, lam nhát ngoài xa cho đen mau hong, mau vang ơ gan mat bien.
Tren nen trời sắc da cam chói lọi, nhưng vach đo tham xoe ra nhu bộ nan quat lam bang ngọc lựu.
Quay lai nhìn ve phía thanh pho Sầm Sơn anh sang đen đen chua tat va nhot nhát lap lo trong la phi lao như nhưng ngôi sao buoi som mai lơ mơ sau làn mây mong.

Khái Hưng
(Trống Mái)

Giải nghĩa.

- **Giải (ngang):** Phân ra từng mảnh. - **Ngọc lựu:** Hạt trái lựu trông như là ngọc. - **Cây phi lao:** Còn gọi là cây dương. Một loại cây to, lá xanh và nhỏ như sợi chỉ trông giống lá thông, thường trồng từng đám rộng vùng ven biển để giữ cát và lấy bóng mát.

- **Câu hỏi.**

- 1- Chép lại tất cả màu sắc được diễn tả trong cảnh biển Sầm Sơn.
- 2- Có bao giờ chúng ta được trông thấy những màu trời như vậy ở thành phố không?
Tại sao ?

- Viết trả lời tất cả “Câu hỏi để đối thoại” đã ra tại lớp theo bài “**Một Cuộc Thi Tuyển**”.

- Đặt hai câu với mỗi tiếng: lộn - lộng - lộng.

- **Câu đố.**

Muốn cho nước mạnh, dân giàu,
Tâu vua xin chém bảy đầu hại dân.
Mũ cao, áo rộng không cần,
Lui về ẩn chốn sơn lâm, mở trường ?



• **Tập đọc - Học thuộc lòng.**

Giờ Quốc Sứ

1. Những buổi sáng, vừng hồng le lói chiếu,
Trên non sông, làng mạc, ruộng đồng quê.
Chúng tôi ngồi im lặng, lắng tai nghe
Tiếng thầy giảng suốt trong giờ quốc sử.

5. Thầy tôi bảo: “Các em nên nhớ rõ:
Nước chúng ta là một nước vinh quang.
Bao anh hùng thừa trước của giang san,
Đã đổ máu vì lợi quyền dân tộc.

9. Các em phải đêm ngày chăm chỉ học,
Để sau này nổi được chí tiền nhân.
Ta chắc rằng, sau một cuộc xoay vần,
Dân tộc Việt lại là dân hùng liệt.

13. Ta tin tưởng không bao giờ tiêu diệt,
Giống anh hùng trên sông núi Việt Nam.
Bên những trang lịch sử bốn ngàn năm
Đầy chiến thắng, đầy vinh quang, hạnh phúc. »

Đoàn Văn Cừ
(*Tập Đọc Lớp Nhất*)
Tài liệu của Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Việt Nam Cộng Hòa

• **Giải nghĩa, đặt câu**

- *Vừng hồng* - *Tiền nhân*. - *Xoay vần*

• **Tập làm văn.**

Theo hai câu thơ 7 và 8 ở bài trên, em hãy tả lại sự nghiệp vẻ vang của một trong những vị anh hùng dân tộc ấy đã có công đánh đuổi quân xâm lăng từ phương Bắc để giành lại độc lập cho quê hương.

• **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: “**Một Cuộc Thi Tuyển**” và “**Giờ Quốc Sứ**”.



BÀI BỐN

- **Chính tả - Học thuộc lòng.**

Lời Mẹ Dặn

Tôi **mồ côi** cha năm hai tuổi,
Mẹ tôi thương con không lấy chồng.
Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải,
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn.
Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ,
Ngày ấy tôi mới lên năm,
Có lần tôi nói dối mẹ.
Hôm sau tưởng phải **ăn đòn**,
Nhưng không, mẹ tôi chỉ buồn,
Ôm tôi hôn lên mái tóc:
- Con ơi! Trước khi nhắm mắt
Cha con dặn con suốt đời
Phải làm một người chân thật.
- Mẹ ơi ! **Chân thật** là gì ?
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt
- Con ơi một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười,
Thấy buồn muốn khóc là khóc.
Yêu ai cứ bảo là yêu,
Ghét ai cứ bảo là ghét.
Dù ai **ngon ngọt nuông chiều**,
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù ai cầm dao **dọa** giết,
Cũng không nói ghét thành yêu.

Phùng Quán

(*Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc*)

Giải nghĩa.

- **Dặn** : Bảo một cách ân cần cho nhớ. - **Mồ côi**: Bị mất cha hay mẹ khi còn nhỏ. - **Ăn đòn**: Bị đánh đòn. - **Chân thật**: Thành thật, ngay thẳng, không dối trá. - **Ngon ngọt**: Êm dịu, bùi tai. - **Nuông chiều**: Cưng chiều quá đáng. - **Dọa** : Hăm, đe làm cho người ta sợ.

• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Một đứa trẻ búng bình không sợ phải bị _____ .
- 2- Đứa bé được cha mẹ _____ sẽ dễ bị hư hỏng.
- 3- Đòn đứt dây còn dây nối lại,
Cha mẹ mất rồi con phải _____ .
- 4- Một người _____ không sợ nói lên sự thật:
Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét.
- 5- Kẻ nịnh hót hay dùng lời _____ để được lòng cấp trên.

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Tác giả mô côi cha năm mấy tuổi ? Mẹ làm gì để nuôi tác giả đến ngày khôn lớn ?
- 2- Bài thơ này được viết khi tác giả mấy tuổi ? Lúc 5 tuổi có chuyện gì xảy ra?
- 3- Trước khi nhắm mắt lia đời, người cha dặn con điều gì ?
- 4- Người chân thật là người thế nào ?
- 5- Muốn làm người chân thật ta phải có những đức tính gì ?
- 6- Qua bài học này em học được điều gì ? (Lòng hiếu thảo - Tình yêu thương - Trọng sự thật - Lòng can đảm).

• Phân biệt: VẢI, VẢI, VẼY

Vải: áo vải, vải thô, dệt vải, cây vải, trái vải

Vãi: bà vãi, vung vãi, bỏ vãi

Vẩy: vẩy vùng, vẩy tay, vẩy đuôi

• Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Nguyễn Trung Trực là anh hùng chống Pháp, đã một thời _____ ở Kiên Giang, Nhựt Tảo, khiến giặc Pháp phải điêu đứng.
- 2- Sư cô tu ở chùa còn được gọi là _____ .
- 3- Hôm nay má đi chợ mua nhiều hộp _____ .
- 4- Con tàu từ từ chuyển bánh, mọi người _____ tiễn biệt.
- 5- Buổi sáng, ba em thường _____ thóc ra sân cho chim bồ câu ăn.
- 6- Lê Lợi là người anh hùng _____ đất Lam Sơn, có công đánh đuổi quân Tàu, giành lại độc lập cho nước nhà.

- **Đoạn văn mẫu.**

Lòng Mẹ

Suốt thời thơ ấu chúng ta được bảo bọc trong vòng tay êm ấm của Mẹ.
Đến khi vừa trưởng thành, vòng tay của mẹ buông ra, thả ta vào đời mà mắt Mẹ vẫn theo dõi từng giây phút, lo sợ cho ta không đủ sức đương đầu với cạm bẫy của đời.
Khi ta nói đến chuyện tình cảm và hôn nhân, Mẹ sợ ta vấp phải tình cảm gian dối, **phụ bạc**.
Khi ta toan tính sinh nhai, Mẹ sợ ta không lường được đời man trá.
Khi ta ở phương xa, Mẹ trông mỗi mòn đôi mắt, lo ta đau ốm bệnh hoạn.
Khi ta đáp lời non sông, xông pha dưới cờ khởi nghĩa, Mẹ tuy hãnh diện con mình làm tròn bổn phận nam nhi nhưng mãi **canh cánh** ngày đêm, lo con thương tích từ vong.
Dẫu ta ba mươi, bốn mươi, một trời ngang dọc vẫy vùng, xông xáo bốn phương bốn biển, thì khi về với Mẹ, ta vẫn chỉ là đứa con.
Hay cho đến lúc ta năm mươi, sáu mươi tuổi, công danh đứng vững ở đời, lúc ấy, Mẹ vẫn còn nhìn ta, thăm hỏi, mong con hạnh phúc, bình an, quên cả phận già yếu.
Phải lúc ta bị tù đầy, lòng Mẹ **khắc khoải** khôn nguôi, đêm ngày **dằn vặt** một mối lo: ta cơm không đủ no, sợ ta áo không đủ ấm, thương ta ốm đau một mình. Nghĩ vậy mà mẹ không ngủ, quên ăn, bỏ vui, để chia sẻ âm thầm cùng đứa con bị nạn.

Vĩnh Hảo

(*Quê Hương và Nước Mắt* 1987)

Giải nghĩa.

- **Phụ bạc:** Bội bạc, không chung thủy. - **Canh cánh:** Không thể khuây khỏa được. - **Khắc khoải:** Lo lắng không yên kéo dài day dứt. - **Dằn vặt:** Nói nặng nhẹ vì bất bình.

- **Tập làm văn.**

Hãy bình giải câu: Mồ côi cha, ăn cơm với cá,
 Mồ côi mẹ, liếm lá đầu đường.”



Bài làm ở nhà 4

- Chép lại và thêm đủ dấu . (dấu mũ . . . dấu giọng)

Việt Nam Việt Nam

Viet Nam, Viet Nam nghe tu vào đời,
 Viet Nam, hai tiếng noi ben vanh **noi** ,
 Viet Nam nước tôi.
 Viet Nam, Viet Nam ten gọi là người,
 Viet Nam, hai tiếng noi sau cùng khi lìa đời.
 Viet Nam, đây miền xinh tươi,
 Viet Nam, đem vào **song núi**,
Tư Do, Công Bình, Bác Ái muôn đời.
 Viet Nam, không đời xương máu,
 Viet Nam, kêu gọi thương nhau,
 Viet Nam, đi xây đắp yên vui dài lâu.
 Viet Nam, trên đường tương lai,
 Lửa thiêng soi toan the giới.
 Viet Nam, ta nguyện tranh đấu cho đời.
 Tình yêu đây là khi giới,
 Tình thương đem ve muôn nơi,
 Viet Nam, đây tiếng noi đi xây tình người.
 Viet Nam, Viet Nam.
 Viet Nam, que hương đất nước sang ngời.
 Viet Nam, Viet Nam, Viet Nam muôn đời.

Phạm Duy

Giải nghĩa.

- **Nôi**: Một loại giường để đưa trẻ con nằm ngủ , còn có ý nói lúc mới sinh ra. - **Sông núi**: Ý nói ở đây là quê hương đất nước. - **Tự do**: Được làm theo ý muốn, không bị kềm hãm, bó buộc.
 - **Công bình**: Công bằng, theo đúng lẽ phải, không thiên lệch. - **Bác ái**: Lòng yêu thương rộng rãi mọi người, mọi loài.

- Viết trả lời tất cả "Câu hỏi để đối thoại" đã ra tại lớp học theo bài "**Lời Mẹ Dặn**" của Phùng Quán.
- Đặt hai câu với mỗi tiếng: **vải, vãi và vấy**.

- **Tập đọc.**

Gương Kiên Nhẫn

Nước mềm, đá cứng, thế mà nước chảy mãi, đá cũng phải mòn. Răng cưa nhỏ, cây gỗ lớn, chúng ta cưa mãi cây gỗ cũng phải đứt lìa. Kìa như con ong nhỏ bé làm việc lâu ngày mới thành cái tổ to, đem lại mật ngọt cho đời.

Người ta cũng vậy, mỗi khi quyết định làm gì, gặp khó khăn đừng nên ngã lòng. Hãy tiếp tục việc đã định một cách bền bỉ, dù thời gian có lâu dài. Còn những ai bằng lòng tìm cho mình một việc dễ làm mà lại ước mơ kết quả tốt thì chẳng bao giờ tạo nên sự nghiệp.

Chung quanh chúng ta có bao nhiêu là gương kiên nhẫn. Người học trò miệt mài nơi học đường. Thầy cô giáo vui lòng truyền lại những kinh nghiệm đã học hỏi mong giúp tuổi trẻ mở rộng kiến thức. Các nhà khoa học ngày đêm làm việc cặm cụi trong phòng thí nghiệm v. v. . . Ngoài ra, có ai trong chúng ta để tâm đến những sinh hoạt hàng ngày tưởng như tầm thường mà cần phải có quyết tâm mới nên việc. Nào mẹ, nào chị âm thầm săn sóc việc nhà. Những thử thách gian khổ của cha anh ngoài xã hội. Nhà nông cần cù làm việc không những đem lại ấm no cho gia đình mà còn cung cấp ra ngoài xã hội thực phẩm tươi quanh năm . . .

Trong thế giới ngày nay, chúng ta được hưởng một cuộc sống thoải mái, nhiều tiện nghi hơn xưa do đâu mà có ? Phải chăng nhân loại đã nhờ tới những bàn tay khéo léo hợp cùng khối óc của con người kiên trì làm việc ngày đêm ?

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

kiên nhẫn - ngã lòng - sự nghiệp - thử thách

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: “**Lời Mẹ Dặn**” và “**Gương Kiên Nhẫn**”.



BÀI NĂM

• Chính tả - Tập đọc.

Lòng Bác Ái

Một đêm kia, một người đàn ông đến gõ cửa nhà chúng tôi và nói rằng: " Thưa, Mẹ Teresa! Một gia đình có tám đứa con đang bị đói, đã mấy ngày nay họ chưa có tí gì trong bụng." Tôi liền **tức tốc** đi ngay đến gia đình đó, mang theo một ít thức ăn. Vừa bước vào nhà, tôi bắt gặp ngay những gương mặt đã quá **bơ phờ** vì đói. Ngoài sự hành hạ co rút của cái bao tử, **tuyệt nhiên** không có dấu hiệu nào của sự buồn phiền **ảo não**. Tôi đưa rá gạo cho người mẹ. Bà đón lấy rồi lặng lẽ chia rá gạo ra làm hai. Đoạn bà ta bước khỏi nhà, tay mang theo nửa phần rá gạo vừa mới chia. Khi bà trở về tôi mới buột miệng hỏi: " Chị đi đâu vậy? "

- " Dạ con đi sang một nhà gần đây, họ cũng đang bị đói như con vậy. "

Tôi không **ngạc nhiên** lắm trước hành động của bà ta. Vì người nghèo thường rất **quảng đại**. Tôi chỉ thấy làm lạ là tại sao bà ta biết được những người kia cũng đang bị đói. Bởi vì, cứ theo lẽ thường, hề bị đói là người ta chỉ chú tâm đến thân xác của mình hơn và không còn thời giờ cho kẻ khác nữa. .

Một hôm kia, một người từ Châu Úc đã đến xin dâng cúng một ít **tặng phẩm** giá trị. Trong lúc trao quà người đó nói với tôi: " Thưa mẹ đây chỉ là những thứ bên ngoài. Bây giờ con muốn dâng những thứ bên trong con người của con. " Từ hôm đó, ông hằng lui tới **khu nhà chờ chết** để cạo râu cắt tóc cho bệnh nhân và **hàn huyên** với họ. Người đàn ông này đã không những cho đi tiền bạc của cải nhưng còn cho cả thời giờ và sức lực. Ông ta có thể dùng nó cho chính mình đấy chứ. Nhưng điều ông ta muốn lại là cho đi chính mình.

Tôi thường xin các ân nhân những món quà không có dính dáng gì đến tiền bạc, và điều mà tôi mong ước cũng như hay xin họ nhất chính là sự hiện diện của họ. Tôi muốn người ta cũng chú ý, mỉm cười và đụng đến những kẻ mà họ đang cứu giúp.

Linh mục Bùi Quang Tuấn
(Thông Điệp Tình Thương Của Mẹ Teresa)

Ghi chú: Mẹ Teresa (1910-1997) là người sáng lập dòng Thừa Sai Bác Ái. Các tu sĩ của dòng này chuyên lo săn sóc những kẻ bệnh hoạn, không nơi nương tựa, phải nằm lê lết trên đường phố. Vì nghĩa cử cao đẹp này, mẹ Teresa đã được giải Nobel Hòa Bình năm 1979 và gần đây được vinh danh là " Vị Thánh Của Những Kẻ Khốn Cùng ".

• Giải nghĩa.

- **Bác ái:** Có lòng thương yêu rộng rãi mọi người, mọi loài. - **Tức tốc:** Ngay lập tức, tức thì. - **Bơ phờ:** Ủ dột, tiêu tụy. - **Tuyệt nhiên:** Chẳng hề, không bao giờ. - **Ảo não:** Buồn bực, sầu thảm.

- **Ngạc nhiên:** Sững sốt, lấy làm lạ. - **Quảng đại:** Tấm lòng rộng rãi, độ lượng. - **Tặng phẩm:** Các thứ dùng để biếu, cho đi. - **Khu nhà chờ chết:** Khu nhà nuôi những người bệnh sắp chết. - **Hàn huyên:** Thăm hỏi, trò chuyện sau một thời gian xa cách.



• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Người có lòng _____ thì dễ tha thứ, yêu thương kẻ khác.
- 2- Sau nhiều năm xa cách, hôm nay bạn bè gặp lại, biết bao lời _____ tâm sự.
- 3- Dù gặp chuyện đau buồn, bà ấy _____ không phàn nàn với ai một lời.
- 4- Má em rất _____ vì thấy ba em về nhà hôm nay mà không báo trước.
- 5- Tết Nguyên Đán vừa qua, nhà chùa đã nhận được nhiều _____ rất có giá trị.
- 6- Sau một tuần lễ bị đau nặng, hôm nay anh Ba đã đi học trở lại, nhưng dáng điệu anh trông rất _____.
- 7- Mẹ Teresa lập ra khu nhà _____ để săn sóc các bệnh nhân sắp chết mà không có người giúp đỡ.
- 8- Nghe tin bác Hai em bị tai nạn phải vào nhà thương, ba má em _____ đi thăm ngay.

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Vì sao mẹ Teresa phải tức tốc đi và đem theo gì ?
- 2- Vừa đến nơi, mẹ thấy những gì ? Mẹ đã làm gì ?
- 3- Tại sao bà mẹ trong gia đình đang đói này lại chia nửa số gạo cho người láng giềng ?
- 4- Người từ Úc Châu đến dâng cho nhà dòng của mẹ Teresa những gì ?
- 5- Mẹ Teresa thường xin các ân nhân cho đi những gì ?
- 6- Đã có lần nào em thực hiện tình thương yêu đối với người ngoài ? Bằng cách nào ?

• Phân biệt: DÂN, DÂNG, DANH

Dân: Lương dân (người dân lương thiện), dân giả (dân thường, không có chức vụ gì trong chính quyền), người công dân, trị quốc an dân.

Dâng: Dâng lên, dâng cúng, dâng hương.

Danh: Danh sách, điểm danh, danh vọng, nổi danh, danh tướng.

• Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Hưng Đạo Vương có công đánh thắng giặc Mông Cổ đến ba lần, ông là một _____ đời Trần.
- 2- Hồi nào lên võng xuống dù,
Kêu _____, dân dạ, bây giờ dạ _____.
- 3- Ba em ăn mặc chỉnh tề, đang _____ trước bàn thờ tổ tiên.
- 4- _____ phẩm vật phải có lòng thành.
- 5- Cây cao thì gió càng lay,
Càng cao _____, càng dày gian nan.
- 6- Lỡ quan, lỡ lính, lỡ làng,
Lỡ hàng _____, lỡ hàng công khanh.

• **Học thuộc lòng.**

Lòng Nhân Ái

Miếng khi đói, gói khi no,
 Của tuy *tơ tóc*, nghĩa so nghìn trùng.
 Của là muôn sự của chung,
 Sống không *thác* lại tay không, có gì !
 Ở sao có nhân, có *nghĩ*,
 Danh thơm và lại làm bia miệng người.
 Hiền lành lấy tiếng với đời,
 Lòng người yêu dấu là trời độ ta.
 Tai ương hoạn nạn đều qua,
Bụi trần rũ sạch, thực là từ đây.

*Nguyễn Trãi
 (Gia Huấn Ca)*

• **Giải nghĩa.**

- *Tơ tóc*: (sợi tơ, sợi tóc) Ý chỉ nhỏ nhặt. - *Thác*: Chết. - *Nghĩ*: Hay là nghĩa, ý chỉ cách xử thế con người theo lẽ phải. - *Bụi trần*: Sự khổ não của con người trên trần thế này. - *Rũ sạch*: Bỏ hay trút sạch những vướng víu.

• **Một tiếng có nhiều nghĩa.**

Để thấy sự phong phú tuyệt vời của ngôn ngữ Việt, chúng ta có thể đơn cử một số từ hay những câu với tiếng "cái" mang nhiều ý nghĩa khác nhau như là:

- a- Một mạo từ chỉ định một vật như: cái bàn, cái ghế, cái tủ
- b- Tiếng đệm để nhấn mạnh như: cái con dao này cùn quá!, con với cái, con cái gì với nó ...
- c- Từ chỉ về giống như: chiếc đũa, chiếc cái (ý chỉ hai chiếc so le, không đồng đều); chó cái, mèo cái, trâu cái (nhưng vật có lông vũ thì chim mái, gà mái, vịt mái ...), cái Mai (cô Mai), cái Lan (cô Lan)
- d- Từ chỉ về sự to lớn như: con đường cái khác với con đường mòn, con sông cái khác với con mương, con lạch, nhà cái, làm cái, hay:
 "Anh về xẻ ván cho dày,
 Bắc cầu sông cái cho thầy mẹ sang."
- e- Từ chỉ sự bờ ngõ như: lạ nước, lạ cái
- f- Từ chỉ vật thể trong chất lỏng như: nó vớt hết cái rồi !
- g- Tiếng nhấn mạnh tổng quát như: cái răng cái tóc góc con người, cái nét đánh chết cái đẹp

*Theo Đỗ Quang Vinh
 (Tiếng Việt Tuyệt Vời)*

- **Việt sử.**

Việt Nam 80 Năm Lệ Thuộc Thực Dân Pháp (1874-1954)

Nhờ vào lòng kiên nhẫn và nhất là sự giúp đỡ của các cố đạo Pháp cùng với khí giới của họ, Chúa Nguyễn Ánh đã thống nhất giang sơn sau khi đánh bại anh em nhà Tây Sơn. Ông lên làm vua lấy hiệu là Gia Long vào năm 1802.

Từ đây triều đại nhà Nguyễn trị vì liên tiếp trong 153 năm (1802 - 1954) thì nước Việt Nam lại một lần nữa bị phân chia làm hai chính thể đối nghịch nhau: miền Bắc do đảng Cộng Sản Việt Nam cầm quyền, miền Nam theo chế độ tự do Việt Nam Cộng Hòa.

Những vị vua đầu đời nhà Nguyễn là Gia Long, Minh Mạng, và Thiệu Trị thật sự nắm vận mệnh đất nước. Kể đến là vua Tự Đức ra lệnh cấm đạo Thiên Chúa, giết một số giáo sĩ ngoại quốc trong đó có cố đạo người Pháp. Mượn cớ này, quân Pháp xâm chiếm Việt Nam làm thuộc địa. Sau đó các vua Việt đều do nước Pháp lập nên, hoàn toàn không có chủ quyền. Trong 80 năm lệ thuộc (1874 -1954), các sĩ phu, người dân yêu nước đã cùng vua quan nhiều lần tìm cách đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi bờ cõi. Sau đây là những biến cố quan trọng giành độc lập theo thứ tự thời gian:

- Tháng 2 năm 1859 tổng đốc Võ Duy Ninh đã thất bại trong việc chống trả với quân Pháp tấn công chiếm thành Gia Định.
- Từ tháng 2 năm 1863, hưởng ứng lời kêu gọi chống Pháp nhiều anh hùng đã nổi lên như: ông Trương Định ở Gò Công, Nguyễn Trung Trực ở vùng Tân An và Rạch Giá, ông Thủ Khoa Huân ở vùng Hậu Giang (Mỹ Tho, Rạch Gầm, Cai Lậy ..), ông Võ Duy Dương ở Đồng Tháp Mười.
- Tháng 10 năm 1873, quân Pháp tấn công chiếm thành Hà Nội khiến cho tổng đốc Nguyễn Tri Phương bị chết.
- Tháng 4 năm 1882, tổng đốc Hoàng Diệu đã tử tiết khi quân Pháp tấn công thành Hà Nội lần thứ hai. Tháng 7 năm 1885, vua Hàm Nghi và ông Tôn Thất Thuyết tổ chức đánh phủ khâm sứ Pháp ở Huế nhưng thất bại.
- Hưởng ứng lệnh Cần Vương nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổi lên như: Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế, Đinh Công Tráng ở Ba Đình, Phan Đình Phùng ở Nghệ Tĩnh, Mai Xuân Thưởng ở Bình Định

Và những năm sau đó còn rất nhiều nhà ái quốc khác đã hi sinh tính mạng để cứu vãn nền độc lập cho nước Việt Nam nhưng không thành như: liệt sĩ Trần Cao Vân (bị chém năm 1916), Thái Phiên (bị chém năm 1916), Phạm Hồng Thái (tử tiết năm 1918), Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí bị chém ở Yên Bái năm 1930 v.v.....

- **Câu hỏi để đối thoại.**

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Kể nguyên nhân nào chúa Nguyễn Ánh thắng được anh em Tây Sơn?
- 2- Từ năm 1954 về trước, nước Việt Nam bị phân chia bao nhiêu lần ?
- 3- Những nguyên nhân nào quân Pháp xâm chiếm nước Việt Nam ?
- 4- Kể một vài cuộc khởi nghĩa chống Pháp mà em đã học ?

Bài làm ở nhà 5

- **Chép lại và thêm đủ dấu.** (dấu mũ . . . dấu giọng)

Ơn Đất Nước

Sanh ra, ta phai nhỏ to tiền, cha mẹ. Sống ta cùng nhỏ đất nước, quê hương. Hưởng nhưng tác đất, an nhàn ngon rau, muốn cho sự sống được đề dang, giống nòi được **truyền thụ**, chúng ta cam thay bọn phản phai bao vệ đất nước khi bị kẻ **xâm lăng** cha đạp. Ráng nắng đo xu số lúc **ngiên ngua**, nghèo đói và lam cho quê hương được trở nên **cuong thịnh**. Rạng cuu cấp nước nhà khi bị người nước ngoài **thông tri**. Bỏ coi vững lặng thân ta mới yên, quốc gia giàu mạnh mình ta mới an.

Hãy tuy tài tuy sức, nỗ lực hi sinh cho xu số. Ví như không đủ tài lúc đương việc lớn, chưa gặp thời cơ giúp đỡ quê hương, mỗi người trong chúng ta phải cố tranh dùng làm việc gì so xuất đến đôi lam hai cho nước nhà đau khổ, và dùng giúp sức cho kẻ ngoại địch gây sự tổn hại đến đất nước. Đó là ơn đất nước vậy.

Đức Huỳnh Phú Sổ
(Sám Giảng Thi Văn Toàn Bộ)

Giải nghĩa.

- **Truyền thụ**: Truyền lại tri thức, kinh nghiệm cho con cháu sau này. - **Ngiên ngửa**: Ý nói ở đây là xứ sở có loạn lạc, chiến tranh. - **Xâm lăng**: Đánh chiếm lãnh thổ và đoạt chủ quyền nước khác. - **Cường thịnh**: Giàu và mạnh. - **Thông tri**: Sử dụng bộ máy chính quyền để điều khiển tất cả việc nước.

- **Đại ý.**

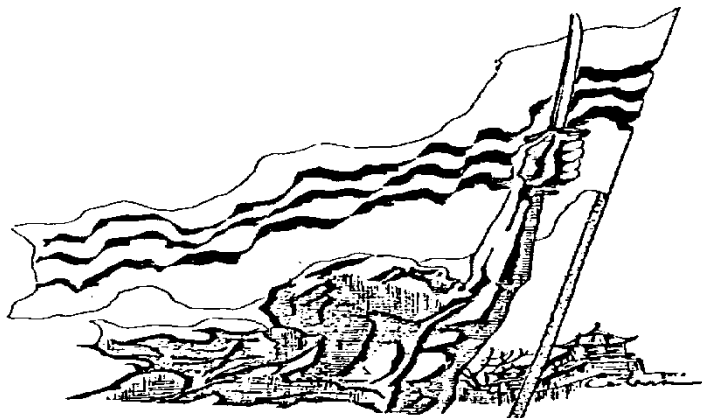
Tìm đại ý của bài trên.

- **Câu hỏi.**

Viết trả lời tất cả "Câu hỏi để đối thoại" đã ra tại lớp học theo bài "Lòng Bác Ái".

- **Đặt hai câu với mỗi tiếng**: dân, dăng và danh.
- **Tập làm văn.**

Hãy bình giảng: Câu tục ngữ "Lá lành đùm lá rách."



- **Tập đọc.**

Anh Thù Nước Việt

Năm 111 trước Tây lịch (B.C.), nước Việt Nam thừa ấy bị lệ thuộc người Tàu. Chúng đem quân sang đánh chiếm nước ta rồi chia ra làm 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam (ngày nay là miền Bắc và mấy tỉnh ở phía bắc miền Trung Việt Nam).

Năm 34 sau Tây lịch (A.D.), vua Tàu sai Tô Định sang làm thái thú quận Giao Chỉ. Tô Định là người bạo ngược, tàn ác, khiến dân Việt vô cùng oán hận. Nhân vì Tô Định giết ông Thi Sách, chồng của Trưng Trắc nên bà cùng em là Trưng Nhị tập hợp dân chúng các quận đánh chiếm lại 65 thành trì. Bọn quan quân Tô Định chống cự không nổi, bỏ chạy về Tàu. Năm ấy là năm 40, Hai Bà tự xưng làm vua và đóng đô ở Mê Linh, tỉnh Phúc Yên là nơi quê nhà. Nước Việt lại được độc lập sau 150 năm dưới sự cai trị tàn bạo của Tàu. Ba năm sau (43), Hai Bà đã tuần tiết vì sức tấn công của đoàn quân Mã Viện. Nước nhà lại bị mất vào tay kẻ thù phương Bắc trong suốt 800 năm liền.

Tuy không đủ sức gìn giữ đất nước và nền độc lập cho quê hương được lâu dài, nhưng tấm gương tiết nghĩa của Hai Bà cũng đủ thức tỉnh nam giới lo bảo vệ non sông khi có ngoại xâm sau này. Xét trong lịch sử thế giới cách đây 2.000 năm thì Hai Bà là những bậc anh thư hiếm thấy trong nhân loại. Đối với nước Việt nhỏ bé, ít dân mà đánh đuổi được quân xâm lăng từ một nước Tàu rộng lớn đông dân hơn nhiều. Hơn nữa vị anh hùng cứu nước đầu tiên trong lịch sử Việt lại là bậc nữ lưu !

Ở ngoại ô Hà Nội ngày nay vẫn còn đền thờ Trưng Nữ Vương. Hàng năm đều có tổ chức lễ kỉ niệm vào ngày 6 tháng 2 Âm lịch, cũng là ngày Hai Bà gieo mình xuống sông Hát đền nợ nước.

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

anh thư - tàn ác - oán hận - độc lập.

- **Đại ý.**

Tìm đại ý của bài trên.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: “**Lòng Bác Ái**” và “**Anh Thù Nước Việt**”.



BÀI SÁU

• Chính tả - Học thuộc lòng.

Chùa Hương

(Thiên kí sự của một cô bé ngày xưa)

Hôm nay đi chùa Hương.
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thầy me em dậy.
Em vẫn đầu soi gương.

Khăn nhỏ đuôi gà cao;
Em đeo **dải yếm** đào;
Quần lĩnh, áo the mới;
Tay cầm nón quai thao,

Me cười : "Thầy nó trông !
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá !
Bao giờ cô lấy chồng ?"

- Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm
Nhờ **mối mai** đưa tiếng,
Khen tươi như trăng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai,
Vì thầy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm.
Ý đợi người tài trai -

Em đi cùng với me.
Me em ngồi **cáng** tre.
Thầy theo sau cười ngửa,
Thất lung dài đỏ hoe.

Thầy me ra đi dò.
Thuyền **mấp mênh** bên bờ.
Em nhìn sông nước chảy,
Đưa cánh bướm **lô nhô**.

Mơ xa lại nghĩ gần.
Đời mấy kẻ **tri âm**
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một **văn nhân**.

Người đâu thanh lạ thường !
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương ?

Chàng ngồi bên me em.
Me hỏi chuyện làm quen:
"Thưa thầy đi chùa ạ ?
Thuyền đông trời ôi chen !"

Chàng thưa vâng thuyền đông,
Rồi ngắm trời mênh mông,
Xa xa mờ núi biếc,
Phon phớt **áng mây** hồng.

Dòng sông nước đục lờ.
Ngâm nga chàng đọc thơ !
Thầy khen hay, hay quá !
Em nghe rồi **ngẩn ngơ**.

.....

Nguyễn Nhược Pháp

Giải nghĩa.

- **Chùa Hương**: Còn gọi là chùa Hương Tích, là một thắng cảnh nổi tiếng ở tỉnh Hà Đông, Bắc Việt. - **Khăn nhỏ, đuôi gà cao**: Tóc bới kiểu đuôi gà, quần khăn nhỏ. - **Dải yếm**: Miếng vải hình tam giác dùng để che trước ngực phụ nữ thời xưa. - **Mối mai**: Làm mai, giới thiệu. - **Cáng**: Cái vồng có mui, có đòn dài cho hai người khiêng. - **Mấp mênh**: Bập bênh, nổi trên mặt nước có sóng. - **Lô nhô**: Lố nhố, có nhiều và cao thấp không đều. - **Tri âm**: Người bạn thấu hiểu được lòng mình. - **Thuyền nan**: Chiếc ghe làm bằng nan tre. - **Văn nhân**: Người có dáng điệu nho nhã, nhà văn. - **Áng mây**: Vàng mây, đám mây. - **Ngẩn ngơ**: Thờ người ra, đờ ra, không hiểu gì cả.



• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Thời xưa ở Việt Nam, người con gái đi lấy chồng phần lớn do sự _____ chứ không có nhiều cơ hội để tự chọn người chồng cho mình.
- 2- Mặt biển _____ sóng bạc đầu,
Con thuyền trôi dạt biết về đâu!
- 3- Ở hay cảnh cũng ưa người nhi,
Ai thấy mà ai chẳng _____. (Hồ Xuân Hương)
- 4- Mệnh mông góc biển chân trời,
Biết đâu mà gặp được người _____. (Ca dao)
- 5- Mặt trời đỏ rực phương tây,
Xa trên đỉnh núi, _____ màu hồng.
- 6- Bên bờ thuyền nhỏ _____,
Dòng sông nước chảy, bập bênh bèo trôi.
- 7- Trông chừng thấy một _____,
Lông buông tay khâu, bước lảo đảo băng. (Kiều)

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Cô bé đi chùa Hương dậy sớm hay muộn ? Cô làm gì ?
- 2- Tả cô bé: cách ăn mặc, tóc, gương mặt
- 3- Mẹ cô bé nói gì ?
- 4- Cô bé tâm sự như thế nào ?
- 5- Kể các phương tiện di chuyển của gia đình cô bé ?
- 6- Cô bé gặp ai ? Ở nơi nào ?
- 7- Tả người cô bé gặp ?
- 8- Kể cách hỏi chuyện của người mẹ và cách trả lời của chàng trai ?
- 9- Tả hành động từng người của gia đình cô bé khi chàng trai đọc thơ ?

• Phân biệt: NẶN, NẶNG, NẠNH

Nặn: Nặn tượng, nặn chanh, nặn ra (bịa ra), nặn óc (cố tìm tòi, cố nhớ lại).

Nặng: Anh nặng mấy kí ? Nước nặng hơn dầu.

Nặng gánh (trách nhiệm nhiều), nặng gánh gia đình, nặng lời (dùng lời lẽ nặng nề, hỗn xược), tiếng nặng nhẹ (cần nhắc, trách móc).

Nạnh: Sanh nạnh (ganh tị, cố trút việc cho người khác để mình khỏi làm), đứng chống nạnh, nạnh hẹ (suy bì, tránh trút).

• Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Hoa thơm ai nở bỏ rơi,
Người khôn ai nở _____ lời làm chi.
- 2- Trong toán của em, Khoát là người hay sanh _____, anh luôn luôn tìm cách tránh né công việc.
- 3- Năm rất khéo tay, anh có thể _____ được những bức tượng rất đẹp.
- 4- Anh em trong nhà giúp đỡ nhau làm việc, không nên vì lười biếng mà _____ hẹ nhau.
- 5- Hôm qua tình cờ ba em gặp lại người bạn cùng lớp đã 20 năm xa cách, ba phải _____ mới nhớ được tên người bạn.
- 6- Liệu mà thờ kính mẹ cha,
Đừng tiếng _____ người ta chê cười.

• Văn phạm.

Dấu than (!) Dấu hai chấm (:) Dấu ngoặc kép (" ... ")

I- Dấu than (!)

Dấu than hay tán thán (!) được đặt ở sau những từ dùng để than thở như: A ! Ô !

Ồi ! Ái chà ! . . .

Hoặc dấu than ở cuối những câu thương cảm, sai khiến, thỉnh cầu, vui mừng, lạ lùng, ngạc nhiên . . .

- Thí dụ:
- A ! Ba má đã về.
 - Ồ ! Bông hồng này đẹp quá !
 - Ái chà ! Các cháu chớ trèo cao.
 - Trời ơi ! Nó làm sao thế kia ! (thương cảm)
 - Hãy làm việc này ngay đi ! (sai khiến)
 - Không ai ngờ Tâm học giỏi nhất lớp trong hai khóa liền ! (ngạc nhiên)

II- Dấu hai chấm (:)

Dấu hai chấm thường được đặt ở giữa câu. Nó dùng để:

- 1- Liệt kê các sự việc cần kể ra, nếu không thì người đọc sẽ thấy khó hiểu.

- Thí dụ:
- Mẹ tôi đi chợ mua thực phẩm đủ loại như: gạo, thịt, cá, nước mắm, trái cây và rau thơm.
 - Chúng em học các môn tiếng Việt : chính tả, tập đọc, học thuộc lòng, tập làm văn, sử kí và địa lí.

- 2- Đặt trước lời nói của người khác mà mình trích dẫn ra thì phải có dấu ngoặc kép ở đầu và cuối câu dẫn ấy.

- Thí dụ
- Cô giáo hỏi em: “Khóa này, em học cấp mấy ?”
 - Em trả lời: “Thưa cô, em học cấp 12.”

III- Dấu ngoặc kép (“ . . . ”)

Dấu ngoặc kép dùng để:

1- Cho biết lời người khác nói.

Thí dụ: - Ba tôi thường khuyên nhủ các con: “Hãy cố gắng học thành tài để sau này trở nên những công dân tốt và hữu ích.” Má tôi nhắc nhở thêm: “Các con chăm học thì má rất vui lòng nhưng nhớ phải giữ sức khỏe nữa.”

2- Cho biết tên riêng của một cuốn sách, một bài văn, thơ hay một bản nhạc.

Thí dụ: - Bạn có trông thấy cuốn “Chúng Em Cùng Học Tiếng Việt Cấp 12” của tôi không ?
- Em học bài thơ “Lời Mẹ Dặn” là của thi sĩ Phùng Quán.
- Chúng ta hãy ca bản “ Việt Nam ! Việt Nam !” của nhạc sĩ Phạm Duy.

• Bài tập.

Chép lại và thêm dấu chấm câu (.), dấu than (!), dấu hai chấm (:), dấu ngoặc kép (“...”) của đoạn văn dưới đây:

Quý Mến Ông Bà

Ông bà em đã già lắm em thường giúp ông đứng dậy hoặc dìu ông ngồi xuống lúc này mắt bà rất kém không thể đọc được sách bà than thở cháu ơi bà muốn đọc sách mà không thấy rõ mặt chữ cháu đọc cho bà nghe nhé thấy thế ba má em thường bảo con ngoan lắm con quý mến ông bà tức là quý mến ba má đấy nếu không có ông bà thì làm sao có ba má của con chứ.



Bài làm ở nhà 6

- **Chép lại và thêm đủ dấu.** (dấu mũ . . . dấu giọng)

Bảo Vệ Cây Xanh

Đứng **hóng mát** dưới hàng cây trong vườn, em thấy bóng dáng của gia đình em. Tâm cùng con thay được nhiều người trên thế giới. Vì những người này từng góp phần vào việc vun trồng và giữ gìn cây xanh cho đến ngày nay.

Không ai trong chúng ta có thể ngờ được rằng mỗi một ngày qua có hàng triệu cây xanh tươi tốt bị chặt xuống để làm củi đốt, làm ra giấy, nhà, giường, tủ, hay cái bàn, chiếc ghế cho chúng ta ngồi. Chặt **hoang phí** một góc cây, chúng ta đã phá hủy bao nhiêu là cho ở của các loài chim. Cây tươi tốt còn cung cấp đồ ăn cho muôn thú nữa. Hàng năm em có gắng trong một góc cây và chăm sóc nó cẩn thận. Chờ chờ cây xanh hay gìn giữ rừng là chúng ta bảo vệ **môi trường** sống của con người.

Cho nên gia đình em không dùng giấy hoang phí mà con giữ giấy bao cu, sạch vỏ cu để bỏ vào thùng rác có đề tiếng Mỹ: "Recycle paper".

Đ. T. H.

Giải nghĩa.

- **Hóng mát:** Chờ sẵn để đón lấy gió mát. - **Hoang phí:** Dùng quá mức cần thiết, gây lãng phí.
- **Môi trường:** Điều kiện tự nhiên, xã hội trong đó con người hay sinh vật tồn tại, phát triển với nhau.

- **Đại ý.**

Tìm đại ý của bài trên.

- **Câu hỏi.**

Viết trả lời tất cả "Câu hỏi để đối thoại" đã ra tại lớp học theo bài "**Chùa Hương**":

- **Đặt hai câu với mỗi tiếng:** nặn, nặng và nạnh.

- **Tập làm văn.**

Hãy làm bài luận văn theo tài liệu trong báo tiếng Việt xuất bản tại địa phương của em. Chọn đề tài nói về sinh hoạt của cộng đồng người Việt hoặc về văn hóa, khoa học kỹ thuật trên thế giới. Nhớ kèm theo bài báo khi nộp bài viết cho thầy cô.



- **Tập đọc.**

Tình Yêu và Gia Đình

Tôi vô tình đụng phải một người đi qua đường. Tôi ngó lời xin lỗi: “Ông vui lòng tha lỗi cho tôi.” Người ấy đáp: “Xin bà cũng tha lỗi cho tôi nữa. Tôi đã không ngó chừng bà.” Người lạ này và tôi đã đối xử với nhau rất lịch sự. Thế rồi chúng tôi từ giã nhau và tiếp tục con đường mình đi. Nhưng tại gia đình chuyện lại xảy ra khác.

Chúng ta cư xử thế nào với những người thân yêu, cha mẹ hoặc con của mình? Chiều hôm ấy, tôi đang nấu cơm thì con trai tôi im lặng đứng bên cạnh. Khi quay lại, tôi đã đụng phải nó gần ngã xuống đất. Tôi giận dữ quát lên: “Tránh xa ra!” Đứa nhỏ lặng lẽ bước đi, trái tim nhỏ bé của nó tan vỡ!

Tôi không nhận biết mình đã khất khe với con ra sao. Trong khi nằm thao thức trên giường thấy tiếng nói của lương tâm vang vọng: “Tại sao đối xử với kẻ không quen biết chúng ta tỏ ra lễ độ thông thường? Còn người thân quen mà chúng ta chung sống lại xem ra không bằng người xa lạ? Hãy tới bếp mà nhìn, sẽ thấy một số hoa tươi để trên bàn. Đó là những đóa hoa do bàn tay nhỏ bé ấy mang về tặng mẹ nó. Chính nó hái những bông hoa này, màu hồng, màu vàng và xanh dương.”

Nghe dứt lời, tôi cảm thấy mình thật nhỏ nhoi. Bỗng dưng, trước mắt tôi là một vùng trời mờ đục như sương, một vị mẫn mẫn thấm qua môi. Lặng lẽ đi tới bên giường, tôi khẽ gọi: “Dậy đi con! Dậy đi con! Con đã hái những hoa này cho mẹ phải không?” Nó nở nụ cười: “Con đã nhìn thấy những hoa này bên gốc cây ngoài vườn. Con biết mẹ yêu chúng, đặc biệt hoa màu xanh dương.” Giọng tôi nghẹn ngào: “Con ơi! Mẹ rất ân hận về hành động của mẹ chiều nay! Đúng ra mẹ không nên la hét con như thế.” Thằng bé nói rất tự nhiên: “Mẹ ơi! Con chẳng bao giờ giận mẹ đâu. Con thương mẹ.” Tôi ôm chặt con vào lòng rồi nói nhỏ: “Mẹ cũng thương con rất nhiều. Con đã chọn đúng màu hoa mẹ thích, xanh dương là màu hi vọng cũng như con là nguồn sống của mẹ vậy!”

Khuyết danh

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

vô tình - lịch sự - khất khe - lương tâm.

- **Đại ý.**

Tìm đại ý của bài trên.

- **Thâu băng:**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: "Chùa Hương" và "Tình Yêu và Gia Đình".



BÀI BẢY

• Chính tả - Tập đọc.

Rừng Mắm

Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xóa những đóa hoa năm cánh, hai màu đối chọi trông rất đẹp.

- Cây gì mà trông lạ vậy ông nội ? Trỏ bông ngay dưới gốc ?
- Bông trổ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây này là *cây mắm*, đây là rừng mắm đây.
- Cây mắm ? Sao con không nghe nói đến cây ấy bao giờ ?
- Con không nghe vì cây ấy không dùng để làm gì được cả, cho đến làm củ chum cũng không được.
- Vậy chứ trời sanh ra nó làm chi mà *vô ích* dữ vậy ông nội ? Lại sanh *hàng hà sa số* như là cỏ ấy ?
- Bờ biển này mỗi năm được *phù sa* bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lũn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một thời gian sau cây mắm sẽ *ngã rạp*. Giống *tràm* lại *nổi ngôi* nó. Rồi sau mấy đời tràm, đất thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thẳng cháu nội *ngơ ngác* chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

- Ông với lại *tía* con là cây mắm, chơn giẫm trong bùn. Đời con là đời tràm, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dừa, cau.

Đời mắm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu họ hưởng.

Bình Nguyên Lộc

• Giải nghĩa.

- *Cây mắm*: Loại cây nhỏ mọc ở đất nước mặn.
- *Vô ích*: Không có lợi gì.
- *Hàng hà sa số*: Nhiều quá không thể đếm được.
- *Phù sa*: Đất theo nước trôi đi rồi bồi ở chỗ khác.
- *Mềm lũn*: Rất mềm.
- *Ngã rạp*: Đổ rạp xuống đất.
- *Tràm*: Thử cây có nhiều lần vỏ mỏng như giấy, lá có mùi thơm cay.
- *Nổi ngôi*: Tiếp theo.
- *Tía*: Ba, tiếng gọi người cha (tiếng Tiều Châu)
- *Ngơ ngác*: Sững sốt, không định được chủ ý.



• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Khi cây mấm _____ thì cây tràm lại mọc lên nhiều đời liên tiếp.
- 2- Ở mũi Cà Mau, cây mấm mọc _____ sa số trên lớp đất phù sa mới được bồi nên.
- 3- Đồi cây _____ tuy vô ích nhưng không uống.
- 4- Thằng cháu _____ chưa hiểu ông ngoại muốn nói gì.
- 5- Đất phù sa _____, không bao giờ thành đất thịt nếu không có rừng mấm rồi rừng tràm mọc lên cho chắc đất.
- 6- Trong chế độ quân chủ, khi vua chết thì con vua được _____ dù cho người con này không đủ tài đức.

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Kể những đặc điểm của cây mấm. Cây mấm mọc ở đâu ? Nhiều hay ít ? Rễ thế nào ? Hoa mọc ở đâu ?
- 2- Nói các giai đoạn để đất phù sa trở thành đất thịt và sau đó các loại cây ăn trái như xoài, mít, ổi có thể mọc lên được.
- 3- Giải nghĩa câu: "Đồi cây mấm tuy vô ích mà không uống. "
- 4- Áp dụng ý tưởng này vào cộng đồng người Việt ở hải ngoại, vào xã hội. Cây mấm tượng trưng cho hạng người nào ? Có giúp ích gì cho xã hội không ? Cây xoài, cây mít thuộc hạng người nào ?
- 5- Kể đi sau có liên hệ với người đi trước hay không ? Kể ra sự liên hệ đó .
- 6- Vậy bốn phận của người trẻ đối với lớp người già nua tuổi tác phải như thế nào ?

• Phân biệt: MỘC, MỘC, MỘT

Mọc: Mọc (nảy lên, lú lên, nhô lên).

Mọc chồi, mọc mầm, mọc răng, mặt trời mọc.

Mộc: Thảo mộc (cây cối), khiên mộc (cái thuẫn bằng gỗ, ngày xưa dùng để che đỡ khi đi đánh trận).

Mộc tinh (Jupiter) (hành tinh lớn nhất trong Thái Dương Hệ), mộc mạc (giản dị, chất phác, không chau chuốt) --> Lời nói mộc mạc, nếp sống

mộc mạc.

Một: Số một, số hai, số ba ... , một lòng một dạ, chùa một cột, một nước, một dân tộc, một cây, một khu rừng.

• **Điền vào chỗ trống.**

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Người ở miền quê thường ăn nói _____ , đơn sơ.
- 2- Nhiều điều phù lấy giá gương,
Người trong _____ phải thương nhau cùng.
- 3- Tường là trồng cúc ngay hàng,
Ai hay cúc _____ mỗi hàng mỗi cây.
- 4- Mẹ cha là _____ , là khiên,
Chờ che con được bình yên giữa đời.
- 5- Mặt trời _____ ở phương đông,
Cho người ấm áp, ruộng đồng xanh tươi.
- 6- _____ làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

• **Học thuộc lòng.**

Cây có gốc mới nở cành xanh ngọn,
Nước có nguồn mới bể rộng, sông sâu.
Người ta nguồn gốc từ đâu,
Tổ tiên có trước rồi sau có mình.

Ca dao

• **Danh ngôn.**

Hãy nhìn các bậc công hầu, vương bá trên trần thế này: khi nhắm mắt lại
(chết) họ đã mang theo những gì ? Đất đai rộng lớn,
cuộc đời hào phóng, dinh thự lộng lẫy ... họ phải bỏ lại tất cả!

Thánh Augustin

Chi có một thứ tài sản mà chúng ta sẽ giữ gìn mãi:
đó là giá trị con người.

X.....

Toàn thiện là luật của trời;
hướng đến sự toàn thiện là luật của con người.

Goethe

- **Địa lí.**

Núi, Biển và Suối Thiên Nhiên Việt Nam

Núi và cao nguyên Việt Nam tập trung ở miền Bắc và Trung phần. Đa số là núi cổ, cao nhất là ngọn núi Ngọc Lĩnh 3.143 thước thuộc dãy Hoàng Liên Sơn ở miền Bắc.

Núi và cao nguyên Bắc phần, chiếm 85% diện tích đất đai, cung cấp các loại **lâm sản** quý và **khoáng sản**.

Núi và cao nguyên Trung Phần chiếm 90% diện tích đất đai, là kho lâm sản và cây kĩ nghệ chính yếu của Việt Nam. Rặng Trường Sơn chạy dọc theo biên giới Lào-Việt, cao độ trung bình là 1.000 thước.

Bờ biển Việt Nam dài tới 2.500 cây số, có nhiều hải cảng tốt, ngoài khơi có nhiều quần đảo như Phú Quốc (lớn nhất với diện tích 600 cây số vuông, rộng hơn cả quốc gia Tân Gia Ba), Côn Sơn (phía Đông Mũi Cà Mau), Trường Sa (ngoài khơi Phan Thiết), và Hoàng Sa (ngoài khơi Đà Nẵng). Biển Việt Nam về phía Đông tương đối cạn, thềm **lục địa** dọc **duyên hải** ít nơi sâu quá 100 thước, chỉ ở ngoài khơi khoảng giữa Tuy Hòa và Phan Thiết là có những hố sâu từ 3.000 tới 4.000 thước. Người ta ước lượng nếu mực nước biển vùng này rút thấp xuống độ 200 thước, duyên hải Nam phần sẽ nối liền với Nam Dương và cả vịnh Thái Lan sẽ biến thành một bình nguyên rộng lớn. Duyên hải Việt Nam là một trục giao thông quan trọng của vùng Á Châu Thái Bình Dương và là kho **hải sản** dồi dào của nền **ngư nghiệp** Việt Nam.

Suối thiên nhiên Việt Nam nằm rải rác trên các vùng cao nguyên Tây Bắc Bắc phần, các suối nước nóng bicarbonate lại xuất hiện từ vùng cao nguyên phía Tây Trường Sơn vào đồng bằng Nam phần:

- * Loại suối sulfat calci và magné ở Yên Bái, Sơn La.
- * Loại suối clorure natri, sulfure calci và magné ở Sơn La và Ninh Bình.
- * Loại suối sulfure hydro và natri ở Hà Giang, Tuyên Quang, Lai Châu.
- * Loại suối bicarbonate calci ở Lào Kay, Sơn La, Hòa Bình, Thừa Thiên, và miền Nam Trung phần.
- * Loại suối carbonate natri như suối Vĩnh Hảo.

Giải nghĩa.

- **Lâm sản:** Các vật lấy từ rừng. - **Khoáng sản:** Các vật lấy từ lòng đất. - **Lục địa:** Đất liền. - **Duyên hải:** Vùng ven biển. - **Hải sản:** Các vật lấy từ biển. - **Ngư nghiệp:** Nghề đánh cá.

- **Câu hỏi để đối thoại.**

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Tả sơ qua về núi non Việt Nam ?
- 2- Tả sơ qua về biển và các đảo của Việt Nam ?
- 3- Tại sao duyên hải Việt Nam là trục giao thông quan trọng của vùng Á Châu Thái Bình Dương ?
- 4- Kể các loại suối thiên nhiên ở Việt Nam ?



Bài làm ở nhà 7

- **Chép lại và thêm dấu câu.** (dấu chấm, dấu phẩy, dấu hai chấm . . .)

Đi Chơi

mặt trời còn khuất sau quả đồi một ánh vùng hồng lên trên nền trời xanh biếc bên kia sông rừng cây từng lớp từng màu còn mờ lẩn trong màn sương trắng dưới chân đồi những mảnh **ruộng mạ non** sáng lên như tấm gương con đường đất đỏ ngoằn ngoèo qua cánh đồng người đi chợ trông bé như một đàn kiến tất cả trời đất trên cao nhìn xuống như cùng ca một bài ca vui vẻ và ham sống khiến tôi thấy **náo nức** trong lòng

tôi trèo lên đỉnh đồi ngồi bên những tảng đá quay nhìn khắp bốn phương khi nắng đã bắt đầu gay gắt và cỏ đã mềm nóng dưới bàn chân tôi thả xuống đi len lỏi vào các vườn chè sẵn rồi đến bờ sông tìm một chỗ mát nghỉ ngơi tôi ngả người trên cỏ nằm mơ màng đếm tiếng kêu của **chim gáy** ở tận đâu xa xa

những cơn gió mạnh của đồng nội mùi thơm mát của hoa cỏ và vẻ rộng rãi của khoảng trời mây chiếm cả linh hồn tôi những cuộc đi chơi lâu trong các vườn chè nướng sắn hay trên sườn đồi làm cho người tôi **bồng bột** hoạt động hẳn lên

Thạch Lam
(*Nắng Trong Vườn*)

Giải nghĩa.

- **Ruộng mạ non:** Vùng đất được gieo hạt thóc mọc thành cây lúa non. - **Náo nức:** Hăm hở, phấn khởi. - **Chim gáy:** Loài chim có vòng lông quanh cổ như hạt cườm. - **Bồng bột:** Hăng hái, sôi nổi.

- **Đại ý.**

Tìm đại ý của bài trên.

- **Câu hỏi.**

Viết trả lời tất cả “Câu hỏi để đối thoại” đã ra tại lớp học theo bài “**Rừng Mắm**”.

- **Đặt hai câu với mỗi tiếng:** mọc, mọc và một.

- **Thuyết trình.**

Nhóm từ 3 em học sinh, chọn một đề tài về sinh hoạt văn hóa hay văn học, viết và thuyết trình về đề tài của nhóm cho cả lớp nghe.

- **Tập đọc.**

Lấy Cái Chết Đền Nợ Nước

Nói tới Phan Thanh Giản là phải nói tới con người trọn đời tận tụy vì đất nước và chết cũng vì quê hương.

Ông sinh năm 1793, đỗ tiến sĩ vào đời vua Minh Mạng và là người miền Nam đầu tiên thi đỗ bằng này. Làm quan rất mực thanh liêm cho tới tuổi 74. Từ khi quân Pháp nổ súng lần đầu tiên ở cửa biển Đà Nẵng đến lúc nước Việt sắp mất về tay chúng (1862) thì ông đã già, sức yếu. Thế mà ông vẫn hết lòng giúp nước. Vua Tự Đức cử ông sang Paris để chuộc lại 3 tỉnh miền Đông đã lọt vào tay quân Pháp là Biên Hòa, Gia Định và Định Tường. Việc điều đình không thành.

Về nước, ông được vua giao phó mọi việc chống giữ 3 tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Tháng 6 năm 1867, thực dân Pháp quyết tâm đánh chiếm 3 tỉnh này để đặt nền cai trị toàn miền Nam nước Việt trước khi đem quân chiếm miền Bắc và miền Trung thành thuộc địa của chúng.

Nhận thấy quân dân ta không đủ sức bảo vệ được giang sơn trước kẻ thù có tàu chiến, vũ khí tối tân, quân lính tinh nhuệ, ông Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự kết liễu đời mình vào ngày 5 tháng 7 năm 1867. Ông hi sinh để cứu vớt quân sĩ và người dân vô tội thoát cảnh máu chảy, thịt rơi, nhà tan cửa nát !

Làm quan trải qua 3 đời vua Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, ông Phan Thanh Giản đã vui sống trong cảnh nghèo mà vẫn giữ được tâm lòng trong sạch.

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

tận tụy - thanh liêm - cai trị - thực dân.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc:
“ Rừng Mắm ” và “ Lấy Cái Chết Đền Nợ Nước ”.



Bài thi mẫu giữa khóa

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong các tuần lễ vừa qua.

1. Chính tả.

- Viết một trong ba bài tập đọc hay chính tả do thầy cô chỉ định trước cho các em.
- Phân đoạn và tìm đại ý bài chính tả.

2. Học thuộc lòng.

- Viết một trong hai bài học thuộc lòng:
 - a- Đầu bài . . .
 - b- Đầu bài . . .
- Tìm đại ý bài học thuộc lòng.

3. Văn phạm.

Thêm đủ dấu trên một đoạn văn cho sẵn. (dấu giọng ..., dấu phẩy, chấm câu, dấu than, dấu ngoặc kép . . .)

4. Sử kí.

- Soạn ba câu hỏi.

5. Địa lí.

- Soạn ba câu hỏi.

6. Tập làm văn.

- Chọn đề tài tương tự đã được làm trong lớp.

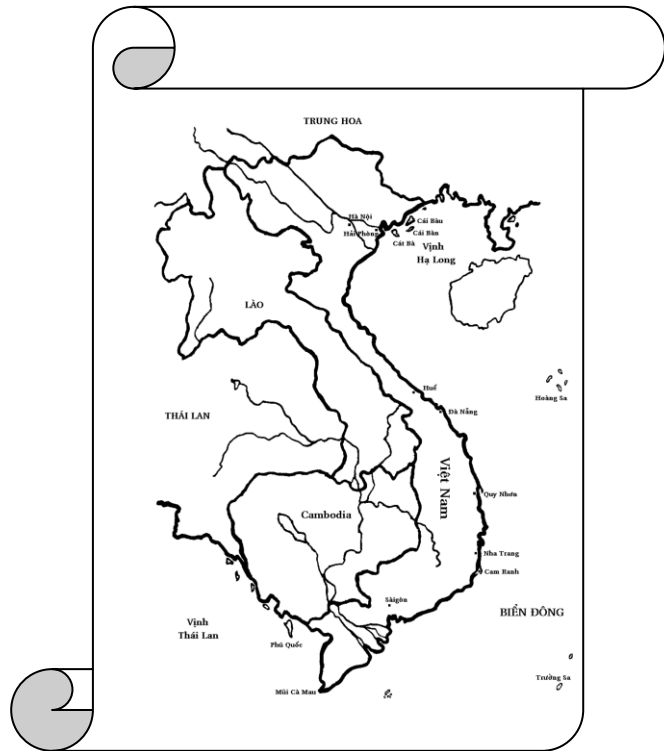
BÀI TÁM

- **Chính tả - Học thuộc lòng.**

Vẽ Bản Đồ Việt Nam

Hôm qua tập về bản đồ,
Thầy em lên bảng **kể ô** rõ ràng.
Ranh giới vẽ phần vàng dễ kiểm,
Từ Nam Quan cho đến Cà Mau.
Tùng nơi, thầy **thuộc lâu lâu**,
Đây sen Đồng Tháp, đây **cầu Hiền Lương**.
Biển Đông Hải, **trùng dương** xanh thẳm,
Núi cheo leo, thầy chấm màu nâu.
Tay đưa mềm mại đến đâu,
Sông xanh uốn khúc, rừng sâu **chập chùng**...
Rồi với **giọng trầm hùng**, thầy giảng:
“ Giống Rồng Tiên chói rạng núi rừng,
Trải bao **thắng, giáng, phết, hưng**,
Đem giòng máu thắm, bón từng gốc cây.
Làn không khí giờ đây ta thở,
Đường ta đi, nhà ở nơi này,
Tổ tiên từng chịu đắng cay,
Mới lưu truyền lại, đêm ngày cho ta.
Là con cháu muốn nhà gìn giữ,
Đùm bọc nhau, sinh tử cùng nhau.
Tóc thầy hai thứ từ lâu,
Mà tài chưa đủ làm giàu núi sông !
Nay chỉ biết ra công dạy dỗ,
Đàn trẻ thơ mong ở ngày mai.
Bao nhiêu **hi vọng** lâu dài,
Dồn vào tất cả trí, tài các con ...”

Bảo Vân
(Tập đọc II)



Giải nghĩa.

- **Kẻ ô:** Vẽ ô vuông. - **Thuộc lâu lâu:** Nhớ hết từ đầu đến cuối. - **Cầu Hiền Lương:** Cầu bắc qua sông Bến Hải, con sông ngăn đôi hai miền Bắc Nam trong thời gian 1954 - 1975. - **Trùng dương:** Biển cả. - **Núi cheo leo:** Núi thẳng đứng và nguy hiểm. - **Chập chùng:** Từng lớp liên tiếp nhau. - **Giọng trầm hùng:** Giọng nói thấp mà hùng hồn. - **Thăng, giáng, phé, hưng:** Tiến lên, xuống thấp, trụt bỏ, nổi lên. Ý nói trải qua bao thay đổi của đời sống. - **Đùm bọc:** Giúp đỡ, che chở lẫn nhau. - **Hi vọng:** Mong chờ, trông mong.

• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Bà em thuộc _____ những truyện cổ như: Kim Vân Kiều, Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai. . .
- 2- Ba em luôn căn dặn: “Anh em trong một nhà phải thương yêu _____ với nhau mới được.”
- 3- Dù cho xa cách _____,
Lòng người dân Việt vẫn vương quê nhà.
- 4- Thầy em với giọng _____,
Mong em khôn lớn nổi dòng liệt oanh.
- 5- Ở miền Trung nước Việt có rừng sâu _____ biển rộng bao la.
- 6- Trước khi vẽ bản đồ, thầy em _____ trên bảng rõ ràng.
- 7- Em _____ sau khi tốt nghiệp đại học sẽ được về thăm quê hương.
- 8- Cầu _____ bắc qua sông Bến Hải ở miền Trung nước Việt Nam.
- 9- Những dãy núi _____ ở miền Trung chạy sát bờ biển tạo nên nhiều cảnh thiên nhiên hùng vĩ.

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Thầy giáo vẽ gì trước, và vẽ gì tiếp theo ?
- 2- Kể những địa danh thầy thuộc lâu lâu. Dùng bản đồ chỉ một số núi và sông chính.
- 3- Sau khi vẽ xong bản đồ, thầy giảng về điều gì ?
- 4- Tổ tiên ta đã khó nhọc thế nào để gây dựng giang sơn và lưu truyền cho con cháu đến ngày nay ?
- 5- Nhiệm vụ của chúng ta ngày nay là gì ?
- 6- Kể tâm sự của thầy giáo em.
- 7- Những người trẻ Việt Nam ở hải ngoại có thể làm gì để giúp ích quê hương ?

• Phân biệt: BẢN và BẢNG, UỐN và UỐNG

Bản: Bản (cái gốc, cái vốn của mình), bản chất, bản năng (năng tính sẵn có), bản thân (thân thể, đời mình).

Bản (một tờ, một tập, một bài), bản đồ, bản thảo, bản nhạc, bản điều trần (tập liệt kê từng điều để trình hoặc đề nghị).

Bảng: Bảng (tám ván, gỗ, tôn, giấy có thể viết chữ hay vẽ hình), bảng chỉ đường, bảng danh dự, bảng vàng (bảng ghi tên học sinh thi đỗ).

Uốn: Uốn (bẻ cong, bẻ từ từ theo một chiều), uốn cần câu, uốn lưỡi.

Uốn (sửa dạy, bắt vào khuôn khổ), uốn nắn.

Uốn khúc (bò lộn qua lại), rắn bò uốn khúc, rồng uốn khúc.

Uống: Ăn uống, uống nước, ăn cay uống đắng, uống cho thấm giọng (uống chút ít để cho bớt khô cổ).

- **Điền vào chỗ trống.**

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Học hành con phải chuyên cần,
Mai sau thi đỗ _____ đề tên.
- 2- _____ sông, nhớ ngọn nguồn,
Quê cha đất tổ con đừng lãng quên.
- 3- Đố ai lặn xuống vực sâu,
Mà đo miệng cá, _____ câu cho vừa.
- 4- Một _____ hay có thể làm rung động hàng triệu con tim người nghe.
- 5- Tháng này, Mai được lãnh _____ danh dự ở trường Việt Ngữ Văn Lang.
- 6- Trước khi trình diễn, người nghệ sĩ thường _____ chút nước để thấm giọng.
- 7- Quê em có dãy núi xanh,
Con sông _____ chảy quanh xóm làng.
- 8- Sau khi du học ở Âu Châu về, ông Nguyễn Trường Tộ đã dâng lên vua Tự Đức một _____ điều trần đề nghị canh tân xứ sở, nhưng triều đình không nghe theo.

- **Học thuộc lòng.**

Mùa Thu Ngồi Câu Cá

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tùng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Nguyễn Khuyến

- **Tập làm văn.**

Em hãy bình giảng câu “Quốc gia hưng vong, tất cả mọi người đều phải có trách nhiệm.”

Bài làm ở nhà 8

- **Chép lại và thêm đủ dấu .** (dấu mũ ... dấu giọng)

Người Mù Rờ Voi

Xưa kia có một ông vua ngồi buồn, ra lệnh cho bắt tất cả người mù trong kinh thành đem về họp lại một chỗ.

Vua cho đem ra một con voi, bảo các người mù sờ vào và tả lại cho nhà vua nghe họ đã hình dung con voi ra sao ?

Sau khi mọi người đã sờ xong, vua hỏi từng người. Họ thưa:

- Voi giống như cái nồi lớn! (Đo la nhưng người mù sờ trúng cái đầu.)
- Voi giống như cây cột tròn! (Đo la nhưng người sờ trúng cái chân.)
- Voi giống cái chổi! (Đo la nhưng người sờ trúng cái đuôi.)

.....

Mọi người đều tưởng rằng mình đã hình dung rõ con voi voi nhưng bỏ phần mà họ đã sờ trúng. Rồi thì không một ai chịu nhận mình sai và ai cũng cho mình là đúng. Bàn đầu con cái nhau om sòm, sau cùng đánh đá nhau tơi bời ...

Nhà vua thấy vậy đành ra phán xử để nhưng người mù biết đâu là sự thật.

Theo Udana

Giải nghĩa.

- **Hình dung:** Tưởng tượng hình dáng ra trước mắt. - **Phân xử:** Làm cho rõ phải trái để giải quyết một vụ tranh cãi.

- **Đại ý.**

Tìm đại ý của bài trên.

- **Câu hỏi.**

Viết trả lời tất cả " Câu hỏi để đối thoại " đã ra tại lớp học theo bài " **Vẽ Bản Đồ Việt Nam** ".

- **Đặt hai câu với mỗi tiếng:** bản và bảng ; uốn và uống.



- **Tập đọc.**

Hỏa Diệm Sơn

Từ hàng bao nhiêu triệu năm nay, hỏa diệm sơn đã từng biến đổi cục diện của mặt trái đất. Hoạt động của hỏa diệm sơn đã tạo thành nhiều ngọn núi hùng vĩ và phun những tro tàn giải trên những khu vực bao la, sau trở thành những đất màu phì nhiêu trồng trọt rất tốt.

Ngày nay hầu hết những ngọn núi lửa còn hoạt động đều tập trung trong một vòng đai vĩ đại bao quanh Thái Bình Dương và trong một vòng đai khác nhỏ hẹp hơn chạy dài từ quần đảo Solomon qua quần đảo New Guinea và Indonesia. Thật ra những ngọn hỏa diệm sơn còn phun lửa hiện nay trên thế giới đều tụ tập nhiều nhất ở Indonesia.

Những phún thạch, những luồng lửa và những dòng bùn nóng do các núi lửa này phun ra đã giết hại hàng ngàn sinh mạng. Tính chung lại người ta ước lượng rằng có tới một triệu người hay hơn nữa đã bị tàn hại trong vòng hai nghìn năm qua vì sự hoạt động của hỏa diệm sơn.

Theo Thế Giới Tự Do

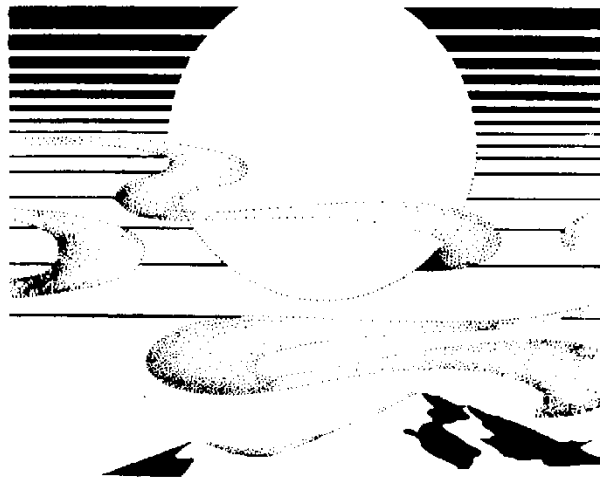
Giải nghĩa - Đặt câu.

hỏa diệm sơn - hùng vĩ - Thái Bình Dương - phún thạch

- **Tìm đại ý bài trên.**

Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: “**Vẽ Bản Đồ Việt Nam**” và “**Hỏa Diệm Sơn**”.



BÀI CHÍN

• Chính tả - Tập đọc.

Ý Nghĩa Cuộc Đời

Ngày mở mắt chào đời, chúng ta đã được những khuôn mặt thân thương đón nhận, trong sự nhộn nhịp vui tươi đầy nụ cười và niềm hi vọng. Rồi chúng ta lớn lên trong mái ấm gia đình. Thầy cô giáo dịu dàng hướng dẫn chúng ta học tập. Mỗi người đều có những mối **tương giao**, nâng đỡ của bạn bè, bà con thân thuộc. Chúng ta có một khung cảnh thiên nhiên quen thuộc. Một nếp văn hóa trong một xã hội nhỏ bé. Chúng ta có tình thương và những niềm vui trong cuộc sống. Lẽ dĩ nhiên mỗi người đều không tránh khỏi những giây phút bức mình, đau khổ, **bì quan**. Mỗi một đời người là một quyển **tiểu thuyết** dài nếu được viết ra chắc không thiếu phần lí thú.

Với tình cảm tự nhiên này, con người còn mang một **bản năng sinh tồn**. Nhờ đó, mỗi người đã đóng góp ít nhiều vào việc xây dựng xã hội, quê hương. Những đóng góp, phát triển đã được **tích lũy** từ thế hệ này đến thế hệ khác. Nó làm cho đời sống ngày càng tiến bộ và tốt đẹp hơn.

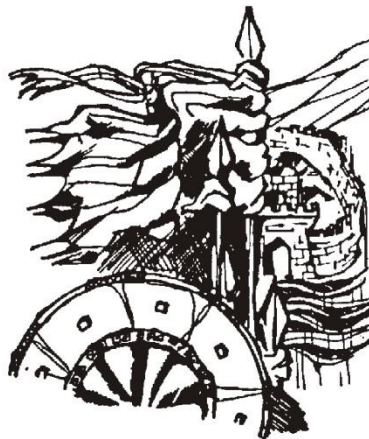
Loài vật tuy vẫn sinh tồn, nhưng không hề có một tiến bộ nào trong cuộc sống. Loài chim, loài kiến, loài ong đều có làm tổ, nhưng chúng chỉ làm theo bản năng, đời đời không hề thay đổi. Loài người, nhờ có trí thông minh, óc sáng tạo nên con người đã thay đổi bộ mặt của trái đất đi rất nhiều. Bên cạnh có những thay đổi nhanh chóng về các phương tiện kĩ thuật phục vụ cho đời sống.

Biết rằng ai ai cũng phải chết thì lúc sống mỗi người phải cố gắng đóng góp việc làm bé nhỏ của mình vào sự trường tồn cho quốc gia, xã hội. Hãy hãnh diện rằng mình đã được may mắn sinh ra trong một thời gian và không gian tốt đẹp. Hãy biết ơn gia đình và tổ quốc. Đừng quá ích kỷ, hãy hết lòng đóng góp vào lợi ích chung cho nhân loại. Được như thế cuộc đời của chúng ta sẽ có một **ý nghĩa** vô cùng cao đẹp.

*Theo Nguyễn Thanh Liêm
(Giải phẩm Ý Dân, Xuân Tân Tỵ 2001)*

Giải nghĩa.

- **Tương giao:** Giao thiệp, kết thân với nhau. - **Bì quan:** Buồn chán. - **Tiểu thuyết:** Chuyện viết ra do trí tưởng tượng thường nhắm vào một đề tài xã hội. - **Bản năng sinh tồn:** Phản ứng tự nhiên bắt buộc mọi sinh vật phải tranh đấu để sống còn. - **Tích lũy:** Chứa chứa, để dành. - **Ý nghĩa:** Sự thích đáng, lẽ phải, nghĩa lí.



- **Bài tập.**

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Miếng trầu là nghĩa _____ ,
Muốn cho đây đây duyên vào hợp duyên.
- 2- Do bản năng _____ vừa thấy con cọp, con nai chạy rất nhanh để khỏi bị chết.
- 3- Một bác sĩ hết lòng chăm sóc cho bệnh nhân, dù vất vả nhưng cuộc sống của ông ta rất có _____.
- 4- Nhiều tiền _____ mà chi,
Sao bằng làm phúc cứu nguy kẻ nghèo.
- 5- Một quyển _____ hay, được nhiều người thích đọc khi nó phản ánh đúng tình trạng xã hội của một thời đại.

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Một em bé được sinh ra trong một gia đình có cha mẹ, ông bà và anh chị được những điều gì tốt đẹp?
- 2- Hãy ôn lại quyền tiểu thuyết về cuộc đời của em, nó có lí thú không ?
Khi xem lại các hình ảnh của em từ nhỏ đến nay, em có ý nghĩ gì ?
- 3- Mỗi người đều có đóng góp phần nhỏ bé vào xã hội. Em dự định sẽ đóng góp gì trong tương lai ?
- 4- Loài vật khác với loài người ở chỗ nào ?
- 5- Người có ý chí phục vụ xã hội sẽ sắp đặt cuộc sống hàng ngày như thế nào ?

- **Phân biệt: TRÌU và TRIỀU, THIÊN và THIÊNG.**

Trìu: Trìu mến (thương yêu quán quít), trìu trữu (trìu trịu: nặng trĩu xuống).

Triều: Triều bái (chầu vua), triều cống (vào chầu vua và dâng lễ vật cống hiến), triều thần (các quan trong triều vua), nước thủy triều (nước lên xuống do sức hút mặt trăng và mặt trời).

Thiên: Thiên đường (thiên đường, thế giới sung sướng nhất mà hồn người chết được về ở sau khi rửa sạch tội lỗi), thiên giới (cõi trời), thiên hạ (tất cả người sống trong xã hội), thiên đô (đời kinh đô), hoa thiên lí.

Thiêng: Thiêng liêng (đáng tôn kính), linh thiêng, hùm thiêng.

• **Điền vào chỗ trống.**

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Ngày xưa, các vua nước lớn thường bắt các nước nhỏ lân bang phải _____ hàng năm.
- 2- Hôm nay có nhiều người đến nhà thờ để cầu nguyện cho linh hồn người chết sớm được về _____.
- 3- Bây giờ Oanh đã lớn lên và đi học, em ít được ở trong vòng tay _____ của mẹ như xưa.
- 4- Sau khi thống nhất đất nước, vua Gia Long _____ về Phú Xuân tức là Huế ngày nay.
- 5- Vào ngày mùa, người nông dân Việt Nam gánh lúa _____ trên vai từ ruộng về nhà.
- 6- Bảo Đại là vị vua cuối cùng của _____ Nguyễn ở nước ta.
- 7- Nhà thờ, nhà chùa là những nơi thờ phượng _____ chúng ta phải giữ im lặng.
- 8- Hoàng Hoa Thám là vị anh hùng chống Pháp rất oanh liệt. Ông có biệt danh là _____ Yên Thế.

• **Danh ngôn.**

Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông

Nguyễn Bá Học

Khó giúp nhau mới thảo,
Giàu tương trợ ai mang.

Tục ngữ Việt Nam

Chim có đàn cùng hát, tiếng hát mới hay,
Ngựa có đàn cùng đua, nước đua mới mạnh.

Tục ngữ Việt Nam



- **Việt sử.**

Vận Mệnh Đất Nước Buổi Giao Thời (1945 - 1954)

Đầu tháng 8 năm 1945, quân đội Mỹ ném hai bom nguyên tử xuống hai quần đảo Hiroshima và Nagasaki nên nước Nhật đầu hàng quân đội Đồng Minh vào ngày 15-8-1945.

Sau Thế Chiến thứ II, các nước thuộc địa được trả lại chủ quyền. Nhân cơ hội này, người dân Việt ở Hà Nội tự động bảo nhau đi **biểu tình** chống quân đội Nhật đang chiếm đóng trong thành phố để đòi Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ đã bị mất vào tay Pháp rồi Nhật trong 71 năm (1874-1945). Đồng thời vua Bảo Đại cũng phải **thoái vị** vào ngày 25 tháng 8 năm 1945 để nhường quyền định đoạt vận mệnh quốc gia cho dân tộc Việt Nam.

Lợi dụng lòng khao khát yêu nước của toàn dân, đảng cộng sản Việt Nam đã thắng tay đàn áp và giết hại người dân hay đảng phái khác không theo đường lối của đảng cộng sản quốc tế do Nga Sô lãnh đạo để chiếm đoạt quyền điều khiển đất nước. Trong khi các chiến sĩ quốc gia hô hào chống thực dân Pháp thì người cầm đầu đảng cộng sản Việt Nam lại bắt tay với thù địch. Họ kí kết hiệp định tại Paris cho phép quân đội Pháp tiến ra Bắc thay thế quân đội Trung Hoa có nhiệm vụ **giải giới** quân đội Nhật.

Từ đó chiến tranh Việt Pháp bùng nổ trên toàn quốc cho mãi đến năm 1954 mới kết thúc với núi xương sông máu. Pháp thua trận chiến trận Điện Biên Phủ và phải chấm dứt đô hộ Việt Nam suốt 80 năm qua (1874 - 1954). Đó là do công lao và hi sinh của cả nước vì nền độc lập, tự do, vẹn toàn lãnh thổ.

Nhưng một lần nữa đảng cộng sản Việt Nam lại dành quyền đại diện dân Việt kí kết với Pháp chia đôi tổ quốc vào ngày 20 tháng 7 năm 1954 tại Genève (Thụy Sĩ) thành một nước có hai chế độ: Tự Do và Độc Tài.

- 1- Từ vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) trở ra Bắc do đảng cộng sản cai trị.
- 2- Từ vĩ tuyến 17 về phía Nam thuộc chính thể tự do.

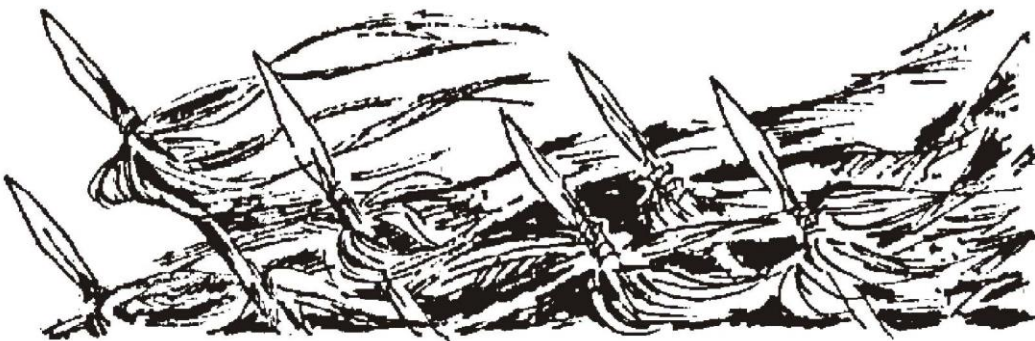
Giải nghĩa.

- **Biểu tình:** Tụ họp hoặc diễu hành trên đường phố để đòi hỏi một nguyện vọng gì.
- **Thoái vị:** Từ bỏ ngôi vua. - **Giải giới:** Tước khí giới.

- **Câu hỏi để đối thoại.**

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Hãy nói về tình hình Việt Nam sau năm 1945 ?
- 2- Nguyên nhân nào người Pháp trở lại Việt Nam ?
- 3- Vì sao người Pháp phải rời khỏi Việt Nam ?
- 4- Ai đã thỏa thuận với Pháp để chia đôi nước Việt Nam?
- 4- Hãy nêu bằng chứng đảng cộng sản Việt Nam cai trị theo chế độ độc tài?



Bài làm ở nhà 9

- **Chép lại và thêm dấu câu.** (dấu phẩy, dấu chấm câu, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép)

Chết Vinh Hơn Sống Nhục

Trần Bình Trọng là **dòng dõi** vua Lê Đại Hành ông là người tài giỏi và **trung nghĩa** nên được nhà vua phong là Bảo Nghĩa Vương....

khi quân Nguyên **xâm chiếm** nước ta lần thứ hai ông lãnh ấn tiên phong ngăn giặc tại vùng biên thùy.....quân Nguyên đem đại binh đến vây đánh ông chống cự rất hăng nhưng vì quân ít thế cô nên ông bị thua và bị giặc bắt sống giải đến tướng Nguyên là Thoát Hoan

Thoát Hoan biết ông là một **dũng tướng** muôn khuyên dụ về hàng nên đối đãi rất tử tế giặc sai người dọn cỗ thết đãi ông nhất quyết không ăn giặc hỏi han ông ngồi im không thèm đáp giặc dọa nạt ông vẫn thản nhiên

sau cùng Thoát Hoan đem mọi phú quý dụ ông tướng quân về hàng ta đi rồi sẽ được phong làm vương đất Bắc, Trần Bình Trọng nổi giận quát lên rằng

ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc ta đã bị bắt thì chỉ còn lấy cái chết để đền nợ nước mà thôi

....khi **bình xong giặc Nguyên** nhà vua **truy tặng** ông rất hậu và sai người dựng đền thờ

Khuyết danh

Giải nghĩa.

- **Dòng dõi** (dòng giống): Con cháu cùng tổ tiên. - **Trung nghĩa**: Một lòng trung thành vì việc nghĩa. - **Xâm chiếm**: Chiếm đoạt đất đai bằng vũ lực. - **Dũng tướng**: Viên tướng can đảm đương đầu với nguy hiểm. - **Bình xong giặc Nguyên**: Đánh thắng giặc Nguyên. - **Truy tặng**: Tưởng thưởng cho người đã chết có công với xã hội, đất nước.

- **Tìm đại ý bài trên.**
- **Viết trả lời tất cả "Câu hỏi để đối thoại" đã ra tại lớp theo bài "Ý Nghĩa Cuộc Đời".**
- **Đặt hai câu với mỗi tiếng:** triu và triều, thiên và thiêng.
- **Tập làm văn.**

Hãy làm bài luận văn theo tài liệu trong báo tiếng Việt xuất bản tại địa phương của em. Chọn đề tài nói về sinh hoạt của cộng đồng người Việt hoặc về văn hóa, khoa học kỹ thuật trên thế giới. Nhớ kèm theo bài báo khi nộp bài viết cho thầy cô.



Tập đọc.

Tình Tương Trợ

Ngoài việc dùng thời giờ để theo đuổi mục đích cá nhân, người Mỹ còn tình nguyện **cống hiến** rất nhiều thời gian và công sức cho các **nhu cầu** khác nhau của cộng đồng. Người ta nhận xét rằng: "Nếu những người làm việc thiện nguyện ở nước Mỹ ngưng hoạt động thì cả quốc gia vĩ đại này sẽ gặp nhiều khó khăn đáng kể."

Dù chưa là một công dân Mỹ, bạn vẫn được mời tham gia vào các sinh hoạt **bất vụ lợi**. Một khi đã ở trong cộng đồng, bạn sẽ nhận ra ngay nhiều loại công việc tình nguyện đang diễn ra chung quanh bạn. Bất kì ai quan tâm hay muốn giúp đỡ lẫn nhau đều hiểu biết sâu sắc hơn về nước Hoa Kỳ. Một nơi để bắt đầu công tác thiện nguyện là bạn hãy gọi đến các trung tâm cộng đồng thuộc sắc dân của bạn. Bạn cũng có thể liên lạc các thư viện, trường học, bệnh viện, nhà chùa hay nhà thờ v.v.... hoặc đọc thấy trên các tờ báo địa phương kêu gọi sự giúp đỡ nào đó. Hãy liên lạc ngay với tổ chức ấy và tỏ ý dành thời gian cùng sự làm việc của bạn.

Hầu hết mọi người sẽ hoan nghênh sự giúp đỡ mà họ không phải trả tiền cho việc làm của bạn. Tình tương trợ quý báu này thường đem lại những niềm vui **thơ thoải** mà trước kia chúng ta không làm sao có được.

Giải nghĩa.

- **Cống hiến**: Đóng góp vào việc công ích (của cải, thời gian, việc làm v.v...). - **Nhu cầu**: Những đòi hỏi về đời sống tự nhiên và xã hội. - **Bất vụ lợi**: Không phải vì lợi mà làm, không có ý định lợi ích riêng cho mình. - **Thơ thoải** (thư thái): Cảm thấy nhẹ nhàng dễ chịu, không có điều gì phải suy nghĩ căng thẳng.

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

tương trợ - cá nhân - tình nguyện - cộng đồng.

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: "**Ý Nghĩa Cuộc Đời**" và "**Tình Tương Trợ**".



BÀI MƯỜI

• Chính tả - Học thuộc lòng.

Trăng Sáng Vườn Chè

- 1 Sáng trắng, sáng cả *vườn chè*,
Một gian nhà nhỏ, đi về có nhau.
Vì *tầm* tôi phải *chạy* dâu,
Vì chồng tôi phải *qua cầu đặng cay*.
- 5 Chồng tôi thi đỗ khoa này,
Bổ công kinh sử từ ngày lấy tôi.
Kẻo không rồi chúng bạn cười,
Rằng tôi *nhân sắc* cho người say mê.
Tôi thường *khuyên sớm khuyên trưa*,
- 10 Anh chưa thi đỗ, thi chưa động phòng.
Một quan là sáu trăm đồng,
Chắt chiu thàng thàng cho chồng đi thi,
Chồng tôi cười ngửa *vinh quy*,
Hai bên có lính hầu đi dẹp đường.
- 15 Tôi ra đón tận cổng làng,
Chồng tôi xuống ngựa, cả làng ra xem.
Đêm nay mới thật là đêm,
Ai đem trăng chiếu lên trên vườn chè.

Ca Dao

Giải nghĩa.

- *Vườn chè*: Vườn trồng cây trà. - *Con tầm*: Giống sâu được nuôi cho ăn lá dâu và nhả tơ để dệt lụa. - *Chạy*: Ở đây nghĩa là tìm cho có. - *Qua cầu đặng cay*: Ý nói phải chịu nhiều khó nhọc. - *Bổ công*: Đáng công, xứng công. - *Kinh sử*: Kinh điển và lịch sử. - *Kinh điển*: Sách vở dùng làm khuôn mẫu như kinh Thánh, kinh Phật. - *Kẻo không*: Nếu không thì. - *Nhan sắc*: Có sắc đẹp. - *Khuyên sớm khuyên trưa*: Khuyên nhủ luôn luôn. - *Chắt chiu*: Dành dụm cẩn thận từng ít một, coi là quý; còn có nghĩa chắt chiu, dặt dứu, dùm bọc. - *Vinh quy*: Vinh hiển rồi trở về -- chỉ người thi đỗ hay có công đẹp giặc được vua phong quan và cho về thăm nhà.



• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

- 1- Ba má khuyên bảo chúng em phải lo học tập _____ khi lớn lên sẽ là người vô dụng, rất khổ sở.
- 2- Ít _____ hơn nhiều vùng phí. (tục ngữ)
- 3- Thời xưa những người thi đậu ra làm quan đều lâu thông _____ của thánh hiền.
- 4- Vì tấm em phải chạy dâu,
Vì chồng em phải _____ đắng cay.
- 5- Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
_____ trang điểm má hồng răng đen.
- 6- Mẹ thường khuyên sớm _____ ,
Gắng công học tập, ganh đua với đời.
- 7- Rước _____ về nhà bái tổ,
Ngã trâu bò làm lễ tế thần.

II- Phân đoạn - Đại ý.

- 1- Phân đoạn:
 Bài này chia ra làm mấy đoạn ?
 Đoạn 1: Từ "... đến ...". Đại ý
 Đoạn 2: Từ "... đến ...". Đại ý
 Đoạn 3: Từ "... đến ...". Đại ý
- 2- Tìm đại ý bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Hai câu thơ đầu tả cảnh gì ? Gia đình này ở quê hay ở tỉnh và từ nào tả cảnh ấy ? Có mấy người, giàu hay nghèo ?
- 2- Câu 3 và 4 : Người vợ phải làm việc gì ? Có cực khổ không ? Vợ có vui vẻ làm không ?
- 3- Câu 5, 6, 7 và 8 : Người vợ mơ ước điều gì ? Sợ điều gì xảy ra ?
- 4- Câu 9 - 18 : Người chồng phải lo gì ? Người vợ lo gì cho chồng ? Người vợ ước mơ điều gì nữa.
- 5- Chúng ta học được tinh thần gì trong bài này ? (Đảm đang, chung thủy, chăm lo đèn sách, làm quan để giúp nước....)
- 6- Theo ý em, chúng ta có thể áp dụng được các tinh thần đó trong cuộc sống hôm nay không ?

Phân biệt: ĐAN và ĐANG, THẦN và THÀNH

- Đan: Đan áo, đan vớ, đan lưới, đan (màu đỏ, cũng có nghĩa là đơn), đan quế (cây quế trên mặt trăng; mặt trăng), đan tâm (lòng son, lòng trung tiết).
- Đang: Đang ăn, đang còn, đang đứng, đám đang (gánh vác công việc giỏi), đang tâm (dành lòng làm một việc trái với lòng mình).
- Thần: Thần tiên, thần đồng (đứa trẻ thông minh lạ thường), thần thánh (chỉ chung các thần và thánh), thần thông (mầu nhiệm như có phép tiên).
- Thành: Thành bại (nên hay hư), thành công (nên việc, có kết quả tốt), thành tài (hành nghề, đỗ đạt cấp bằng vững vàng), thành tâm (lòng thành thật ngay thẳng), thành phố, thành lũy.

• Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Má em là người rất _____, mọi việc trong gia đình bà đều lo lắng chu đáo.
- 2- Khuyên con gắng học hôm nay,
Mai sau _____, rạng rỡ quê hương.
- 3- Mùa đông gió rét lạnh lùng,
Mẹ ngồi _____ áo, chút lòng gửi con.
- 4- Nghe bà kể chuyện _____,
Kẻ ác gặp dữ, người hiền trời thương.
- 5- Lòng tốt, thành thật, ngay thẳng gọi là _____ tâm.
- 6- Mẹ già _____ đứng chờ con,
Vui mừng trông thấy các con trở về.
- 7- _____ là tấm lòng son, nghĩa là lòng trung tiết.
- 8- Ông Lê Quý Đôn thông minh xuất chúng ngay từ thuở nhỏ nên được gọi là _____ Lê Quý Đôn.

• Danh ngôn.

Gã Đất Lành (Gable Godearth), nhà tâm lý giáo dục Ireland, đã làm một cuộc thăm dò suốt 12 năm với gần 1026 tử tù trên khắp thế giới đã nhận thấy rằng, có hơn 810 người tù kêu tiếng cuối cùng là “Me”, “Mẹ ơi!”, “Con thương Mẹ”, “Mẹ tha thứ cho con”! trước giây phút bị hành quyết.

Tử tù! Những tâm hồn bạo tàn, oan khiên, chai đá nhất cũng chỉ còn Mẹ là dòng tình huyết cuối đời trước khi nhắm mắt buông tay.

- **Đoạn văn mẫu.**

Mother's Day

Sắp tới ngày “Mother's Day”, Ngày Của Mẹ. Bố nhớ những năm về trước, vào ngày này con đều viết thư cho Mẹ, bày tỏ lòng biết ơn và tình yêu với Mẹ. Có lần thư chỉ là tấm thiệp với vài chữ con viết ngắn gọn, nhưng lần nào con cũng làm Bố Mẹ chảy nước mắt vì cảm động. Có một năm, ngày “Mother's Day”, Bố Mẹ đi làm về, thấy nhà cửa sạch sẽ, cơm nước đã dọn sẵn trên bàn thật thơm tất. Thì ra con đã huy động các em dọn nhà, con còn cố nấu các món ăn Bố Mẹ thích nhất; trên bàn có lọ hoa cắt ngoài vườn và tấm thiệp với nét chữ của tất cả các con chúc Mẹ “Happy Mother's Day”. Con nói là Mẹ đã phải dọn dẹp, nấu nướng quanh năm, hôm nay các con nhất định không để Mẹ phải làm việc gì. Bố thấy Mẹ cười thật tươi, nhưng rõ ràng cổ cầm dòng nước mắt cảm động và sung sướng. Bố cũng vậy, Bố cảm động và sung sướng, cảm tạ Chúa đã cho gia đình ta biết nương tựa và yêu thương nhau, thông cảm và chấp nhận, tha thứ và kiên nhẫn với nhau.

***Dương Phục**
(Báo Tuổi Hoa số 1)*

- **Tập làm văn.**

Bình giải câu: “Cá không ăn muối cá ươn,
Con cãi cha mẹ, trăm đường con hư.”

- **Danh ngôn.**

Hãy là người tử tế.
Hãy là người tốt lành.

Đức Đạt Lai Lạt Ma

Muốn làm việc lớn hãy lo tròn việc nhỏ.
Shakespeare

Đời sống chỉ là một khoảnh khắc, nhưng với khoảnh khắc ấy người ta có thể làm nên những việc trường cửu.

Bersok



Bài làm ở nhà 10

- **Chép lại và thêm dấu câu.** (dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm câu, . . .)

Một Buổi Chiều Trong Cô Nhi Viện

Ngồi tựa hàng hiên trong *cô nhi viện* tôi đón nghe từng tiếng ô tô ngoài kia vụt qua lòng tôi trống trải lạ lùng ...

tôi cảm thấy đời chúng tôi thiếu thốn nhiều quá trong những đêm như đêm nay khi mọi người vui trong cảnh đầm ấm thì chúng tôi sao vẫn lạnh lùng tôi nghĩ đến một căn phòng *ấm cúng* có đầy đủ gia đình *đoàn tụ* dưới ánh đèn xanh dịu tôi nghĩ rằng tôi sẽ là cô con gái *cưng* đầu lòng được nâng niu chiều chuộng trong gia đình ấy cứ mỗi lần tưởng tượng như vậy tôi lại cảm thấy những *cảm giác* êm đềm đi qua

rồi những lúc nhìn những ánh đèn pha đỏ của một chiếc xe đạp thấp thoáng ngoài cổng sắt tự nhiên tôi muốn theo dõi ánh đèn đỏ tôi tưởng tượng đó là hình ảnh của tôi đạp xe trở về trong một đêm mưa tối tôi nghĩ mình sẽ dừng lại ở một cử chỉ âu yếm nồng nàn của một người mà tôi chỉ thấy mơ hồ phảng phất

những ý nghĩ dịu dàng ấy chỉ kéo dài trong óc tôi không đầy nửa phút khi ánh đèn đã khuất hẳn trong *lùm cây* hay tắt ngấm sau một chỗ quẹo tôi lại bừng tỉnh dậy để chống lại một cảm giác xót xa nhói lên ở ngực tôi băng khuâng một tiếng thở dài...

Theo Nhật Tiến

Giải nghĩa.

- *Cô nhi viện*: (*cô*: mồ côi; *nhi*: trẻ con) nhà nuôi những trẻ mồ côi. - *Ấm cúng*: Đông đúc, vui vẻ. - *Đoàn tụ*: Quây quần, sum họp với nhau. - *Cưng*: Được nuông chiều. - *Cảm giác*: Cảm thấy, cảm biết. - *Lùm cây*: Bụi cây.

- **Tìm đại ý bài trên.**
 - **Viết trả lời tất cả "Câu hỏi để đối thoại" đã ra tại lớp học theo bài "Trăng Sáng Vườn Chè".**
- **Đặt hai câu với mỗi tiếng:** đan và đang ; thần và thành.



- **Tập đọc.**

Niềm Mơ Ước Của Tuổi Trẻ

Thời đại nào cũng vậy, óc sáng tạo và hoài bão lớn luôn luôn kích thích con người hăng say học hỏi và làm việc. Nhất là tuổi thanh xuân thường ấp ủ những ước mơ cao xa. Tuổi trẻ ngày nay có nhiều cơ hội hơn xưa để theo đuổi niềm mơ ước của mình về khoa học, kinh tế, xã hội, chính trị . . .

Các bạn thừa hưởng kinh nghiệm của người đi trước. Biết bao nhiêu tài liệu phong phú và thông tin nhanh chóng là những phương tiện quý giá trợ lực cho việc học vấn. Đó chỉ là mặt thuận lợi bên ngoài. Giới trẻ còn có ý chí để mở mang tâm và trí. Khát vọng học hỏi phải đi đôi với thực hành những điều giảng dạy ngay khi còn ngồi ghế nhà trường. Sống không buông thả tùy tiện. Sinh hoạt thường ngày noi theo kế hoạch như điều độ về ăn uống, nỗ lực làm việc, vui chơi trong chừng mực. Chúng ta hãy nhìn vào những tấm gương kiên nhẫn của bậc tài danh. Họ được thế giới ngưỡng mộ không những vì tài ba mà còn vì sức làm việc bền bỉ, kỉ luật khắt khe do chính họ đặt ra. Với lòng hăng say, từng bước, họ tiến tới dự định trong tương lai. Sau cùng, hoài bão việc lớn lao tưởng chừng không thực hiện nổi đã trở thành hiện thực.

Ngày nay, đời sống chúng ta được cải thiện mỗi ngày một tốt đẹp hơn là nhờ công trình của các nhà sáng tạo ấy từ cái kẹp giấy hay kim khâu nhỏ bé đến máy móc tinh vi to lớn như điện thoại bỏ túi, máy điện toán hoặc máy bay siêu âm. Nhờ vậy mà cả thế giới như chung sống trong một quốc gia vĩ đại gồm nhiều dân tộc. Hi vọng thế hệ của các bạn trẻ hôm nay sẽ ganh đua học tập, tiếp tục cống hiến cho nhân loại nhiều thành quả tốt đẹp hơn trong thế kỉ 20.

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

sáng tạo - hoài bão - mở mang - công trình

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: "**Trăng Sáng Vườn Chè**" và "**Niềm Mơ Ước Của Tuổi Trẻ**".



BÀI MƯỜI MỘT

• Chính tả - Tập đọc.

Những Hội Thiện nguyện Giúp Việt Nam

Từ nhiều năm qua đã có những *tấm lòng vàng* của người Mỹ lẫn người Việt đến với người dân nghèo khó ở Việt Nam.

Đó là các *hội ái hữu đồng hương*, các tổ chức thiện nguyện như: Hội Việt Nam Health, Education and Literature Project viết tắt là VNHelp, Hội Cứu Trợ Trẻ Em Không Cha Mẹ (Aid for Children Without Parent), SAP-VN, Project Vietnam hay Vietnam Medical Project, Mission Peace Vietnam của một số bác sĩ Mỹ. Những hội này đã đóng góp công sức lẫn tài chính vào công tác cứu trợ bên cạnh các tổ chức quốc tế lớn như: Hội Bác Sĩ Không Biên Giới, Hội Hồng Thập Tự, UNICEF của Liên Hiệp Quốc.

Hội thiện nguyện của người Việt Nam được thành lập do những cá nhân hoạt động riêng rẽ trong mục tiêu "*Lá Lành Đùm Lá Rách*". Như hội VN Help do bà Đỗ Anh Thư làm chủ tịch đã có từ 10 năm nay. Khởi đầu là những đóng góp của cá nhân và bạn bè hoạt động *âm thầm* trong việc giúp *học bổng*, cung cấp thuốc men, *tài liệu chuyên môn* cho các bệnh viện. Dần dần hội tổ chức những buổi văn nghệ để *gây quỹ*. Số tiền quyên góp được hàng năm đã tăng từ 10.000 đô la trong mấy năm đầu lên đến 130.000 đô la trong năm vừa qua. Nhờ đó hội đã cứu giúp được những nạn nhân bão lụt, xây lại một số ngôi trường cho trẻ em và các trợ giúp khác về y tế . . . Hội Cứu Trợ Trẻ Em Không Cha Mẹ và Friends of Huế Foundation do ông Nguyễn Đình Hữu sáng lập được 13 năm. Hội nhắm vào việc giúp đỡ các trẻ em đơn côi ở các trại tị nạn Đông Nam Á, ở Việt Nam và giúp đỡ các nạn nhân bão lụt tại Huế năm 1999, nhờ đó người dân nghèo Thừa Thiên có thể vay được một ít tiền để có vốn làm ăn, khám bệnh hàng tháng hay *giải phẫu chỉnh hình* miễn phí . . .

Những thành viên của các hội thiện nguyện đều nghĩ rằng: "Chúng ta là những người được may mắn ra nước ngoài vậy phải làm hết sức mình để giúp đỡ đồng bào thiếu thốn ở quê nhà. Tuy cuộc sống rất bận rộn, nhưng nếu cố gắng làm điều phải thì rồi sẽ làm được, dù làm được việc rất nhỏ, vẫn còn hơn là không làm gì cả ."

Theo Đức Hà

(VietNam Help 10 Năm Nhìn Lại - Viet Mercury số 12 ngày 6-6-2001)

Giải nghĩa.

- **Hội Thiện Nguyện:** Một tổ chức giúp người nghèo khó, hoạn nạn do một số người có lòng tốt tự nguyện làm.
- **Tấm lòng vàng:** Lòng tốt lo lắng thương yêu những người sa cơ, hoạn nạn.
- **Hội ái hữu đồng hương:** Hội của những người trước kia ở cùng một tỉnh hay thành phố. - **Lá lành đùm lá rách:** Ý nói người khá giả giúp người nghèo túng. - **Âm thầm:** Hành động một mình không ai hay biết. - **Học bổng:** Tiền giúp cho học sinh nghèo để theo đuổi việc học. - **Tài liệu chuyên môn:** Giấy tờ vật liệu cần thiết dùng trong một ngành chuyên biệt. - **Gây quỹ:** Quyên góp hay tạo ra một số tiền cho hội để chi phí. - **Giải phẫu:** Khoa mổ xẻ cơ thể để trị bệnh.
- **Chỉnh hình:** Sửa lại một bộ phận có tật để cho hợp với tự nhiên.

• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Khởi đầu, các hội thiện nguyện đã hoạt động _____ dựa trên sự đóng góp của bạn bè và thân hữu.
- 2- Môn giải phẫu _____ đã giúp cho những người bị tật có một đời sống tốt đẹp hơn.
- 3- Những kẻ có tâm _____ là những kẻ yêu thương người nghèo đói hoạn nạn và tìm cách giúp đỡ họ.
- 4- Hội _____ do những cá nhân hoạt động riêng rẽ trong mục tiêu giúp người nghèo khó đã hợp lại với nhau mà thành.
- 5- Lúc đầu, hội VN Help đã giúp đỡ các tài liệu _____ về y tế cho Việt Nam.
- 6- Những người Việt ở hải ngoại đã thành lập các hội ái hữu _____ để giúp đỡ đồng bào ở quê nhà.
- 7- Miếng khi đói, gói khi no,
Lá lành _____ giúp cho kẻ nghèo.
- 8- Các hội thiện nguyện đã tổ chức những buổi trình diễn văn nghệ để _____ giúp đỡ đồng bào nghèo ở Việt Nam.
- 9- Những học sinh nghèo mà học giỏi rất cần được giúp _____ để có đủ phương tiện tiếp tục việc học.

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Hãy kể một số hội thiện nguyện mà em biết.
- 2- Em có biết một số hội thiện nguyện ở hải ngoại đã thành lập được bao lâu ? Và hoạt động với mục đích gì ?
- 3- Hội VN Help giúp những gì cho đồng bào ở quê nhà ?
- 4- Hội Cứu Trợ Các Trẻ Em Không Cha Mẹ đã làm được những gì ?
- 5- Các hội thiện nguyện gây quỹ như thế nào ?
- 6- Vì sao nhiều người Việt ở hải ngoại nghĩ rằng họ phải làm hết sức mình để giúp đỡ người Việt Nam nghèo khó ?
- 7- Cuộc sống ở hải ngoại rất bận rộn, làm sao các hội thiện nguyện có thể hoạt động được ?
- 8- Cho biết cảm tưởng của em sau khi đã biết có những hội thiện nguyện giúp Việt Nam?

• **Phân biệt: VĂN và VẰNG; DẢI, DÃI và DẪY**

Văn: Văn hóa, văn chương (bài thơ, bài văn, truyện), nhà văn.

Văng: Văng nước, văng bùn, văng tục (dùng lời thô tục), văng vẳng (từ xa, nghe không rõ lắm).

Dải: Dải (sợi dây bằng vải để buộc), dải cờ, dải nón.

Dãi (vật chạy dài), dãi đất, dãi đồi, dãi sông.

Dãi: Dãi (nước miếng lỏng), chảy nước dãi, thềm rỏ dãi (rất thềm).

Dãi (phơi bày ra), dãi gió dầm sương, dãi dầu (chịu cực nhọc).

Dãy: Dây (hàng, rặng, nhiều cái nối liền nhau).

Dãy nhà, dãy phố, một dãy dài.

• **Điền vào chỗ trống.**

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

1- _____ chương phú lục chẳng hay,

Trở về làng cũ học cây cho xong .

2- Các nhà khoa học tin rằng mặt trăng do một phần của quả đất _____ ra mà thành.

3- Sau biến cố 75, nhiều nhà _____, nhà báo miền Nam bị bắt đi tù cải tạo.

4- Chiều buông, _____ văng chuông chùa,

Mặt trời rực đỏ, gió đùa ngàn cây.

5. Thân em như lá dãi bị,

Ngày thì _____ nắng, đêm thì dầm sương.

6. Anh đi mưa nắng _____ dầu,

Ở nhà em giữ vẹn câu thề nguyên.

7. Hai bên đường là những _____ nhà ngói đỏ rất khang trang.

8. Miền Trung Việt Nam là một _____ đất dài và hẹp ở giữa biển Đông và _____ Trường Sơn.

9. Bên trong hội trường, những _____ ghế được sắp thẳng hàng, trông rất đẹp mắt.

• **Danh ngôn.**

Mọi người phàn nàn về trí nhớ của mình nhưng không hề có ai phàn nàn về sự xét đoán của mình.

La Rosefuco

Mọi người đều hấp thụ hai loại giáo dục: giáo dục do người khác cung cấp và giáo dục bởi chính mình.

Bacon

- **Địa lí.**

Sông Ngòi Việt Nam

Nước Việt Nam nằm trong vùng **nhật đới**, mưa nhiều, nên có rất nhiều sông rạch. Vào mùa mưa, **lưu lượng** các sông lớn bồi đắp nhiều **phù sa** cho các vùng bình nguyên. Hai sông lớn là Hồng Hà và Cửu Long có **thượng nguồn** phát nguyên từ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, các sông còn lại thường hẹp và ngắn, phát nguyên từ nội địa.

Miền Bắc có các sông chính:

- * Sông Hồng phát nguyên từ Vân Nam, Trung Hoa, dài 1.200 km nhưng chỉ có 510 km chảy qua Việt Nam. **Phụ lưu** của Hồng **Hà** là sông Đà (còn gọi là Hắc **Giang**), và sông Lô.

- * Sông Thái Bình hợp bởi Sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam tại Phả Lại. Sông Thái Bình chia ra nhiều nhánh: sông Bạch Đằng, sông Hòn, sông Kinh Môn. Sông Bạch Đằng là một dòng sông lịch sử nơi xảy ra những chiến công hiển hách của Ngô Quyền và các tướng thời Trần.

Miền Trung có các sông chính là sông Mã, sông Cả. Về di tích lịch sử thì có các sông như sông Gianh, còn gọi là Linh Giang, chảy trong địa phận tỉnh Quảng Bình là con sông chia đôi nước ta trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh (1627-1775). Sông Bến Hải, phát nguyên từ góc Tây-Bắc tỉnh Quảng Trị, là con sông chia đôi nước ta trong thời Nam Bắc phân tranh (1954-1975). Sông Hương, kết hợp bởi hai phụ lưu là Tả Trạch và Hữu Trạch rồi chảy ngang qua cố đô Huế.

Miền Nam có các sông chính:

- * Sông Đồng Nai, có phụ lưu là sông La Ngà, sông Bé, sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ.

- * Sông Cửu Long dài trên 4.200 km, phát nguyên từ Tây Tạng, chảy qua Trung Hoa, Ai Lao, Cambodia, đến Nam Vang thì phân làm hai nhánh đổ về hướng Việt Nam là Tiền Giang và Hậu Giang, chảy trên lãnh thổ Việt Nam một đoạn chừng 250 km. Sông Cửu Long chảy ra biển bằng chín cửa: Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Ba Thắc, và Trần Đề.

Miền Tây Nam phần còn có một hệ thống kinh đào chằng chịt, nối các sông lớn nhỏ thành một hệ thống **thủy lộ** và **thủy nông** quan trọng.

Giải nghĩa.

- **Nhiệt đới:** Đới nóng, nằm giữa xích đạo và cận nhiệt đới. - **Lưu lượng:** Lượng nước chảy qua một chỗ trong một đơn vị thời gian. - **Phù sa:** Đất bồi. - **Thượng nguồn:** Khúc sông ở đầu nguồn. - **Phụ lưu:** Sông phụ. - **Hà:** Sông. - **Giang:** Sông. - **Thủy lộ:** Đường đi trên sông. - **Thủy nông:** Công việc dẫn nước cho nghề làm ruộng.

- **Câu hỏi để đối thoại.**

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Tại sao Việt Nam có nhiều sông rạch ?
- 2- Tả sơ qua về sông ngòi miền bắc Việt Nam ?
- 3- Tả sơ qua về sông ngòi miền trung Việt Nam ?
- 4- Tả sơ qua về sông ngòi miền nam Việt Nam ?



Bài làm ở nhà 11

- **Chép lại và thêm đủ dấu .** (dấu mũ . . . dấu giọng)

Hi Sinh Vì Đại Nghĩa

Lê Lai chính tên là Nguyễn Thân. Ông theo giúp Lê Lợi đánh quan Minh bên Tàu. Vì lập được nhiều công lớn nên ông được đổi tên là Lê Lai.

Ve Chí Linh lần thứ hai, Lê Lợi bị vây hãm rất nguy khốn. Lê Lai bèn dâng kế: Xin gia nhập Lê Lợi để đánh lừa giặc Minh. Rồi ông thay mặc áo hoàng bào xông ra trận để pha vòng vây.

Quan Tàu thấy Lê Lai, tưởng lầm là Lê Lợi, liền đổ xô lại bắt giết đi. Nhờ thế, Bình Định Vương Lê Lợi thoát khỏi vòng vây để tiếp tục kháng chiến.

Sau khi đánh đuổi được quan Minh, Lê Lợi liền truy tặng cho Lê Lai, người đã hi sinh vì đại nghĩa. Con cháu ông đều được dung.

Sau đây là câu đố ca tụng vị danh tướng nào ?

Ai người mặc đổi áo vua,
Cầm quân ra trận đánh lừa giặc Minh.
Vì đại cuộc phải hi sinh,
Tấm gương trung nghĩa, hiển vinh đời đời.

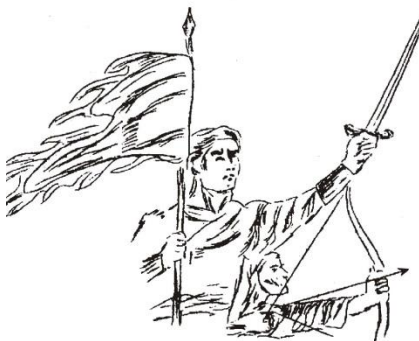
Theo Bùi Văn Bảo
(Tập đọc II)

Giải nghĩa.

- **Nguy khốn:** Nguy hiểm tới mức khó tìm ra lối thoát - **Dâng kế:** Trình (đưa ra) mưu kế hay.
- **Hoàng bào:** Áo của vua mặc đặc biệt màu vàng, dân không được mặc áo màu này. - **Truy tặng:** Tặng thưởng cho người đã chết mà có công giúp nước.

- **Tìm đại ý bài trên.**
- **Viết trả lời tất cả "Câu hỏi để đối thoại" đã ra tại lớp học theo bài "Những Hội Thiện Nguyên Giúp Việt Nam".**
- **Đặt hai câu với mỗi tiếng:** văn và vãng; dài, dải và dây.
- **Tập làm văn.**

Trong lịch sử Việt Nam, mỗi triều đại chống ngoại xâm đều có những vị hi sinh vì đại nghĩa như Lê Lai. Vậy em hãy tả lại một nghĩa cử cao đẹp khác của bậc anh hùng hay liệt nữ đã hi sinh vì đại cuộc.



- **Tập đọc.**

Biết Quý Cái Thân

Dũng là tay bơi lội giỏi, một hôm đi thuyền với ông nhà giàu kia. Đến giữa dòng sông ông nhà giàu vô ý đánh rơi cái nhẫn nạm ngọc quý giá. Ông liền ra giá với mọi người trong thuyền :

"Ai mò được chiếc nhẫn ấy, tôi xin thưởng lạng vàng."

Anh Dũng nín lặng. Các người khác không dám xuống nước vì không ai biết bơi lội.

Thuyền xuôi dòng nước một quãng xa thì dừng lại nghỉ. Đứa con trai người lái thuyền xuống tắm, chẳng may gặp chỗ nước xoáy cuốn đi, sắp chết đuối. Dũng để nguyên quần áo nhảy xuống cứu, cố sức mãi mới lôi được thằng bé lên thuyền, mệt thở hồng hộc. Mọi người xúm lại cứu nó hồi tỉnh.

Bỗng có người hỏi Dũng : "Sao lúc nãy mò ngọc được tiền anh không làm, bây giờ cứu đứa bé không được gì lại tận tâm đến thế ?"

Anh phân trần với mọi người : "Lúc nãy, tôi không vì tiền mà quên mình. Nhỡ vì mò ngọc mà chết có phải uổng mạng, lại còn mang tiếng tham lam không ? Cứu người là việc nghĩa thì ai ai cũng gắng làm. Cho nên tôi đã không sợ chết mà nhảy vào dòng nước xoáy để cứu em ấy."

Theo Trương Đức Mậu thuật.

(Tập Đọc Lớp Nhất)

Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Việt Nam Cộng Hòa

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

sắp chết đuối - hồi tỉnh - tận tâm - việc nghĩa

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: bài "**Những Hội Thiện Nguyện Giúp Việt Nam**" và "**Biết Quý Cái Thân**".



BÀI MUỖI HAI

• Chính tả - Học thuộc lòng.

Cám Ơn Những Tấm Lòng

Vẫn còn đó, một mùa Xuân em ạ,
Dù sáng nay Đông đến giữa *quê người*,
Đưa nhau về lòng ấm một niềm vui,
Trời rét lạnh, cơn *mưa mùa* đang tới.

Cụ già tay run tặng tờ bạc mới.
Em nữ sinh nhin ăn sáng, nhin mua quà.
Chị bán hàng dành dùm gởi đi xa,
Gởi *tình nghĩa* về bên kia trái đất.

Quê anh đó, những căn nhà không nóc.
Huế *buồn hiu*, xơ xác túp lều tranh.
Chiều Hội An, khổ cực đám dân lành.
Đêm Quảng Trị, mưa nhiều hay nước mắt !

Trôi về đâu những *thây người* lạnh ngắt !
Chảy về đâu xa lắm hồi dòng sông,
Cho anh hôn xác mẹ nổi bênh bồng,
Để nhớ lại ngày nào anh ra biển.

Để anh nhớ ngày đi không ai tiễn,
Lặng lẽ chào đất nước bỏ rơi anh.
Nhưng anh bỏ rơi đất nước không đành,
Những *thao thức* theo anh từ tuổi dại.

Em nghe không mùa Xuân đang trở lại,
Trong hồn xanh hi vọng *mỉm môi cười*,
Đưa nhau về lòng ấm một niềm vui,
Dù chân bước trên quê người rét lạnh.

Trần Trung Đạo

Ghi chú: Tác giả làm bài thơ này nhân ngày lạc quyền cứu trợ đồng bào bị bão lụt miền Trung Việt Nam vào mùa Thu năm 1999.

Giải nghĩa.

- *Quê người*: Xứ lạ, nơi mình ở tạm. - *Mưa mùa*: Mưa đúng theo thời tiết. - *Tình nghĩa*: Cảm tình và ân nghĩa. - *Buồn hiu*: Buồn vì không có ai cả. - *Thây người*: Xác người chết. - *Thao thức*: Trăn trở, bức rứt, không ngủ được. - *Mỉm môi cười*: Nhếch môi cười không ra tiếng.

- **Bài tập.**

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Đêm nằm _____ nhớ quê,
Bao giờ con được trở về nhà xưa.
- 2- Vợ chồng _____ mặn nồng,
Bao năm xa cách vẫn không đổi dời.
- 3- _____ cười trên bao gian khổ,
Quyết làm cho rạng rỡ quê hương.
- 4- Mẹ già mong đợi con về,
Nhà tranh vắng vẻ, bốn bề _____.
- 5- Dù cho bao năm lận đận nơi _____, người Việt li hương vẫn hướng
lòng về cố quốc.
- 6- Hôm nay trời lạnh mây nhiều,
_____ đang đến, buổi chiều qua nhanh.
- 7- Anh nhớ không trong trại tù cải tạo, hàng trăm _____ chết được chôn
cạnh bìa rừng.

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Vì sao tác giả nghĩ rằng "Vẫn còn đó một mùa Xuân" dù mùa Đông đang đến? Mùa xuân trong lòng người hay bên ngoài?
- 2- Cụ già, em nữ sinh, chị bán hàng gọi gì về quê nhà? Gửi cho ai?
- 3- Vì sao nước Việt có những ngôi nhà không có nóc? Huế, Hội An, Quảng Trị thuộc miền nào ở Việt Nam? Những nơi đó đã bị những gì?
- 4- Cảnh người chết ra sao? Có em nào nghe thấy người ta kể lại không?
- 5- Tác giả nhắc lại lúc ông đi đâu? Tác giả buồn hay vui?
- 6- Trong bốn câu thơ kết, tác giả hi vọng gì?
- 7- Em có đóng góp gì để giúp đỡ cho đồng bào bị bão lụt ở miền Trung và miền Nam chưa? Dù có đóng góp rất ít, trong lòng em cảm thấy thế nào?

- **Phân biệt: CĂN và CĂNG, RUN và RUNG**

Căn: Căn nhà, căn cứ, căn bản (cái gốc chính).

Căng: Căng buồm, căng trống, kiêu căng (cho mình là giỏi, khinh người).

Run: Lạnh run, run lẩy bẩy (run mạnh cả thân người), run run (hơi run).

Rung: Rung chuyển (làm cho động dậy), rung cây (lắc qua lại thân cây), rung chuông.

Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Đố ai quét sạch lá rừng,
Để ta khuyen gió, gió đưng _____ .
- 2- Người có tính _____ thì không ai ưa.
- 3- Hải cảng Cam Ranh ở miền trung Việt Nam là một _____ hải quân rất quan trọng.
- 4- Em bé lạnh _____ đi trong đêm tối, em đang tìm một mái nhà để trú thân.
- 5- Trời lộng gió, buồm _____ thuyền đến bến,
Bao nhiêu người nao nức buổi đoàn viên.
- 6- Trận động đất làm _____ nhà cửa trong vùng vịnh San Francisco.
- 7- Ba em dọn dẹp _____,
Đón mừng năm mới, ông bà đến thăm.
- 8- Tay _____ bà liền ôm cháu bé,
Bao vui mừng gặp lại cháu hôm nay.

• Bài đọc giải trí.

Con Ngựa Bị Mất Trộm

Đêm nọ, có một kẻ lạ mặt vào nhà ông điền chủ ăn trộm con ngựa nhốt trong chuồng. Ông điền chủ phải đi thăm ruộng luôn luôn nên buộc phải đi tậu gấp một con ngựa khác để cưỡi. Vừa đến chợ, ông bắt gặp con ngựa của ông có người đem đến bán.

Ông bèn níu lấy dây cương đòi lại.

Tên lái ngựa nói liền thoảng :

_ Sao chú vớ vẩn thế ? Con ngựa này tôi đã nuôi một năm nay; có lẽ nó giống con ngựa của chú nên chú mới lầm đến thế !

Nghe nói vậy, người điền chủ lấy hai tay bịt mắt ngựa lại rồi hỏi người kia:

_ Anh nhận là ngựa của anh, vậy thì anh nói cho tôi biết nó chột mắt nào ?

Tên ăn trộm từ trước chưa hề ngắm kỹ con vật, nên khi nghe hỏi, hấn luống cuống, nhưng cũng trả lời đại :

_ Mắt bên trái !

_ Anh lầm rồi, mắt trái có sao đâu !

Tên ăn trộm cãi lại :

_ Tôi vội nên nói lộn. Nó chột bên phải !

Tức thì người điền chủ nói với mọi người xung quanh:

_ Bây giờ thì các ông biết rõ rằng người này là một kẻ bất lương. Đây các ông coi: hai mắt con ngựa này có sao đâu !

Thế rồi tất cả mọi người đều vỗ tay cười vang.

Cảnh sát đến điệu tên ăn trộm đi, còn người điền chủ khôn ngoan cười ngựa thùng thỉnh ra về.

Thế Hào

• Tập làm văn.

Hãy kể một chuyện ngắn mà em thích nhất.

Bài làm ở nhà 12

- **Chép lại và thêm dấu câu.** (dấu phẩy, dấu chấm câu, dấu chấm hỏi)

Cần Phải Học Môn Địa Lí

ngày nay không một quốc gia nào có thể đứng riêng biệt lẻ loi càng thịnh đạt bao nhiêu lại càng cần **liên kết** với các dân tộc khác vậy chúng ta cần hiểu rõ **vị trí chính thể** và **dân cư** các nước mới có thể biết được ảnh hưởng của các nước ấy đối với chúng ta biết bao nhiêu việc lớn lao xảy ra hàng ngày được bàn trên báo chí mà ta không có quyền không biết đến nếu không biết tường tận các địa điểm ấy ở đâu trên bản đồ thì liệu chúng ta có thể thấu hiểu **thời cuộc** chẳng ngoài ra công dân trong một nước cần phải am hiểu địa lí mới làm tròn được nhiệm vụ với quê hương mình nhờ khoa học địa lí mới thấy tài nguyên nước mình phong phú vị trí nước mình thuận lợi phong cảnh nước mình hữu tình mà tăng lòng tự tin chúng ta lại biết các nước láng giềng biết các cường quốc mà hiểu được địa vị nước mình trên thế giới nhân đó lòng yêu quê hương thương đồng bào càng tăng thêm nữa xem thế thì địa lí là một môn học rất **cần thiết** mà các học sinh sinh viên không có quyền **xao lãng**.

Theo Phạm Xuân Độ và Ngô Đức Kính

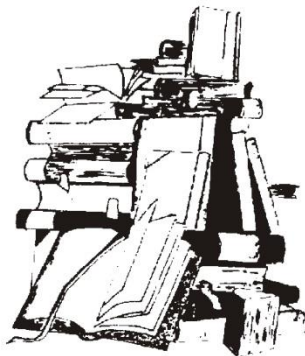
Giải nghĩa.

- **Liên kết:** Hợp tác với nhau. - **Vị trí:** Nơi chốn trên trái đất. - **Chính thể:** Các cơ quan cai trị của một nước. - **Dân cư:** Những người đang sống trong một nước. - **Thời cuộc:** Tình hình đang diễn ra. - **Cần thiết:** Cần đến mức độ không thể nào không làm hoặc không có. - **Xao lãng:** Quên đi, không để tâm vào ý.

- **Tìm đại ý bài trên.**
- **Câu hỏi.**

Viết trả lời tất cả "Câu hỏi để đối thoại" đã ra tại lớp học theo bài "**Cám Ơn Những Tấm Lòng**".

- **Đặt hai câu với mỗi tiếng:** căn và căng; run và rung.



- **Tập đọc.**

Sứ Mạng Thiêng Liêng

Khi mẹ sanh con là cả người nhẹ nhàng, sung sướng. Tình thương của cha nở rộ, thấm vô từng khớp xương, thớ thịt.

Con là nguồn hạnh phúc, là cơ hội để mẹ cha thưởng thức một tình thương mới mẻ, vô cùng trong sạch. Cảm giác đầu tiên dường như đưa họ vào một cảnh giới kì lạ, khiến có cảm tưởng rằng máu huyết của mình đã nhỏ ra để nối tiếp mình.

Trong mọi trường hợp, cha mẹ hiểu thấu lòng con, vì đã trải qua đoạn đường đã đi. Cũng vì lẽ ấy, dầu con có lỗi lầm quan trọng cha mẹ luôn luôn tha thứ, cũng sẵn lòng hứng lấy và cam chịu mọi sai trái do con tạo ra. Đôi lúc cha mẹ không làm vừa ý con, nhưng đó là một việc bất đắc dĩ. Con trẻ lầm tưởng rằng cha mẹ cố làm cho mình buồn chán nên đã có những thái độ bất hiếu mà cứ tưởng là chánh đáng. Mẹ cha dọn đường cho con đi, con lại đi ngược chiều, cho rằng mình khôn ngoan hơn. Do đó mà những đứa con ngỗ nghịch phải lầm đường, lạc nẻo, khổ thân trọn đời. Cha mẹ vẫn tha thứ cho con và luôn luôn ở bên cạnh giúp đỡ, bao bọc khi con gặp hoạn nạn.

Đó là đức tính hi sinh của bậc cha mẹ hiền lành, sáng suốt. Nhưng con trẻ có thấu hiểu được chẳng trách nhiệm và tình thương cao quý ấy ? Chắc là không, vì con cái chưa đến tuổi làm cha mẹ. Kịp tới khi hiểu được thế nào là tình thương của các người thì đã muộn rồi !

Vậy phận làm con là biết vâng lời và để cho song thân làm tròn sứ mạng thiêng liêng mà chẳng hề nghĩ tới ân đền nghĩa trả.

*Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng,
Con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày !*

*Theo Nàrada
(Hạnh Phúc Gia Đình)
Phạm Kim Khánh dịch*

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

bất hiếu - chánh đáng - ngỗ nghịch - song thân

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc:
“Cám Ơn Những Tấm Lòng” và “Sứ Mạng Thiêng Liêng”.

BÀI MƯỜI BA

• Chính tả - Tập đọc.

Món Quà Cho Quê Hương

Người Việt có lòng **quyến luyến** đặc biệt đối với quê hương. Dù đi đâu, họ cũng muốn trở về **nơi chôn nhau cắt rún**. Quê hương đẹp hơn cả!

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, hàng triệu người Việt đã **liều chết** đi tìm tự do. Đây là một biến cố vô cùng quan trọng. Lần đầu tiên trong lịch sử nước nhà, hơn hai triệu người Việt đã lìa xa đất tổ! Dù sống tại quốc gia **tạm dung** nào, người Việt đều có **lòng hoài hương**. Họ chỉ muốn trở về quê khi nước nhà có tự do dân chủ thật sự.

Thế nhưng, người con đi xa nhà chẳng lẽ trở về với hai tay không ? Họ phải chuẩn bị món quà cho quê hương.

Ngày xưa, vào đời Hùng Vương thứ 10, hoàng tử An Tiêm bị lưu đày nơi hoang đảo. Ông đã kiên trì **mur sinh**, hết sức làm việc để đem về cho quê hương món quà còn lưu truyền đến ngàn sau. Đó là quả dưa hấu.

Vào đời vua Trần Anh Tông (1306), Huyền Trân công chúa phải một mình sang Chiêm quốc để làm hoàng hậu xứ Chiêm. Người con gái Việt lưu lạc, cô đơn này đã đem về làm quà cho tổ quốc hai vùng Châu Ô và Châu Lý. Đó là phần đất từ Quảng Trị đến Quảng Nam nước ta ngày nay.

Sau hơn bốn mươi bốn năm li hương, người Việt cần cù học tập, làm việc và thành công về vang ở các quốc gia **tân tiến** khắp trên thế giới. Ngoài ra, có biết bao nhiêu bậc cha mẹ âm thầm làm việc, hi sinh cho con cái để chúng học hành nên người trong xã hội đầy phức tạp này! Đây là những món quà quý giá cho quê hương, làm **rạng danh** con Hồng, cháu Lạc.

Hỡi các bạn trẻ Việt Nam ở hải ngoại thân yêu. Năm năm, mười năm nữa sẽ đến lượt các bạn. Hãy cố noi gương các bậc cha anh, **nức lòng** học tập để thành công và trở nên hữu ích cho xã hội. Đó là thể hiện lòng yêu nước chân thành. Đó là món quà đầy ý nghĩa cho quê hương.

Giải nghĩa.

- **Quyến luyến**: Trừu mến, không rời được. - **Nơi chôn nhau cắt rún**: Nơi sinh ra và lớn lên.

- **Liều chết**: Thử mạng, không sợ chết. - **Tạm dung**: Nương nhờ tạm thời. - **Lòng hoài hương**: Lòng tưởng nhớ quê hương. - **Mur sinh**: Làm việc để sống. - **Tân tiến**: Mới mẻ, tiến bộ. - **Rạng danh**: Lừng lẫy danh tiếng được nhiều người biết đến. - **Nức lòng**: Hăng hái, phấn khởi.



• Bài tập.

I - Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- An Tiêm ở nơi hoang đảo phải tìm kế _____ bằng cách hái trái cây trong rừng, bắt cua, ốc dưới biển để ăn.
- 2- Hoa Kỳ, Úc, Gia Nã Đại ... là những quốc gia _____ nhận người Việt tị nạn cộng sản từ sau năm 1975.
- 3- Lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng _____ đối với nơi chúng ta sinh ra và lớn lên cùng bao nhiêu người thân trong gia đình.
- 4- Người Việt ở hải ngoại đạt được những thành công xuất sắc trong nhiều lãnh vực khoa học, giáo dục, y tế ... họ thực sự làm _____ con Hồng cháu Lạc.
- 5- Sống xa nguồn cội tổ tông
Ai ai cũng có tấm lòng _____
- 6- Hoa Kỳ là một quốc gia _____ bậc nhất trên thế giới về khoa học kỹ thuật.
- 7- Mọi người Việt Nam đều biết vượt thoát ra khỏi quê cha là rất nguy hiểm cho tính mạng, nhưng ai cũng _____ ra đi mong tìm tự do.
- 8- Bài Hịch Tướng Sĩ của Trần Hưng Đạo đã làm cho quân sĩ _____ chiến đấu, góp phần rất lớn vào việc đánh bại quân Tàu xâm lược.

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III - Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 có nhiều người Việt ở hải ngoại không ? Vì sao ?
- 2- Sau năm 1975 có khoảng bao nhiêu người Việt ở hải ngoại ? Vì sao đông đảo như thế?
- 3- Tóm tắt sự tích quả dưa hấu.
- 4- Tóm tắt sự tích Huyền Trân công chúa.
- 5- Sau hơn 26 năm li hương, người Việt hôm nay thành công về nhiều lãnh vực. Em nêu lên vài thí dụ mà em biết ?
- 6- Để có một món quà giá trị cho quê hương, các em phải làm gì trong lúc này ?

• Phân biệt : ĐẶC và ĐẶT, BẬC và BẬT

Đặc: Đặc biệt, sữa đặc, dốt đặc (quá dốt), đặc phái viên (người được cử đi với một nhiệm vụ đặc biệt).

Đặt: Đặt cọc (đưa trước một số tiền để làm tin), đặt tên, đặt chuyện (tưởng tượng một chuyện rồi nói ra).

Bậc: Bậc (bực, nấc, từng/tầng, ngôi thứ, đẳng), bậc thang, bậc anh hùng.

Bật: Bật (bứt, phứt, bung ra, tung lên, nảy/nảy, văng ra), bật đèn, bật lửa, bật cười, bật ngựa (ngã người phía sau, biết sự việc bất ngờ).

- **Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa.**

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Anh John đang học cấp 3 _____ biệt ở Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.
- 2- _____ anh hùng tài không đợi tuổi,
Sáu chữ cờ rong ruổi khắp nơi.
- 3- Anh hề làm trò vừa đi ngoái cổ lại, khiến mọi người _____ cười.
- 4- Anh Năm _____ tên cho cháu bé mới sinh là Hùng.
- 5- Hôm qua, _____ viên của báo Việt Mercury đến thăm Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.
- 6- Ba em đã _____ cọc tiền để mua ngôi nhà mới.
- 7- Vừa về đến nhà, Mai _____ đèn sáng, mọi người chuẩn bị ăn bữa cơm tối.
- 8- Muốn lên tầng trên, em phải bước lên tám _____ thang.

- **Mẫu chuyện vui.**

Chuyện Kể Ngắn Nhất

Chúng em thích nghe chuyện cổ tích. Một hôm, bà ngoại kể cho các cháu nghe chuyện một con ếch và một con rùa. Tôi chắc chắn rằng đây chính là câu chuyện cổ tích ngắn nhất mà các bạn được nghe chúng tôi thuật lại theo lời bà ngoại tôi kể:

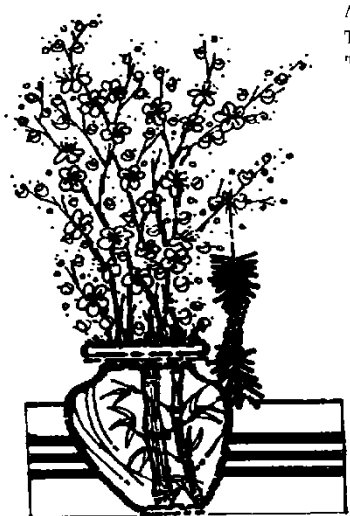
Chú rùa và chú ếch đã kết bạn với nhau từ lâu lắm rồi. Một hôm, ếch và rùa cùng ra bờ ao ngồi tán gẫu, bỗng một trận bão từ đâu ập tới kèm theo vài giọt nước mưa rơi xuống đầu chúng. Rùa nhìn lên bầu trời và nói:

- Tớ không muốn bị ướt, tớ sẽ bị sổ mũi mất thôi !

- Cậu nói đúng đấy, ếch hưởng ứng, chúng ta không thể bị ướt được ! Nhanh lên !

Và cả hai cùng nhảy ùm xuống hồ nước mênh mông.

Theo Muriel Block



- **Việt sử.**

Một Nước Hai Chính Thể (1954 - 1975)

Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 1954, nước Việt Nam trở thành hai chính thể và lấy sông Bến Hải (vĩ tuyến 17) làm ranh giới chia đôi đất nước. Trước khi chấm dứt sự qua lại giữa hai miền đã có hơn một triệu người dân miền Bắc ra đi tìm tự do tại miền Nam và khoảng 150 ngàn người ra Bắc.

Miền Bắc theo chế độ cộng sản với tên nước là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Miền Nam theo chế độ tự do với tên nước là Việt Nam Cộng Hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng Thống. Trong thời gian đầu, chính phủ của hai miền đều cố gắng tổ chức lại đất nước. Ngoài Bắc, chính quyền Cộng Sản dùng chính sách **đấu tố vô nhân đạo** để lấy ruộng của người giàu chia cho người nghèo. Trong Nam, thì chính quyền dùng chính sách mua lại ruộng của người giàu để chia cho người nghèo.

Với sự giúp đỡ của khối cộng sản như Nga Sô, Trung Cộng, Tiệp Khắc, Ba Lan... chế độ Cộng Sản miền Bắc thành lập Mặt Trận Giải Phóng vào năm 1959 và đã vi phạm liên tiếp hiệp định Genève bằng cách đưa người xâm nhập vào Nam cho đến năm 1960 thì bắt đầu mở các trận đánh phá các làng xã. Chính quyền miền Nam nhờ sự viện trợ của Hoa Kỳ và Đồng Minh đã chống trả lại bằng cách bảo vệ người dân và mảnh đất tự do. Ngày 1-11-1963 Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng với sự tham gia của phần lớn các tướng lãnh trong quân đội lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Sau một thời gian bất ổn về chính trị, trung tướng Nguyễn Văn Thiệu thành lập một hội đồng quân lực để giữ gìn an ninh quốc gia và được đắc cử làm tổng thống sau một cuộc tổng tuyển cử ở miền Nam 1965.

Năm 1972 hiệp định ngưng bắn được kí kết tại Paris với điều kiện là các nước tham chiến rời khỏi Việt Nam và cộng sản không được tiếp tục xâm chiếm miền Nam. Thế nhưng, lại một lần nữa Cộng Sản Việt Nam bất chấp hiệp định này đem quân cưỡng chiếm trọn miền Nam vào tháng 4 năm 1975. Hơn hai triệu người miền Nam liêu chết rời bỏ đất nước ra đi và định cư khắp nơi trên thế giới. Hàng trăm ngàn **quân cán chính** miền Nam bị giam ở các **trại tập trung**, nhiều người chết vì bị hành hạ, tra tấn, **ngược đãi**, **thiếu dinh dưỡng** hoặc bệnh tật. Không kể trên nửa triệu người dân đã bỏ mình trên đường vượt thoát tìm tự do trong rừng sâu hay trên biển cả. Đây là một chính sách sai lầm và thiếu lòng nhân đạo trong lịch sử Việt. Hoàn cảnh nước Việt Nam sau khi chấm dứt chiến tranh năm 1975 cũng giống như đất nước Hoa Kỳ sau cuộc nội chiến Nam Bắc (1861-1865). Nhờ thi hành chánh sách nhân đạo và người dân đã được thực sự hưởng Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền theo đúng tinh thần của bản hiến pháp mà ngày nay nước Mỹ đã trở thành một quốc gia giàu mạnh nhất trên thế giới.

Giải nghĩa.

- **Đấu tố:** Tố cáo, vạch tội thường đưa đến cái chết cho người bị đấu tố. - **Vô nhân đạo:** Dã man, không có tình người. - **Quân cán chính:** Những người đi lính, hoặc làm việc cho một chính phủ. - **Trại tập trung:** Trại tù trong các khu rừng thiêng nước độc. - **Ngược đãi:** Đối xử một cách nặng nề. - **Thiếu dinh dưỡng:** Thiếu ăn uống.

- **Câu hỏi để đối thoại.**

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Tại sao hơn một triệu người di cư từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam ?
- 2- Hãy so sánh việc cải cách ruộng đất của hai miền Việt Nam ?
- 3- Vì sao xảy ra chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc Việt Nam ?
- 4- So sánh việc đối xử với quân cán chính của hai chính phủ Việt Cộng và Hoa Kỳ sau chiến tranh.

Bài làm ở nhà 13

- **Chép lại và thêm dấu chấm câu .** (dấu phẩy, dấu chấm câu . . .)

Thằng Bờm

thằng Bờm có cái **quạt mo**
phú ông xin đổi ba bò chín trâu
bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu
phú ông xin đổi một xâu **cá mè**
bờm rằng Bờm chẳng lấy mè
phú ông xin đổi ba bè **gỗ lim**
bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
phú ông xin đổi con **chim đồi mồi**
bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
phú ông xin đổi năm xôi Bờm cười

Ca dao

Giải nghĩa.

- **Thằng Bờm:** Tên một nhân vật tưởng tượng gán cho thằng bé ngu ngốc. - **Phú ông:** Người đàn ông giàu có trong làng. - **Cá mè:** Loại cá nước ngọt thân đẹp, vẩy nhỏ, đầu to. - **Gỗ lim:** Loại gỗ quý, hiếm ở miền Bắc. - **Chim đồi mồi:** Con chim giả làm bằng vỏ con đồi mồi.

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Câu hỏi.**

Viết trả lời tất cả " Câu hỏi để đối thoại " đã ra tại lớp học theo bài " **Món Quà Cho Quê Hương** " .

- **Đặt hai câu với mỗi tiếng:** đặc và đặt ; bạc và bật

- **Tập làm văn.**

Hãy làm bài luận văn theo tài liệu trong báo tiếng Việt xuất bản tại địa phương của em. Chọn đề tài nói về sinh hoạt của cộng đồng người Việt hoặc về văn hóa, khoa học kỹ thuật trên thế giới. Nhớ kèm theo bài báo khi nộp bài viết cho thầy cô.



- **Tập đọc.**

Một Đêm Mưa

Một đêm mưa phùn ẩm ướt và tối tăm về cuối tháng Chạp, hai anh em chúng tôi đi nghỉ sớm. Nằm trên giường trùm chăn lên tận cằm, chúng tôi cùng nói chuyện phiếm để đợi giấc ngủ.

Trong căn phòng yên lặng, chỉ nghe rõ tiếng tí tách thông thả và đều đều của tiếng đồng hồ treo trên tường. Nhưng thỉnh thoảng một cơn gió đưa đến văng vẳng những tiếng ếch nhái kêu ở cánh đồng quê chung quanh nhà.

Hai anh em chúng tôi vừa cuộn kín trong chăn cho ấm vừa nói chuyện. Chúng tôi nghĩ đến rồi thương hại những người lữ khách vào giờ này hãy còn đi trên đường vắng, ướt như chuột lột và run như cây sậy, bước vội vàng để tìm một chỗ trú chân. Chúng tôi lại ái ngại cho những nhà nghèo bên hàng xóm, giờ này vợ chồng con cái đều phải dậy để chống cái nhà lá mà mỗi cơn gió lạnh làm lung lay và để đem các chậu thau hứng những chỗ dột nước.

Khi người ta được ấm êm trong một căn phòng nhà gạch chắc chắn, không sợ mưa gió về phần mình, thì người ta dễ có lòng thương đối với những người xấu số hơn.

Thạch Lam
(Gió Đầu Mùa)

- **Giải nghĩa - Đặt câu.**

tháng Chạp - tí tách - chuyện phiếm - lữ khách

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: "**Món Quà Cho Quê Hương**" và "**Một Đêm Mưa**".



BÀI MƯỜI BỐN

- Chính tả - Tập đọc.

Việt Nam, Quê Hương Tôi

Tổ quốc ta vô cùng tươi đẹp,
Từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.
Đỉnh Trường Sơn **lồng lộng** gió cao,
Biển Nam Hải trời đông bát ngát.
Tổ quốc ta từ thuở Hùng Vương mở nền dựng nước,
Lịch sử vàng son chói lọi bốn ngàn năm.
Có bà Triệu, bà Trưng,
Có Đinh, Lý, Lê, Trần.
Tiếng sóng Bạch Đằng, **lời thề Sát Thát**,
Hịch Tướng Sĩ khiến quân Nguyên **vỡ mặt**,
Bản Bình Ngô đủ **bạt vúa** giặc Minh,
Áo vải cờ đào tan tác Mãn Thanh,
Gương giữ nước muôn đời **vàng vạc**.
Thế hệ trước vang lời ca **bình Bắc**,
Thế hệ sau rộn tiếng thét đuổi Tây.
Đông Du, Tây Du: Chí rọi ngàn mây,
Yên Bái, Châu Giang ngất trời nghĩa khí.
Tiếng gió thoảng tường quân reo **Yên Thế**,
Giọt mưa rơi hay giọt lệ **Cần Vương**!
Xào xạc ngàn lau nhớ **Bãi Sậy** quân đồn,
Đêm thức giấc mơ **Hỏa Hồng Nhục Tảo**.
Tổ quốc ta bằng xương bằng máu,
Bằng mồ hôi nước mắt của tiền nhân.
Tổ quốc của ta tươi đẹp vô ngần,
Đất nước của ta tiền rừng bạc bể:
Này bời Biền Hòa, này cam xứ Nghệ,
Này trà Bảo Lộc, này quế Quảng Nam,
Thuyền về cá lội đầy khoang,
Trầu xanh Phú Quốc, mắm thơm Vũng Tàu.
Ngút ngàn đồng ruộng Cà Mau,
Hòn Gai khói tỏa một màu xanh lam . . .

Lê Minh Khôi
(*Văn Nghệ Tiền Phong # 108*)



Giải nghĩa.

- **Lồng lộng:** Cao rộng. - **Lịch sử vàng son:** Ý nói lịch sử vinh quang. - **Lời thề Sát Thát :** Lời thề diệt quân Nguyên. - **Hịch Tướng Sĩ:** Bài văn viết để hô hào quân sĩ diệt giặc cứu nước. - **Võ mật:** Sợ tan mật. - **Bạt vĩa:** Sợ quá, khiếp vía - **Áo vải cờ đào:** Ý nói vua Quang Trung từ giới nông dân đứng lên dẹp giặc cứu nước. - **Vàng vặc:** Rất trong sáng. - **Bình Bắc:** Dẹp yên quân xâm lăng phương Bắc. - **Đông Du:** Phong trào do cụ Phan Bội Châu khởi xướng để đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật du học để về cứu nước. - **Tây Du:** Phong trào do cụ Phan Chu Trinh khởi xướng chủ trương mở mang dân trí theo Tây học để mưu cầu cứu nước. - **Yên Bái:** Nơi Nguyễn Thái Học khởi nghĩa chống Pháp. - **Châu Giang :** Một con sông bên Tàu nơi Phạm Hồng Thái liều mình tự vẫn khi thất bại trong việc ám sát toàn quyền Martial Merlin của Pháp. - **Yên Thế:** Nơi Hoàng Hoa Thám nổi lên chống Pháp. - **Cần Vương:** Giúp vua chống xâm lăng. - **Bãi Sậy:** Nơi Nguyễn Thiện Thuật nổi lên chống Pháp là một vùng toàn lau sậy. - **Hỏa hồng Nhựt Tảo:** Tại vàm Nhựt Tảo, anh hùng Nguyễn Trung Trực đã đốt tàu của Pháp. Ý được trích từ hai câu thơ của cụ Huỳnh Mẫn Đạt:

Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỷ thần.

nghĩa là:

Đốt lửa Nhựt Tảo trời long đất lở
Rút kiếm Kiên Giang quỷ khóc thần sầu.



• Bài tập.

I- Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ giải nghĩa ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Anh hùng _____ cờ đào
Giúp dân đánh giặc biết bao công trình.
- 2- Hưng Đạo Vương cho xăm trên cánh tay của quân sĩ lời thề _____ để toàn
quân dốc lòng đánh thắng giặc Nguyên.
- 3- Đêm mùa hè, trời cao _____, muôn vì sao lấp lánh trên bầu trời.
- 4- Hưng Đạo Vương viết hịch _____ để hô hào quân sĩ quyết tâm đánh
giặc.
- 5- Đêm Trung Thu , trăng tròn và to tỏa ánh sáng _____ trên khắp thôn
làng.
- 6- Bình Định Vương Lê Lợi với sự đoàn kết toàn dân đã đánh thắng giặc Minh nhiều
trận khiến quân giặc _____ kinh hồn.
- 7- Cụ Phan Chu Trinh chủ xướng phong trào _____
- 8- Vua Hàm Nghi bỏ kinh thành Huế (1885) chạy ra Quảng Trị và ra hịch _____
_____ hô hào toàn dân đứng lên chống Pháp.

II- Phân đoạn - Đại ý.

Phân đoạn và tìm đại ý của bài trên.

III- Câu hỏi để đối thoại.

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

- 1- Về phương diện địa dư, đất nước ta như thế nào ? Có gì đặc biệt ?
- 2- "Tiếng sóng Bạch Đằng, lời thề Sát Thát" tác giả muốn nhắc đến giai đoạn lịch sử nào ?
- 3- Ai viết bản Bình Ngô Đại Cáo ? vào thời nào ?
- 4- Ai đã đánh giặc Mãn Thanh tan tác ?
- 5- Kể sơ lược về phong trào Cần Vương.
- 6- Kể sơ lược về phong trào Đông Du, Tây Du.
- 7- Hãy kể những tài nguyên của nước ta mà tác giả đã nhắc đến trong bài.

• Phân biệt: mũi và muối, tan và tang

Mũi: Bộ phận dùng để thở và ngửi (lỗ mũi, sống mũi ...); đầu nhọn của đồ vật (mũi tên hòn đạn, mũi kim, mũi Cà Mau ...); hướng đi (theo mũi nào..)

Muối: Loại côn trùng nhỏ, có cánh, mình có khoan, có vòi hút máu (thuốc xịt muỗi, nhang trừ muỗi ...); muối cô (muối nhỏ con được sinh sản từ trong cỏ rậm)

Tan: Rã ra (tuyết tan, chợ tan, tan học ...); trạng thái của chất rắn chuyển sang và hòa lẫn vào chất lỏng (quậy cho muối tan, khuấy cho đường tan, hòa tan ...)

Tang: Vật làm chứng cho các việc làm phi pháp (tang vật, tang chứng ...); lễ đối với người chết (đám tang, đồ tang....); tang thương (tiều tụy, khổ sở đến mức gọi lên sự đau xót, thương tâm)

• Điền vào chỗ trống.

Chọn những từ trong phần phân biệt ở trên để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa.

- 1- Muối có thể _____ vào trong nước làm cho nước trở nên mặn.
- 2- Người lính chiến phải xông pha nơi _____ hòn đạn hiểm nguy.
- 3- Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 mọi gia đình người dân miền Nam đều chịu cảnh _____, kẻ còn người mất.
- 4- Vào mùa mưa, _____ được sinh ra rất nhiều.
- 5- Chỗ tận cùng của nước ta về phía nam là _____.
- 6- Ở Cà Mau có câu ca dao:
Trên trời _____ kêu như sáo thổi,
Dưới nước đĩa lội như bánh canh.

- **Đoạn văn mẫu.**

Vài Hình Ảnh Cuối Đời

... Trong một vài năm qua, tôi có dịp tiếp xúc với các cộng đồng người Việt chúng ta và đã học hỏi được rất nhiều từ các bậc đàn anh. Tôi thương vết hằn trên trán cha và đau với niềm đau trong lòng mẹ. Tôi đã ngồi suốt đêm để nghe một bác H.O. kể lại cuộc đời tù ngục đầy đau xót của bác. Đời của bác là cuộc đời kiêu mẫu của một thanh niên Việt Nam sinh ra giữa thời chinh chiến, chịu đựng mất mát và quá nhiều khổ đau. Hình ảnh của bác với mái tóc hoa râm, dáng người xiêu vẹo, đứng trên góc đường mỗi sáng chờ xe chở đi làm, chiều trở về chỗ cũ, ghé tiệm mua một bó rau rồi lui cùi nấu cơm ăn, đã nhiều lần làm tôi đau nhói. Lẽ ra giờ này, các chú các bác đang sống trên một quê hương thanh bình, bên con bên cháu, với một tâm hồn thanh thoi lãng động của tuổi về chiều thay vì phải mang nỗi buồn đi lang thang trên xứ người xa lạ. Tôi đã thức nhiều đêm để làm thơ thương xót một người lính già ngã xuống trên xa lộ 101 ở San Jose, California. Bác chết đi không một phát súng chào, không vợ không con, không có ngay cả một người họ hàng xa nhất. Sở cảnh sát không cho người quen của bác nhận xác về chôn cất. Bác nằm cô đơn lạnh lùng trong nhà xác bệnh viện hơn một tháng để chờ người vợ cũ từ Việt Nam bằng lòng ủy nhiệm cho bạn bè của bác được quyền nhận xác về chôn !

Theo Trần Trung Đạo

- **Tập làm văn.**

Hãy tả gia đình của một người Việt tị nạn mà em nghĩ là có hạnh phúc ở Hoa Kỳ.

- **Danh ngôn.**

Thời gian không đo lường bằng năm, bằng tháng
mà bằng những gì chúng ta đã thực hiện được

H. N. Casson

Một cách hay nhất để thành công trên đời là khởi sự làm những gì
mình thường khuyên bảo kẻ khác.

A. Lincoln



Bài làm ở nhà 14

- **Chép lại và thêm dấu câu .** (dấu phẩy, dấu chấm câu, dấu ngoặc kép . . .)

Đứng Núi Này Trông Núi Nọ

có một chú bé sống ở đồng bằng mê màu xanh thắm của núi non xa xa nơi chân trời xanh phớt toàn một màu xanh núi non hiện lên trong con mắt của chú bé như chốn thiên đường một hôm không chống đỡ nổi sự cám dỗ kia chú bé quyết định đi tìm núi chuyển đi kéo dài qua bao đồng bằng và đồi núi

cuối cùng chú cũng lên được đỉnh núi và chú thấy thất vọng khi nhận ra rằng núi không còn màu xanh nữa mà lại có màu xám nâu vàng đỏ . . . giống như cái xứ sở nơi chú ra đi

phía trước mặt núi non khác lại hiện ra tất cả đều màu xanh chú lại mất một thời gian nữa để đi tới đó nhưng càng tới gần màu xanh kia càng mờ nhạt dần để nhường chỗ cho những màu khác

cuối cùng một hôm tuổi tác đã cao cậu bé năm xưa trở lại con đường mình đã qua phía sau lưng ông cảnh vật lại chìm trong không gian với một màu xanh ngắt

Theo Muriel Block

Giải nghĩa.

- **Thiên đường:** Thế giới sung sướng nhất ở trên trời mà hồn người chết được về sau khi được rửa sạch tội lỗi. Ý ở đây là được ở nơi chốn đẹp đẽ và sung sướng

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Câu hỏi.**

Viết trả lời tất cả " Câu hỏi để đối thoại " đã ra tại lớp học theo bài " Việt Nam, Quê Hương Tôi " .

- **Đặt hai câu với mỗi tiếng:** mũi và muối ; tan và tang



- **Tập đọc.**

Có Chí Thì Nên

Một nhà đại cách mạng ở xứ Scotland là tướng Robert Bruce đã nhiều lần dấy binh khởi nghĩa đánh quân Anh ra khỏi nước, nhưng lần nào cũng thất bại.

Lần cuối cùng, ông bị thua chạy trốn. Một hôm, ẩn trong một cái hầm, ông chợt thấy một con nhện dang tơ đan lưới ở trên đầu giường. Buồn tình ông vớ tay lên phá cái lưới đó. Ngay lập tức con nhện lại dang một cái lưới khác, ông lại phá chơi. Ông phá đi, phá lại như thế sáu lần. Ông ngạc nhiên thấy lần nào con nhện cũng dang ngay một cái khác. Ông nghĩ bụng nếu ông thử phá một lần nữa mà nó vẫn cứ dang cái lưới khác thì thực là bài học hay cho ông. Lúc này đây ông cũng chẳng khác gì con nhện kia vì ông đã bị thất bại sáu lần rồi.

Thế là ông lại phá lần thứ bảy. Con nhện lập tức lại dang ngay cái lưới mới.

Lòng phấn khởi, ông đứng vùng dậy đi chiêu tập binh sĩ một lần nữa. Và lần này ông đã toàn thắng, đuổi được quân Anh ra khỏi nước.

Theo Dixon

(Tập Đọc Lớp Nhất)

Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Việt Nam Cộng Hòa

- **Giải nghĩa - Đặt câu:**

cách mạng - khởi nghĩa - chiêu tập.

- **Tìm đại ý bài trên.**

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp cho thầy cô chấm điểm tập đọc: "**Việt Nam, Quê Hương Tôi**" và "**Có Chí Thì Nên**".



Bài thi mẫu cuối khóa

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong các tuần lễ vừa qua.

1. Chính tả.

- Viết một trong ba bài tập đọc hay chính tả do thầy cô chỉ định trước cho các em.
- Phân đoạn và tìm đại ý bài chính tả.

2. Học thuộc lòng.

- Viết một trong hai bài học thuộc lòng:
 - a- Đầu bài: . . .
 - b- Đầu bài: . . .
- Tìm đại ý bài học thuộc lòng.

3. Văn phạm.

Thêm đủ dấu trên một đoạn văn cho sẵn. (dấu giọng ..., dấu phẩy, chấm câu, dấu than, dấu ngoặc kép . . .)

4. Sử kí.

Soạn ba câu hỏi.

5. Địa lí.

Soạn ba câu hỏi.

6. Tập làm văn.

Chọn những đề tài tương tự đã được làm trong lớp.

NGŨ VỤNG ĐÃ HỌC

A

Ấm cúng: *Đông đúc, vui vẻ.*

Ấm thâm: *Hành động một mình không ai hay biết.*

Ấm thân: *Cuộc sống sung túc, nhàn nhã.*

Ăn đòn: *Bị đánh đòn.*

Ấn tín: *Con dấu của vua, quan để làm tin.*

Áng mây: *Vàng mây, đám mây.*

Anh hào: *Anh hùng.*

Ảo não: *Buồn bực, sầu thảm.*

Áo vải cờ đào: *Ý nói vua Quang Trung từ giới nông dân đứng lên dẹp giặc cứu nước.*

B

Bác ái: *Có lòng thương yêu rộng rãi mọi người, mọi loài.*

Bác ái: *Lòng yêu thương rộng rãi mọi người, mọi loài.*

Bãi Sậy: *Nơi Nguyễn Thiện Thuật nổi lên chống Pháp là một vùng toàn lau sậy.*

Bản năng sinh tồn: *Phản ứng tự nhiên bắt buộc mọi sinh vật phải tranh đấu để sống còn.*

Bạo quyền: *Cai trị dân bằng quyền lực tàn bạo, không có nhân nghĩa.*

Bạt vĩa: *Sợ quá, khiếp vía.*

Bất vụ lợi: *Không phải vì lợi mà làm, không có ý định lợi ích riêng cho mình.*

Bi quan: *Buồn chán.*

Biển Đông: *Vùng biển nằm về phía Đông Việt Nam, thuộc biển Thái Bình.*

Biểu tình: *Tụ họp hoặc diễn hành trên đường phố để đòi hỏi một nguyện vọng gì.*

Bình Bắc: *Dẹp yên quân xâm lăng phương Bắc.*

Bình xong giặc Nguyên: *Đánh thắng giặc Nguyên.*

Bổ công: *Đáng công, xứng công.*

Bơ phờ: *Ủ dột, tiêu tụy.*

Bồng bột: *Hăng hái, sôi nổi.*

Bụi trần: *Sự khổ não của con người trên trần thế này.*

Buồn hiu: *Buồn vì không có ai cả.*

C

Cá mè: Loại cá nước ngọt thân dẹp, vẩy nhỏ, đầu to.

Cái bút cái nghiên: Ý nói sự học. -

Cảm giác: Cảm thấy, cảm biết.

Căn bản: Góc rễ, điều căn có.

Cần thiết: Cần đến mức độ không thể nào không làm hoặc không có.

Cần Vương: Giúp vua chống xâm lăng.

Cánh: Cái vồng có mũi, có đòn dài cho hai người khiêng.

Canh cánh: Không thể khuấy khỏa được.

Cầu Hiền Lương: Cầu bắc qua sông Bến Hải, con sông ngăn đôi hai miền Bắc Nam trong thời gian 1954 - 1975.

Cây mắm: Loại cây nhỏ mọc ở đất nước mặn.

Cây phi lao: Còn gọi là cây dương. Một loại cây to, lá xanh và nhỏ như sợi chỉ trông giống lá thông, thường trồng từng đám rộng vùng ven biển để giữ cát và lấy bóng mát.

Có đàn: Ý nói có đoàn thể.

Cổ đạo: Linh mục đạo Thiên Chúa người nước ngoài.

Cổ kim: Cũ và mới, từ trước đến bây giờ.

Cô nhi viện: (**cô:** mồ côi; **nhì:** trẻ con) nhà nuôi những trẻ mồ côi.

Con tằm: Giống sâu được nuôi cho ăn lá dâu và nhả tơ để dệt lụa.

Công bình: Công bằng, theo đúng lẽ phải, không thiên lệch.

Công danh: Công là sự nghiệp mình làm ra, danh là tiếng tốt.

Cống hiến: Đóng góp vào việc công ích (của cải, thời gian, việc làm v.v...).

Cũng cam: Cũng đành chịu.

Cưng: Được nuông chiều.

Cường thịnh: Giàu và mạnh.

CH

Chân thật: Thành thật, ngay thẳng, không dối trá.

Chập chùng: Từng lớp liên tiếp nhau.

Chất chiu: Dành dụm cẩn thận từng ít một, coi là quý; còn có nghĩa chít chiu, dất dứu, đùm bọc.

Châu Giang : Một con sông bên Tàu nơi Phạm Hồng Thái liều mình tự vẫn khi thất bại trong việc ám sát toàn quyền Martial Merlin của Pháp.

Chạy: Ở đây nghĩa là tìm cho có.

Chim đôi môi: Con chim giả làm bằng vỏ con đôi môi.

Chim gáy: Loài chim có vòng lông quanh cổ như hạt cườm.

Chỉnh đốn: Sửa đổi, sắp xếp lại cho đúng theo phép tắc.

Chỉnh hình: Sửa lại một bộ phận có tật để cho hợp với tự nhiên.

Chính thể: Các cơ quan cai trị của một nước.

Chủ quyền: Quyền tự do định đoạt việc của nước mình.

Chùa Hương: Còn gọi là chùa Hương Tích, là một thắng cảnh nổi tiếng ở tỉnh Hà Đông, Bắc Việt.

D

Dãi yếm: Miếng vải hình tam giác dùng để che trước ngực phụ nữ thời xưa.

Dặn : Bảo một cách ân cần cho nhớ.

Dân cư: Những người đang sống trong một nước.

Dằn vặt: Nói nặng nhẹ vì bất bình.

Dâng kẻ: Trình (đưa ra) mưu kế hay.

Dọa : Hăm, đe làm cho người ta sợ.

Dòng dõi (dòng giống): Con cháu cùng tổ tiên.

Dùi mài: Chăm chỉ học hành.

Dũng tướng: Viên tướng can đảm đương đầu với nguy hiểm.

Duyên hải: Vùng ven biển.

Đ

Đạo sư: Thầy học, dẫn dắt trên đường đạo.

Đất tổ quê cha:: Đất nước của tổ tiên và quê hương của ông cha của mình .

Đấu tố: Tố cáo, vạch tội thường đưa đến cái chết cho người bị đấu tố.

Đêm thâu: Thâu đêm, thâu canh: hết canh này đến canh khác, ý nói suốt đêm.

Đẹp mặt: Đẹp lòng, vừa lòng cha mẹ.

Đoàn tụ: Quây quần, sum họp với nhau.

Độc tài: Giành tất cả quyền hành, quyền lợi cho mình hay cho một đảng.

Đông Du: Phong trào do cụ Phan Bội Châu khởi xướng để đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật du học để về cứu nước.

Đùm bọc: Giúp đỡ, che chở lẫn nhau.

G

Gây quỹ: Quyên góp hay tạo ra một số tiền cho hội để chi phí.

Gỗ lim: Loại gỗ quý, hiếm ở miền Bắc.

GI

Giải (ngang): Phân ra từng mảnh.

Giải giới: Tước khí giới.

Giải phẫu: Khoa mổ xẻ cơ thể để trị bệnh.

Giang: Sông.

Giọng trầm hùng: Giọng nói thấp mà hùng hồn.

H

Huyền bí: Mâu nhiệm, bí ẩn; ngoài sự hiểu biết thường tình.

Hà: Sông.

Hải lí: Đơn vị đo lường trên biển, bằng 1.852 m.

Hải sản: Các vật lấy từ biển.

Hàn huyên: Thăm hỏi, trò chuyện sau một thời gian xa cách.

Hào hùng: Có tài trí, anh hùng hơn người.

Hằng hà sa số: Nhiều quá không thể đếm được.

Hành quân: Di chuyển quân đội từ nơi này đến nơi khác.

Hào: Giới.

Hi vọng: Mong chờ, trông mong.

Hịch Tướng Sĩ: Bài văn viết để hô hào quân sĩ diệt giặc cứu nước.

Hiển hách: Rực rỡ, lừng lẫy, tiếng tăm.

Hiện hình: Để lộ hình ra.

Hiền tài: Người có tài có đức.

Hình dung: Tưởng tượng hình dáng ra trước mắt.

Hô phong hoán vũ: Gọi gió, làm mưa (ý nói làm phép màu).

Hỏa hồng Nhựt Tảo: Tại vàm Nhựt Tảo, anh hùng Nguyễn Trung Trực đã đốt tàu của Pháp. Ý được trích từ hai câu thơ của cụ Huỳnh Mãn Đạt:

Hoàng bào: Áo của vua mặc đặc biệt màu vàng, dân không được mặc áo màu này.

Hoang dã: Nơi đất đai để hoang, ít người đi lại.

Hoang phí: Dùng quá mức cần thiết, gây lãng phí.

Học bổng: Tiền giúp cho học sinh nghèo để theo đuổi việc học.

Hội ái hữu đồng hương: Hội của những người trước kia ở cùng một tỉnh hay thành phố.

Hội Thiện Nguyện: Một tổ chức giúp người nghèo khó, hoạn nạn do một số người có lòng tốt tự nguyện làm.

Hóng mát: Chờ sẵn để đón lấy gió mát.

Huy trương: Nói cho rộng ra, lớn lên.

K

Kẻ ô: Vẽ ô vuông.

Kềm hãm: Hạn chế.

Kẻ không: Nếu không thì.

Kiểm ăn: Tìm việc làm để sinh sống.

Kinh điển: Sách vở dùng làm khuôn mẫu như kinh Thánh, kinh Phật.

Kinh sử: Kinh điển và lịch sử.

Kinh tuyến: Đường tròn tưởng tượng đi qua 2 cực trái đất.

Kịp khoa: Ở đây là kịp khoa thi.

KH

Khắc khoải: Lo lắng không yên kéo dài day dứt.

Khoáng sản: Các vật lấy từ lòng đất.

Khu nhà chờ chết: Khu nhà nuôi những người bệnh sắp chết.

Khuất núi hay qua đời: Đã chết.

Khuyên sớm khuyên trưa: Khuyên nhủ luôn luôn.

Khăn nhỏ, đuôi gà cao: Tóc bới kiểu đuôi gà, quần khăn nhỏ.

L

Lá lành đùm lá rách: Ý nói người khá giả giúp người nghèo túng.

Lạc lối: Lạc đường, đi sai đường.

Lâm sản: Các vật lấy từ rừng.

Lăng tẩm: Chỗ chôn vua.

Lịch sử vàng son: Ý nói lịch sử vinh quang.

Liên kết: Hợp tác với nhau.

Liều chết: Thí mạng, không sợ chết.

Lô nhô: Lố nhố, có nhiều và cao thấp không đều.

Lời tâm huyết: Lời nói xuất phát từ nguyện vọng thiết tha, chân thật đối với một việc gì cao cả. -

Lời thề Sát Thát : Lời thề diệt quân Nguyên.

Lọn mía: Bó mía nhỏ.

Lòng hoài hương: Lòng tưởng nhớ quê hương.

Lông lộng: Cao rộng.

Lục địa: Đất liền.

Lùm cây: Bụi cây.

Lưu lượng: Lượng nước chảy qua một chỗ trong một đơn vị thời gian.

M

Mấp mênh: Bập bênh, nổi trên mặt nước có sóng.

Mất đi: Ở đây nghĩa là chết đi.

Mềm lũn: Rất mềm.

Mỉm môi cười: Nhếch môi cười không ra tiếng.

Mồ côi: Bị mất cha hay mẹ khi còn nhỏ.

Mối mai: Làm mai, giới thiệu.

Môi trường: Điều kiện tự nhiên, xã hội trong đó con người hay sinh vật tồn tại, phát triển với nhau.

Mưa mùa: Mưa đúng theo thời tiết.

Mùa nực: Ý nói mùa hè nóng bức.

Mưu sinh: Làm việc để sống.

N

Năm liệu bầy lo: Lo lắng mọi điều.

Náo nức: Hăm hở, phấn khởi.

Não nùng: Buồn rầu, đau đớn.

Nô lệ: Người bị bắt làm tôi tớ mà không có trả lương.

Nợ nần: Món tiền phải trả, bổn phận phải đền.

Nơi chôn nhau cắt rún: Nơi sinh ra và lớn lên.

Nối ngôi: Tiếp theo.

Nôi: Một loại giường để đưa trẻ con nằm ngủ, còn có ý nói lúc mới sinh ra.

Nức lòng: Hăng hái, phấn khởi.

Núi cheo leo: Núi thẳng đứng và nguy hiểm.

Nuông chiều: Cưng chiều quá đáng.

Nương dâu: Ruộng dâu ở đất cao.

NG

Ngã rạp: Đổ rạp xuống đất.

Ngạc nhiên: Sững sốt, lấy làm lạ.

Ngẩn ngơ: Thờ người ra, thờ ra, không hiểu gì cả.

Nghì: Hay là nghĩa, ý chỉ cách xử thế con người theo lẽ phải.

Nghiêng ngửa: Ý nói ở đây là xứ sở có loạn lạc, chiến tranh.

Ngơ ngác: Sững sốt, không định được chủ ý.

Ngọc lựu: Hạt trái lựu trông như là ngọc.

Ngon ngọt: Êm dịu, bùi tai.

Ngôn ngữ truyền đời: Tiếng nói được truyền qua nhiều đời.

Ngư nghiệp: Nghề đánh cá.

Ngược đãi: Đối xử một cách nặng nề.

Người Nam: Người Việt Nam.

Nguy khốn: Nguy hiểm tới mức khó tìm ra lối thoát

NH

Nhà truyền giáo: Người đi truyền bá tôn giáo.

Nhân loại: Loài người.

Nhan sắc: Có sắc đẹp.

Nhiệt đới: Đới nóng, nằm giữa xích đới và cận nhiệt đới.

Nhu cầu: Những đòi hỏi về đời sống tự nhiên và xã hội.

O

Ổ rom: Chỗ trái rom dùng làm nơi ngủ thay cho giường nằm.

Oai nghiêm: Oai hùng và nghiêm trang.

Ôn tồn: Dịu dàng và ân cần.

PH

Phân xử: Làm cho rõ phải trái để giải quyết một vụ tranh cãi.

Phiêu bạt: Trôi giạt.

Phong vân gặp hội: Nghĩa đen là gặp lúc gió mây, người tài giỏi ví như con rồng hễ có gió có mây thì bay bổng lên trời; nghĩa bóng là được lúc thi đỗ làm quan.

Phụ bạc: Bội bạc, không chung thủy.

Phụ lưu: Sông phụ.

Phú ông: Người đàn ông giàu có trong làng.

Phù sa: Đất bồi.

Phù sa: Đất theo nước trôi đi rồi bồi ở chỗ khác.

QU

Qua cầu đặng cay: Ý nói phải chịu nhiều khó nhọc.

Quân cán chính: Những người đi lính, hoặc làm việc cho một chính phủ.

Quảng đại: Tầm lòng rộng rãi, độ lượng.

Quang phục: Lấy lại cơ nghiệp cũ, thành lập lại cái đã mất.

Quang vinh: Vẻ vang, rạng rỡ.

Quê người: Xứ lạ, nơi mình ở tạm.

Quê nội: Quê nhà phía bên ba/bố của mình.

Quốc sự: Những việc có liên quan đến đất nước.

Quyến luyến: Trìu mến, không rời được.

Quyền năng: Quyền hạn và năng lực.

R

Ràng buộc: Bắt phải theo một khuôn khổ nào đó.

Rạng danh: Lừng lẫy danh tiếng được nhiều người biết đến.

Rơm: Phần trên của thân cây lúa đã gặt, đập hết hạt thóc và được phơi khô.

Rũ sạch: Bỏ hay trút sạch những vướng víu.

Ruộng cả ao liền: Ý nói giàu có, nhiều ruộng đất.

Ruộng mạ non: Vùng đất được gieo hạt thóc mọc thành cây lúa non.

S

Sóng gió bất bình: Ý nói gặp lúc nguy biến, gian nan.

Sông núi: Ý nói ở đây là quê hương đất nước.

Sưu cao thuế nặng: Bị bắt buộc đóng góp tiền hơn số lợi tức mình có.

T

Tài liệu chuyên môn: Giấy tờ vật liệu cần thiết dùng trong một ngành chuyên biệt.

Tạm dung: Nương nhờ tạm thời.

Tâm hồn: Tình cảm và ý nghĩ tốt.

Tấm lòng vàng: Lòng tốt lo lắng thương yêu những người sa cơ, hoạn nạn.

Tân tiến: Mới mẻ, tiến bộ.

Tàng hình: Biến thân hình để không ai trông thấy.

Tặng phẩm: Các thứ dùng để biếu, cho đi.

Tây Du: Phong trào do cụ Phan Chu Trinh khởi xướng chủ trương mở mang dân trí theo Tây học để mưu cầu cứu nước.

Tía: Ba, tiếng gọi người cha (tiếng Tiều Châu).

Tích lũy: Chắt chiu, để dành.

Tiền nhân: Người xưa.

Tiêu diệt: Trừ khử một cách hoàn toàn.

Tiểu thuyết: Chuyện viết ra do trí tưởng tượng thường nhắm vào một đề tài xã hội.

Tín ngưỡng: Lòng tin và sự tôn thờ một tôn giáo.

Tinh cầu: Ngôi sao tròn như quả cầu.

Tình nghĩa: Cảm tình và ân nghĩa.

Tơ tóc: (sợi tơ, sợi tóc) Ý chỉ nhỏ nhất.

Tự do: Được làm theo ý muốn, không bị kèm hãm, bó buộc.

Tự hào: Lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có.

Tu thân: Sửa tâm tính mình cho đúng theo đạo đức.

Tức tức: Ngay lập tức, tức thì.

Tương giao: Giao thiệp, kết thân với nhau.

Tuyệt nhiên: Chẳng hề, không bao giờ.

TH

Tha phương: Ở nơi khác, phương khác . Ý chỉ một phương trời khác.

Thác: Chết.

Thành khẩn: Thành thực, mong muốn.

Thần tiên: Thần và tiên là những bậc thoát trần có nhiều phép lạ. - **Thần tiên (tĩnh từ):** Ung dung thông thả , sung sướng hơn người.

Thằng Bờm: Tên một nhân vật tưởng tượng gán cho thằng bé ngu ngốc.

Thăng trầm: Lúc vinh, lúc nhục.

Thăng, giáng, phế, hưng: Tiến lên, xuống thấp, truất bỏ, nổi lên. Ý nói trải qua bao thay đổi của đời sống.

Thanh thế: tiếng tăm, uy danh.

Thanh thiếu niên (thanh niên và thiếu niên): Người còn trẻ đang ở độ tuổi trưởng thành.

Thao thức: Trăn trở, bức rứt, không ngủ được.

Thây người: Xác người chết.

Thế hệ: Lớp người cùng sống chung một thời.

Thế kỉ: 100 năm.

Thiên đường: Thế giới sung sướng nhất ở trên trời mà hồn người chết được về sau khi được rửa sạch tội lỗi. Ý ở đây là được ở nơi chốn đẹp đẽ và sung sướng

Thiếu dinh dưỡng: Thiếu ăn uống.

Thơ thối (thư thái): Cảm thấy nhẹ nhàng dễ chịu, không có điều gì phải suy nghĩ căng thẳng.

Thoái vị: Từ bỏ ngôi vua.

Thời cuộc: Tình hình đang diễn ra.

Thống trị: Sử dụng bộ máy chính quyền để điều khiển tất cả việc nước.

Thuộc lâu lâu: Nhớ hết từ đầu đến cuối.

Thưởng ngoạn: Ngắm cảnh để thưởng thức.

Thượng nguồn: Khúc sông ở đầu nguồn.

Thủy lộ: Đường đi trên sông.

Thủy nông: Công việc dẫn nước cho nghề làm ruộng.

Thuyền nan: Chiếc ghe làm bằng nan tre.

TR

Trách nhiệm: Nhận làm một công việc và hậu quả của việc đó.

Trại tập trung: Trại tù trong các khu rừng thiêng nước độc.

Tràm: Thù cây có nhiều lần vỏ mỏng như giấy, lá có mùi thơm cay.

Tri âm: Người bạn thấu hiểu được lòng mình.

Triều cống: Nước chư hầu đem phẩm vật nộp cho nước mà mình thần phục.

Trọng thưởng: Ban thưởng xứng đáng.

Trùng dương: Biển cả.

Trung nghĩa: Một lòng trung thành vì việc nghĩa.

Truy tặng: Tặng thưởng cho người đã chết mà có công giúp nước.

Truy tặng: Tưởng thưởng cho người đã chết có công với xã hội, đất nước.

Truyền thụ: Truyền lại tri thức, kinh nghiệm cho con cháu sau này.

V

Văn hóa: Mọi cần dùng về đời sống có tổ chức của một dân tộc như kinh tế, luật pháp, văn chương.

Văn nhân: Người có dáng điệu nho nhã, nhà văn.

Vạn: Mười ngàn.

Vàng vạc: Rất trong sáng.

Vị trí: Nơi chốn trên trái đất.

Vĩ tuyến: Đường tròn tưởng tượng chạy vòng quanh trái đất và song song với xích đạo.

Vinh quy: Vinh hiển rồi trở về -- chỉ người thi đỗ hay có công dẹp giặc được vua phong quan và cho về thăm nhà.

Vô ích: Không có lợi gì.

Vỡ mặt: Sợ tan mặt.

Vô nhân đạo: Dã man, không có tình người.

Vốn liếng: Ở đây có nghĩa là tất cả sự nghiệp.

Vọc đầu trắng: Một loại thú quý hiếm trên thế giới, giống khi lông đen, đầu và vai có lông trắng.

S

Sơn dương: Một loại thú quý hiếm còn gọi là dê rừng.

V

Vũ công: Công việc về chiến đấu, đánh trận.

Vùng hồng: Mặt Trời

Vườn chè: Vườn trồng cây trà.

X

Xâm chiếm: Chiếm đoạt đất đai bằng vũ lực.

Xâm lăng: Đánh chiếm lãnh thổ và đoạt chủ quyền nước khác.

Xao lãng: Không chú ý tới nhiều.

Xao lãng: Quên đi, không để tâm vào ý.

Xiêm y: Nói chung xiêm và áo.

Xiêm: Bộ y phục ngày xưa che phần dưới của thân người.

Xoay vần: Thay đổi lần hồi.

Xót xa: Đau đớn, khó chịu.

Y

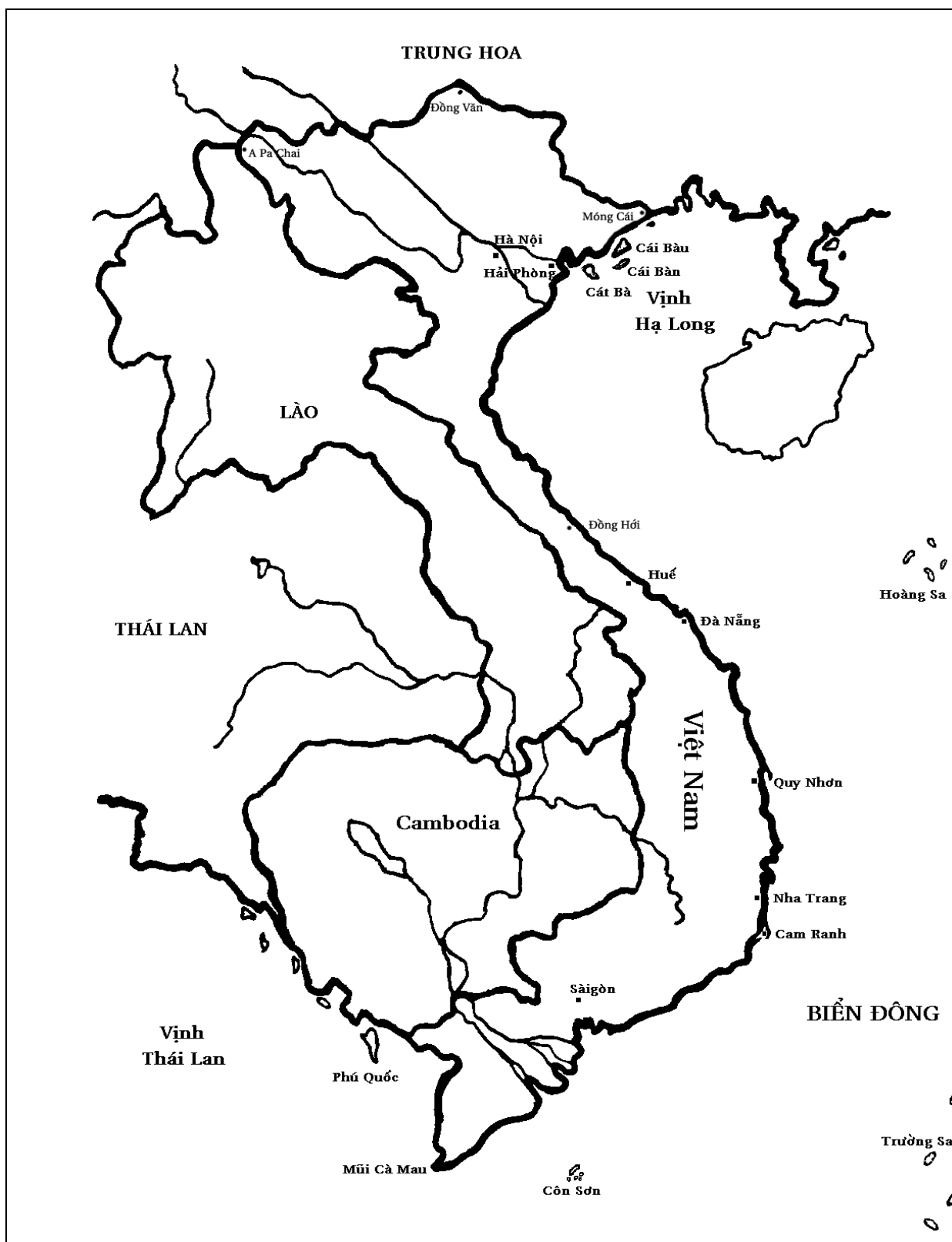
Ý nghĩa: Sự thích đáng, lẽ phải, nghĩa lí.

Yên Bái: Nơi Nguyễn Thái Học khởi nghĩa chống Pháp.

Yên Thế: Nơi Hoàng Hoa Thám nổi lên chống Pháp.

----- oOo -----

Bản đồ Việt Nam.



Bài Đọc Thêm

Thơ Đường Luật

Thơ Đường Luật là loại thể thơ có luật thơ nhất định và được rất phổ biến trên thi đàn Việt Nam, xuất xứ từ đời Đường (Tang : 618-907) bên Trung Hoa.

Thơ Đường có 4 thể:

- a) Thất Ngôn Bát Cú
- b) Thất Ngôn Tứ Tuyệt
- c) Ngũ Ngôn Bát Cú
- d) Ngũ Ngôn Tứ Tuyệt

Ngày xưa người Việt làm thơ bằng chữ Hán mãi đến đời Trần, Hàn Thuyên hay Nguyễn Thuyên là người đầu tiên làm bằng chữ Nôm, nên Đường luật còn gọi là Hàn Luật. Thất Ngôn Bát Cú có luật lệ gò bó khó làm nhất nhưng lại được thường dùng để bày tỏ tình cảm ý chí, ngâm vịnh, trào phúng, xướng họa, chúc mừng, khai bút đầu Xuân... ngay trong các kỳ thi cũng bắt thí sinh làm một bài.

Thất là bảy
Ngôn là chữ
Bát là tám
Cú là câu

nghư vậy thơ Thất Ngôn Bát Cú là loại thơ có 8 câu và mỗi câu có 7 chữ .

Sau đây trình bày khái quát về bố cục và luật lệ căn bản của thể thơ này:

- 1) Bố cục chia làm 4 phần rõ rệt:

Câu 1 và 2:	Mở:	giới thiệu tổng quát đề tài hay điều muốn đề cập đến.
Câu 3 và 4:	Thực:	tả hay giải thích.
Câu 5 và 6:	Luận:	bàn rộng ra
Câu 7 và 8:	Kết:	tình cảm hay tâm sự riêng tác giả.

- 2) Gieo vần: Cách gieo vần hay vận được theo gieo từ từ chữ cuối của câu đầu và chữ cuối của các câu chẵn như 2, 4, 6 và 8 . Vần thì thông thường là thanh Bằng .

- a) Luật vần bằng: Chữ thứ 2 của câu đầu tiên dùng thanh bằng thì gọi là bài có "luật bằng"

Mùa Thu Ngồi Câu Cá*Nguyễn Khuyến*

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
 x B x T x B B

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
 x T x B x T B

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
 x T x B x T T

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
 x B x T x B B

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
 x B x T x B T

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
 x T x B x T B

Tựa gối, buông cần lâu chẳng được,
 x T x B x T T

Cá đâu đớp động dưới chân bèo.
 x B x T x B B

b) Luật vần trắc: Chữ thứ 2 câu đầu dùng thanh trắc thì gọi là bài có "luật trắc".

Nhớ Bạn Phương Trời*Trần Tế Xương*

Ta nhớ người xa cách núi sông
 x T x B x T B

Người xa xa lắm, nhớ ta không?
 x B x T x B B

Sao đang vui vẻ ra buồn bã?
 x B x T x B T

Vừa mới quen nhau đã lạ lòng!
 x T x B x T B

Khi nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng,
 x T x B x T T

Nỗi riêng riêng cả đến tình chung.

x B x T x B B

Tương tư lọ phải là mưa gió

x B x T x B T

Một ngọn đèn xanh trống điểm thùng

x T x B x T B

- 3) Niêm: (nghĩa là dán cho dính lại.) Luật niêm trong thơ là quy tắc về âm luật để sắp xếp các câu thơ trong bài dính lại với nhau về âm điệu. Trong bài Đường Luật,

câu 1 niêm với câu 8,
câu 2 niêm với câu 3,
câu 4 niêm với câu 5,
câu 6 niêm với câu 7,

Luật vần bằng

Câu 1: x B x T x B B
Câu 2: x T x B x T B
Câu 3: x T x B x T T
Câu 4: x B x T x B B
Câu 5: x B x T x B T
Câu 6: x T x B x T B
Câu 7: x T x B x T T
Câu 8: x B x T x B B

Luật vần trắc

Câu 1: x T x B x T B
Câu 2: x B x T x B B
Câu 3: x B x T x B T
Câu 4: x T x B x T B
Câu 5: x T x B x T T
Câu 6: x B x T x B B
Câu 7: x B x T x B T
Câu 8: x T x B x T B

Điều căn bản của luật thơ Đường là đối âm và đối ý. Nguyên tắc cố định của một bài thơ Đường là câu 3 phải đối câu 4; và câu 5 phải đối câu 6.

Sao đang vui vẻ ra buồn bã?
Vừa mới quen nhau đã lạ lòng!

Khi nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng,
Nỗi riêng riêng cả đến tình chung.

hay

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

Thơ Mới

Khi xưa thơ Việt Nam đều theo loại thơ Đường từ bên Trung Hoa với các luật gò bó trong các số chữ, số câu và các gieo vần bằng trắc .

Khi phong trào Quốc ngữ và nhóm Tự Lực Văn Đoàn khởi xướng tiếng Việt sáng sủa, giản dị để cho nhiều người thích đọc, cuối năm 1932 một phong trào thơ mới được phát triển mạnh mẽ vì không có giới hạn số chữ, số câu, niêm luật và chỉ có vần có điệu mà thôi .

Các tác phẩm tiêu biểu như sau:

Tình Già

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa.

Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh kề nhau than thở:

- “Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hẳn là không đáng,

Để đến nỗi, tình trước phụ sau, chỉ cho bằng sớm liệu mà buông nhau!”

- “Hay! mới bạc làm sao chứ! Buông nhau làm sao cho nỡ?

Thương được chừng nào hay chừng này, chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy!”

- “Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng mà tính việc thủy chung?”

Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau.

Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lung đố nhìn ra được.

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi! Con mắt còn có đuôi.

Phan Khôi

Tiếng Thu

Em không nghe mùa thu

Dưới trăng mờ thồn thức?

Em không nghe rạo rức

Hình ảnh kẻ chinh phu

Trong lòng người cô phụ ?

Em không nghe rừng thu,

Lá thu kêu xào xạc,

Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô ?

Lưu Trọng Lư

Cảm Xúc

Là thi sĩ, nghĩa là ru với gió	Tay áp ngực dò xem triều máu lệ,
Mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây,	Nghìn trái tim mang trong một trái tim
Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,	Để hiểu vào giọng suối với lời chim,
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến.	Tiếng mưa khóc, lời reo tia nắng động.
Đây là quán tha hồ muôn khách đến;	Không có cánh nhưng vẫn thềm bay bổng;
Đây là bình thu hợp trí muôn phương;	Đi trong sân mà nhớ chuyện trên trời:
Đây là vườn chim nhả hạt mười	Trút ngàn năm trong một phút chơi vơi;
phương,	Ngắm phong cảnh giữa hai bề lá cỏ...
Hoa mật ngọt chen giao cùng trái độc...	- Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ,
Đôi giếng mắt đã chứa trời vạn học;	Mà vạn vật là muôn đá nam châm;
Đôi bờ tai nào ngăn cản thanh âm:	Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
0Của vu vơ nghe mãi tiếng kêu thẳm...	Sao lại trách người thơ tình lời <i>lá</i> ?
Của xanh thắm thấy luôn màu <i>nói sẽ</i> ...	<i>Xuân Diệu</i>

Chân Quê

Hôm qua em đi tỉnh về?
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu có yếm lụa sồi?
Cái dây lưng dũi nhuộm hời sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân ?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?
Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
Như long em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh
Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về?
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều

Nguyễn Bình (1936)

Giây Phút Chạnh Lòng

Anh đi đường anh, tôi đường tôi
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi
Đã quyết không mong sum họp mãi
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi

Non nước đang chờ gót lãng du
Đâu đây vắng tiếng hát chinh phu
Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ

Anh đi vui cảnh lạ, đường xa
Đem chí bình sinh dãi nắng mưa
Thân đã hiến cho đời gió bụi
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ?

Rồi có khi nào ngấm bóng mây
Chiều thu đưa lạnh gió heo may
Dừng chân trên bến sông xa vắng
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây

Xin anh cứ tưởng bạn anh tuy
Giảm hãm thân trong cảnh nặng nề
Vẫn để hồn theo người lặn lội
Vẫn hằng trông đếm bước anh đi

Lấy câu khảng khái tiễn đưa nhau
Em muốn cho ta chẳng thăm sầu
Nhưng chính lòng em còn thổn thức
Buồn kia em giấu được ta đâu?

Em đứng nương mình dưới gốc mai
Vín ngành sương đọng, lệ hoa rơi
Cười nâng tà áo đưa lên gió
Em bảo: hoa kia khóc hộ người.

Rồi bỗng ngừng vui cùng lặng lẽ
Nhìn nhau bình thản lúc ra đi
Nhưng trong khoảnh khắc thờ ơ ấy
Thấy cả muôn đời hận biệt ly

Năm năm theo tiếng gọi lên đường
Tóc rụng tôi bởi gió bốn phương
Mấy lúc thần thờ trông trở lại
Để hồn mơ tới bạn quê hương

Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng
Gác tình duyên cũ chẳng đường trông
Song le hương khói yêu đương vẫn
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng

Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan
Trong lúc gần xa pháo nổ ran
Rũ áo phong sương trên gác trọ
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang

Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi
Trên đường rộn rã tiếng đua cười
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy
Cùng ngấm xuân về trên khóm mai

Lòng ta tha thiết đượm tình yêu
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều
Mất lệ đầm trông miền cách biệt
Phút giây chùng mõi gót phiêu lưu...

Cát bụi tung trời – Đường vất vả
Còn dài – Nhưng hãy tạm dừng chân
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân?

Tác giả: Thế Lữ (1937)

(Cảm đề truyện “Đoạn

Tuyệt”)

Thề Non Nước

Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi, không về cùng non.
Nhớ lời nguyện nước thề non,
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày.
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời tây ngả bóng tà dương,
Càng phai vẻ ngọc nét vàng phai pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non còn nhớ nước, nước mà quên non.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước hãy còn thề xưa.
Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước chưa nguôi lời thề.

Tản Đà (1921)

Cô Hàng Xóm (Người Hàng Xóm)

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,
Cách nhau cái dậu mừng tôi xanh rờn.
Hai người sống giữa cô đơn,
Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi.
Giá đừng có dậu mừng tôi,
Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng.

Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng...
Có con bướm trắng thường sang bên này.
Bướm ơi! Bướm hãy vào đây!
Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi...
Chả bao giờ thấy nàng cười,
Nàng hong tơ ướt ra ngoài mái hiên.

Mắt nàng đắm đắm trông lên...
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi!
Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi,
Tôi buồn tự hỏi: “Hay tôi yêu nàng?”
- - Không, từ ân ái lỡ làng,
Tình tôi than lạnh gió tàn làm sao?
Tơ hong nàng chả cất vào,
Con bướm bướm trắng hôm nào cũng
sang.

Mấy hôm nay chẳng thấy nàng,
Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong.
Cái gì như thể nhớ mong?

Nhớ nàng? Không! Quyết là không nhớ
nàng!

Vâng, từ ân ái nhờ nàng,
Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa.

Tầm tầm giờ cứ đổ mưa,
Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm.
Cô đơn buồn lại thêm buồn,
Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi?
Hôm nay mưa đã tạnh rồi!
Tơ không hong nữa, bướm lười không
sang.

Bên hiên vẫn vắng bóng nàng,
Rung rung... tôi gục xuống bàn rung
rung...
Nhớ con bướm trắng lạ lùng!
Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng.

Hỡi ơi! Bướm trắng tơ vàng!
Mau về mà chịu tang nàng đi thôi!
Đêm qua nàng đã chết rồi,
Nghẹn ngào tôi khóc... Quả tôi yêu nàng.

Hồn trinh còn ở trần gian?
Nhập vào bướm trắng mà sang bên này!

Nguyễn Bính (1940)

Tài Liệu Tham Khảo & Trích Dẫn:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Hán Việt Tự Điển.**
Nguyễn Văn Khôn
- **Việt Nam Sử Lược.**
Trần Trọng Kim
- **Sấm Giảng Thi Văn Toàn Bộ.**
Huỳnh Phú Sổ
- **Hạnh Phúc Gia Đình.**
Nārada
- **Tập đọc II**
Bùi Văn Bảo.
- **Sài Gòn Chợ Lớn Rong Chơi.**
Lý Lan.
- **Theo Ánh Tinh Cầu.**
Toàn Phong - Nguyễn Xuân Vinh.
- **Gió Đầu Mùa.**
Thạch Lam.
- **Tâm Hồn Cao Thượng.**
Hà Mai Anh.
- **Minh Triết Trong Đời Sống.**
Darshani Deanne
- **Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc .**
- **Tuổi Hoa.**
Số 1.
- **Tuần Báo Mỡ.**
Số 987 năm 2001.
- **Thông Điệp Tình Thương Của Mẹ Teresa.**
Linh mục Bùi Quang Tuấn.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Địa Lý Việt Nam.**
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Việt Sử Toàn Thư.**
Phạm Văn Sơn
- **Việt Nam Danh Nhân Tự Điển..**
Nguyễn Huyền Anh
- **Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển.**
Dương Quảng Hàm
- **Tiếng Việt Tuyệt Vời.**
Đỗ Quang Vinh
- **Quốc Văn Giáo Khoa Thư.**
Việt Nam
- **Tài Liệu của Bộ Quốc Gia Giáo Dục,**
Việt Nam
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.
- **Nắng Trong Vườn.**
Thạch Lam.
- **Trống Mái.**
Khái Hưng.
- **Quê Hương và Nước Mắt.**
Vĩnh Hào.
- **Việt Mercury News.**
Số 12 (6/6/2001).
- **Ý Dân.**
Giai Phẩm Xuân 2001.
- **Văn Nghệ Tiền Phong.**
Số 108.

QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Lưu Hữu Phước



Này Công Dân ơi Đứng lên đáp lời sông núi Đồng lòng cùng
đi hy sinh tiếc gì thân sống. Vì tương lai Quốc dân, cùng
xông pha khói tên, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dù
cho thầy phôi trên gươm giáo, thù nước lấy máu đào đem
báo Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy, người Công Dân
luôn vững bền tâm trí, hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi vang
tiếng người nước Nam cho đến muôn đời Công Dân ơi! mau hiến thân dưới
cờ Công Dân ơi Mau làm cho cỏi bờ, thoát cơn tàn phá, về
vang nòi giống xứng danh nghìn năm giồng giống Lạc Hồng

VĂN LANG HÀNH KHÚC

Thượng Nhân



Về Văn Lang ta vui chúng ta cùng quay về nguồn
Lòng hăng say ta vui chúng ta cùng xây dựng đời



Về nơi đây hôm nay chúng ta cùng xây đời mới
Rồi mai đây quê hương sẽ vang lòng thế hệ mới



Hãy cùng sánh vai Vì non sông góp công vì quê hương đấu
Hướng về nước Nam Lòng ta luôn quyết tâm cùng nhau đi đắp



tranh tranh Cho khắp nơi chan hoà mừng vui
xây xây Cho khắp nơi reo mừng đoàn viên



Anh chị em hồi mau về đây ta cùng tô thắm cho đời



sau Cho nước non mai này sẽ thanh bình nơi nơi
Cho cháu con Tiên Rồng sẽ sống đời yên vui

NGÔI TRƯỜNG VĂN LANG

Thượng Nhàn

Nơi Văn Lang em vui học vui Em siêng
 Nơi Văn Lang em luôn học chăm Em hằng
 năng trau dồi tiếng Việt Em sẽ là học sinh gương
 say đến trường mỗi tuần Em sẽ là trò ngoan trong
 mẫu Cho xứng là giống giống Ròng Tiên
 lớp Cho xứng lòng thương mến thầy cô
 Em luôn luôn nghe theo thầy cô Chăm viết
 chăm đánh vần chữ Việt Em sẽ thành một người hữu
 ích Cho xứng là giống giống Việt Nam
 Văn Lang ơi thầy cô yêu mến dạy cho em lễ
 Văn Lang ơi trường em yêu dấu là nơi em ra
 phép làm người. Em không quên những lời khuyên bảo
 sức học hành. Em mong sao đến ngày khôn lớn
 Để mai sau xứng thành người dân
 Sẽ mang cống hiến về quê hương

VIỆT NAM

Phạm Duy



Việt Nam Việt Nam nghe tự vào đời Việt Nam hai câu nói bên vành nôi Việt

Nam nước tôi Việt Nam Việt Nam tên gọi là người Việt Nam hai câu nói sau cùng đi lia

đời Việt Nam đây miền xinh tươi Việt Nam đem vào sông núi Tự do công bình báo ái muôn

đời Việt Nam không đời xương máu. Việt Nam kêu gọi thương nhau Việt Nam đi xây đắp yên vui dài

lâu Việt Nam trên đường tương lai lửa thiêng soi toàn thế giới. Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho

đời. Tình yêu đây là khí giới. Tình thương đem về muôn nơi. Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình

người... Việt Nam Việt Nam Việt Nam quê hương đất nước sáng

ngôi Việt Nam Việt Nam Việt Nam muôn đời

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ

Nguyễn Đức Quang

1. Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn. Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang
 2. Ta như giống dân di tràn trên lò lửa hồng. Mặt lạnh như đồng cùng phin về một xa

vang. Lê sau bàn chân gông xiềng của thời xa xăm. Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loang
 xăm. Da chạn mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân tười. Ôm vết thương rỉ máu ta cười dưới ánh mặt

xoang. Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người. Nụ cười muôn đời là một nụ cười không
 trời. Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người. Làm người huy hoàng phải chọn làm người dân

tươi. Nụ cười xa vời nụ cười của lòng hồn sôi. Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân
 Nam. Làm người ngang tàng điểm mặt mày của trần gian. Hỡi những ai gục xuống ngoi dậy hùng cường đi

gian. ĐK. Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại. Xương da thịt này cha ông
 lên.

miệt mài Từng ngày qua, cười ngạo nghề đi trong đau nhức không người

chúng ta thành một đoàn người hiên ngang trên bàn chông hát cười đùa

vang vang. Còn Việt Nam triệu con tim này còn triệu khối kiêu hùng (2. Ta như giống.....)